



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021-2030; Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

Thực hiện Công văn số 10/TTr-P2 ngày 03/01/2025 của Thanh tra Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo phục vụ cuộc thanh tra theo kế hoạch và xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra; trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương và báo cáo của Ban Dân tộc - Tôn giáo tỉnh tại Công văn số 108/BDTTG-CS ngày 13/02/2025, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*), như sau:

**I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI
CỦA ĐỊA PHƯƠNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN CÁC
CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH THUỘC LĨNH VỰC CÔNG TÁC
DÂN TỘC**

1. Địa bàn, số dự án, tiểu dự án thực hiện Chương trình

- Địa bàn thực hiện: Chương trình được thực hiện trên địa bàn 61 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số; trong đó: 52 xã khu vực III, 03 xã khu vực II và 06 xã khu vực I (*hiện nay, còn 50 xã khu vực III, 01 xã khu vực II và 10 xã khu vực I*) và 241 thôn đặc biệt khó khăn.

- Số dự án, tiểu dự án thực hiện: trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện tổng cộng 10 dự án, 12 tiểu dự án và các nội dung thành phần (*không thực hiện tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào DTTS&MN của dự án 3 và tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc của dự án 4*).

2. Về điều kiện tự nhiên: Chương trình được thực hiện hầu hết trên địa bàn 05 huyện miền núi ở phía Tây của tỉnh Quảng Ngãi, có địa hình phức tạp, đồi núi có độ dốc cao, thung lũng hẹp, bị chia cắt bởi nhiều sông suối. Các huyện miền núi nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng Tây Nguyên và vùng Duyên hải Nam Trung bộ, nhiệt độ trung bình trong năm khoảng 27°C.

3. Tình hình kinh tế-xã hội trên địa bàn thực hiện Chương trình:

- Về kinh tế: Trong những năm qua, kinh tế vùng đồng bào DTTS và

MN tiếp tục tăng trưởng; mục tiêu giảm hộ nghèo đạt kết quả tốt, năm 2022 giảm 5,37%, năm 2023 giảm 6,01%, năm 2024 giảm 7,72%, dự kiến năm 2025 giảm 11,07% (tỷ lệ giảm hộ nghèo qua các năm đã vượt mục tiêu đề ra), đến cuối năm 2024 có 11.005 hộ nghèo (chiếm 16,54%) và 5.783 hộ cận nghèo (chiếm 8,69%)¹; có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 02 xã đạt 15 - 18 tiêu chí, 33 xã đạt 10 - 14 tiêu chí và 16 xã đạt 5 - 9 tiêu chí; 100% xã có điện lưới quốc gia; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt 98%; tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 94,8%...

- Về giáo dục: Cơ sở vật chất, hạ tầng giáo dục đã được quan tâm đầu tư, 100% xã có trường, lớp mầm non chuẩn quốc gia; tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố đạt 100%; tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99,4%; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 97%; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường đạt 94,5%; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường đạt 57,8%; tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 90%.

- Về y tế: Công tác y tế được triển khai thực hiện toàn diện, đầy đủ và hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế; mạng lưới y tế cơ sở ngày càng được củng cố và hoàn thiện, 100% xã có trạm Y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế cơ sở đã được nâng cao, cơ cấu cán bộ được đảm bảo 100% xã có bác sỹ, các thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động; tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố đạt 100%; tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ) đạt 91%; tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế đạt 89%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn 21,4%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm còn 1,8%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi còn 31,5%; tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 91%.

- Về văn hóa: Trong những năm qua, việc đầu tư, chăm lo phát triển đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào DTTS đã được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm, các thiết chế văn hóa, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của đồng bào được giữ gìn và phát huy, từng bước nâng cao đời sống tinh thần của người dân; đến nay, tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 95,5%; tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng đạt 35%; tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình, nghe đài phát thanh đạt 99%.

- Về an ninh, trật tự: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cơ bản được giữ vững và ổn định, không có vụ việc gây rối trật tự xã hội, không xảy ra những điểm nóng phức tạp;

¹ Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

đồng bào các dân tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Các cấp, các ngành, các địa phương chủ động nắm bắt tình hình an ninh, trật tự xã hội. Tuy nhiên, cũng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp của các thế lực thù địch, các tà giáo, mị dân...

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

1. Thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, Ban Quản lý dự án, Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý dự án các cấp:

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; Trưởng Ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 về Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025. UBND các huyện thực hiện Chương trình cũng đã Quyết định thành lập BCĐ và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện để chỉ đạo, điều hành việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình.

2. Việc ban hành văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025:

Trong thời gian qua, HĐND tỉnh đã ban hành 26 Nghị quyết; UBND tỉnh đã ban hành 53 Quyết định, 23 Kế hoạch và nhiều Công văn chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, các Sở, ban ngành và UBND các huyện liên quan, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của cấp thẩm quyền cũng đã ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện Chương trình theo đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao.

(chi tiết có phụ lục số 01 kèm theo)

3. Việc xây dựng kế hoạch sử dụng các nguồn lực để lồng ghép thực hiện chương trình, dự án:

a) Về lồng ghép và huy động vốn: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; đối với lồng ghép vốn đã quy định cụ thể về nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn; nội dung thực hiện lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác; cách thức và trình tự thực hiện lồng ghép nguồn vốn; quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán nguồn vốn được lồng ghép; đối với huy động vốn đã quy định cụ thể về nguyên tắc huy động và sử dụng nguồn lực huy động để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; cơ chế huy động, sử dụng nguồn vốn tín dụng và nguồn lực hợp pháp khác

b) Cơ chế phân bổ vốn: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/07/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025 và Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh.

c) Công tác lập, giao kế hoạch vốn: Trên cơ sở Quyết định giao vốn của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn lập kế hoạch vốn của các Bộ, ngành liên quan; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đã phối hợp với các sở ngành và UBND các huyện liên quan, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết giao kế hoạch vốn. Trên cơ sở các Nghị quyết giao, điều chỉnh kế hoạch trung hạn², kế hoạch vốn hàng năm³ của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã Quyết định giao, điều chỉnh kế hoạch trung hạn⁴, giao, điều chỉnh kế hoạch vốn hàng năm⁵ thực hiện Chương trình.

² Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

³ (1) đối với vốn đầu tư công: HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2022; Số 74/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023; số 18/NQ-HĐND ngày 22/5/2023 về giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 2) cho các dự án đủ điều kiện giao vốn; số 57/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài sang năm 2023 và giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 2) nguồn ngân sách địa phương; số 78/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2024; Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 3); (2) đối với vốn sự nghiệp: HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022; số 04/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023; số 17/NQ-HĐND ngày 05/03/2024 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2024.

⁴ Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình

⁵ (1) đối với vốn đầu tư công: UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số: 848/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022; số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Đợt 1); số 433/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện giao vốn; số 914/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài); số 1061/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài sang năm 2023 và giao kế hoạch vốn năm 2023 (đợt 2) nguồn ngân sách địa phương; số 1415/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, số 457/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, số 618/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 về điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024) thực hiện Chương trình, Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 3); (2) đối với vốn sự nghiệp: UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số: số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 và số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022; số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023, số 1231/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 Điều chỉnh vốn sự nghiệp năm 2022 và 2023; số 214/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2024.

Nhìn chung, trong thời gian qua, Chương trình được thực hiện chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước; đối với nguồn lực huy động từ các thành phần kinh tế khác (ngoài ngân sách nhà nước) gặp nhiều khó khăn do Chương trình được thực hiện trên địa bàn các xã ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN nơi có điều kiện kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng chậm phát triển, chưa thu hút các nguồn vốn đầu tư để thực hiện; mặt khác, trong thời gian qua, hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình còn nhiều chồng chéo, thiếu đồng bộ, phải sửa đổi nhiều lần nên rất khó khăn trong việc huy động vốn, tổ chức thực hiện; việc phân bổ vốn đối ứng nguồn ngân sách huyện còn gặp nhiều khó khăn (*các huyện miền núi chưa phân bổ đủ số vốn đối ứng tối thiểu 5% tổng ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện*) để thực hiện Chương trình.

4. Việc phân công nhiệm vụ, giao chỉ tiêu kế hoạch hằng năm cho các các sở, ngành và các huyện:

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022; theo đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh chủ trì, hướng dẫn và thực hiện triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo; UBND các huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Cơ quan thường trực Chương trình và các cơ quan chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần cấp tỉnh để theo dõi, phối hợp và tổng hợp báo cáo cho cấp thẩm quyền. Trên cơ sở kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm⁶ đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị liên quan và giao chỉ tiêu thực hiện cụ thể hàng năm.

(Chi tiết có Phụ lục số 02 kèm theo)

5. Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm toán liên quan đến nội dung thanh tra:

(Chi tiết có Phụ lục số 03 kèm theo).

6. Thực hiện chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, chính sách theo quy định:

a) Chế độ thông tin, báo cáo: việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND đã được các sở, ban ngành,

⁶ Các Kế hoạch: số 131/KH-UBND ngày 22/8/2022, số 33/KH-UBND ngày 21/02/2023, số 24/KH-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện thực hiện tốt, chấp hành đúng yêu cầu báo cáo theo yêu cầu, hướng dẫn của các cấp, ngành thẩm quyền; việc thu thập thông tin, cập nhật số liệu, báo cáo của các cơ quan, đơn vị đảm bảo thời gian, tiến độ và chất lượng báo cáo.

b) Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025; hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình⁷ và thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện Chương trình⁸. Lãnh đạo UBND tỉnh cũng đã tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn các huyện thực hiện Chương trình trong năm 2022, 2023 và năm 2024.

Ngoài ra, năm 2023, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn các huyện và các Sở, ngành của tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì, thực hiện các dự án, tiểu dự án và các nội dung thành phần của Chương trình.

- Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Chương trình, hàng năm, Ban Dân tộc tỉnh đã xây dựng Kế hoạch⁹ và tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện các dự án, tiểu dự án và nội dung thuộc Chương trình (*phần nội dung do Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện*). Ngoài ra, các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện (*tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh*) đã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án và nội dung thuộc Chương trình do đơn vị mình chủ trì.

- UBND các huyện thực hiện Chương trình đã xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025; trên cơ sở đó, hàng năm ban hành các kế hoạch kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện.

c) Việc giải quyết kiến nghị, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình

- Đối với những kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của các Bộ, ngành Trung ương: UBND tỉnh đã có báo cáo đề xuất, kiến nghị¹⁰ đối với các

⁷ Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022, Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 22/3/2023, Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 06/03/2024

⁸ Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 21/11/2022, Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 09/6/2023; Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND tỉnh

⁹ Kế hoạch số 887/KH-BDT ngày 07/11/2022; Kế hoạch số 516/KH-BDT ngày 06/06/2023; Kế hoạch số 698/KH-BDT ngày 14/06/2024 của Trường Ban Dân tộc tỉnh về Kế hoạch thực hiện tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình của dự án 10 thuộc Chương trình

¹⁰ Công văn số 4558/UBND-KGVX ngày 12/09/2022 về việc báo cáo, kiến nghị hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 6654/UBND-KGVX ngày 30/12/2022 về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 1029/UBND-KGVX ngày 29/02/2024 về việc báo cáo tiến độ triển khai thực hiện; kết quả giải

Bộ, ngành đề hướng dẫn thực hiện. UBND tỉnh đã tham gia, đề xuất nội dung sửa đổi Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ¹¹; chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN¹²

- Đối với những kiến nghị, khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn hoặc tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền. Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu, triển khai các quy định, các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành liên quan để triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

d) Việc thực hiện kết luận của các cơ quan có thẩm quyền:

- Về thực hiện kết luận thanh tra, kiểm toán: Nhìn chung, sau khi có Kết luận thanh tra của cấp thẩm quyền; UBND các huyện, các chủ đầu tư đã thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp xử lý, kiến nghị trong Kết luận; đồng thời, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, khuyết điểm trong việc tổ chức thực hiện Chương trình.

- Về thực hiện kiến nghị sau giám sát của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh: UBND tỉnh đã có Báo cáo số 57/BC-UBND ngày 27/03/2024 về kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực và các Ban HĐND tỉnh tại các Báo cáo: Số 205/BC-HĐND ngày 09/10/2023, số 261/BC-HĐND ngày 01/12/2023 (trong đó đã kết quả giải quyết nội dung kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại Báo cáo số 121/BC-HĐND ngày 14/7/2023 về việc kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh). Ngoài ra, chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện tiếp tục rà soát, báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực và các Ban HĐND tỉnh đối với việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh¹³.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH

1. Tình hình phân bổ và giải ngân vốn Chương trình

ngân vốn và những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Công văn số 1713/UBND-KGVX ngày 05/04/2024 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện 03 Chương trình MTQG và Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội

¹¹ Công văn số 3873/UBND-KGVX ngày 11/08/2023 của UBND tỉnh về việc đề xuất điều chỉnh nội dung sửa đổi Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ

¹² Công văn số 443/BDT-CSDT ngày 15/04/2024 về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

¹³ Báo cáo số 1009/BC-BDT ngày 06/10/2023; Báo cáo số 222/BC-BDT ngày 27/02/2024; Báo cáo số 824/BDT-CSDT ngày 10/07/2024 của Ban Dân tộc tỉnh kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực và các Ban HĐND tỉnh đối với việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

a) Ngân sách Trung ương

- Tổng kế hoạch vốn đã giao năm 2022-2024 là 1.625.655 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 799.199 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 826.456 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 971.112 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 692.742 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 278.370 triệu đồng).

b) Ngân sách địa phương

- Tổng kế hoạch vốn đã giao năm 2022-2024 là 173.265 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 82.210 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 91.055 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 92.791 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 66.045 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 26.746 triệu đồng).

- Hỗ trợ hoạt động Ban Chỉ đạo và quản lý chương trình: Không.

c) Huy động các nguồn lực hợp pháp khác: Trong thời gian quan, việc thực hiện Chương trình chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; chưa huy động được các nguồn vốn khác ngoài ngân sách.

(Tổng hợp số liệu theo Phụ lục số 04)

2. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình:

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Tổng kế hoạch vốn đã giao là 231.235 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 156.961 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 74.274 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 153.611 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 135.316 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 18.295 triệu đồng).

- Các nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ đất ở: Chưa thực hiện.

+ Hỗ trợ nhà ở: đối với nguồn ngân sách nhà nước đã thực hiện hỗ trợ cho 1.444 hộ xây dựng nhà ở; đối với nguồn vốn vay đã hỗ trợ cho 1.534 hộ xây dựng nhà ở.

+ Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: đối với nguồn ngân sách nhà nước đã thực hiện hỗ trợ cho 436 hộ; đối với nguồn vốn vay đã hỗ trợ cho 108 hộ

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt: đã thực hiện xây dựng 47 công trình nước sinh hoạt tập trung và thực hiện hỗ trợ cho 8.159 hộ sử dụng nước sinh hoạt phân tán (Mua sắm trang bị téc, lu, bồn chứa nước....)

(Tổng hợp số liệu chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 06)

b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

- Tổng kế hoạch vốn đã giao là 109.577 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 105.739 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 3.838 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 74.375 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 74.375 triệu đồng).

- Các nội dung:

+ Đầu tư bố trí ổn định dân cư tập trung: đã thực hiện đầu tư xây dựng 11 dự án; có 02 dự án chưa bố trí vốn thực hiện do vướng mắc công tác bồi thường giải phóng mặt bằng;

+ Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư: đến nay, các dự án chưa thực hiện bố trí dân cư vào dự án. UBND các huyện, các xã liên quan đang thực hiện các thủ tục, rà soát đối tượng để tổ chức thực hiện theo quy định.

+ Hỗ trợ bố trí dân cư xen ghép: chưa thực hiện.

(Tổng hợp số liệu chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 07)

c) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

- Tổng kế hoạch vốn đã giao là 530.621 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 990 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 529.631 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 181.821 triệu đồng (gồm vốn sự nghiệp là 181.821 triệu đồng).

- Các nội dung:

+ Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân:

• Đối với nội dung: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho đối tượng chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh là 131.256,53 ha (tổng số hộ được hỗ trợ 5.134 hộ); hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã thuộc các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng và Minh Long là 40.669,68 ha.

• Đối với nội dung: (1) Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung; (2) hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ; (3) Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành; (4) Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ: Chưa thực hiện.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất: đã thực hiện 166 dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn các huyện miền núi thực hiện Chương trình.

- Đối với nội dung Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng được liệu quý: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 về việc phê duyệt dự án đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý tại huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; hiện nay, UBND huyện Trà Bồng đang thực hiện các thủ tục theo quy định để thực hiện dự án.

- Nội dung thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: Thực hiện một số nội dung như: Tham gia và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Hội nghị kết nối cung cầu các sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, mở rộng thị trường tiêu thụ tại Tp.HCM, tỉnh Đắk Nông, Quảng Ninh song hành cùng Hội chợ nhằm giúp doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng tại thị trường các tỉnh, thành trong cả nước, ký kết hợp tác để cung cấp sản phẩm cho các trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị tại Tp.HCM, Đắk Nông; tham gia và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Hội nghị kết nối giao thương giữa Nhà cung cấp các sản phẩm nông sản với các doanh nghiệp phân phối, tiêu thụ xuất khẩu năm 2023” tại tỉnh Đắk Lắk; truyền thông nhằm quảng bá các sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi (Viết tin, bài tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi trên Tạp chí Công Thương điện tử, đường link: <http://tapchicongthuong.vn> và Tuyên truyền nhằm quảng bá các sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi đến người tiêu dùng trong cả nước thông qua hoạt động truyền thông trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi).

+ Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tỉnh Quảng Ngãi không thực hiện.

(Tổng hợp số liệu chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 05b)

d) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

- Tổng kế hoạch vốn đã giao là 535.018 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 491.167 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 43.851 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 460.967 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 431.024 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 29.943 triệu đồng).

- Các nội dung:

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: đã thực hiện đầu tư 376 công trình,

đến nay hầu hết các công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

+ Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: đã hoàn thành sửa chữa 02 chợ (chợ trung tâm huyện Sơn Tây (xã Sơn Dung) và chợ Sơn Giang (xã Sơn Giang, huyện Sơn Hà).

+ Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc: Tỉnh Quảng Ngãi không thực hiện.

(Tổng hợp số liệu chi tiết theo Phụ lục số 05a)

e) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tổng kế hoạch vốn đã giao là 223.922 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 110.798 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 113.124 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 126.958 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 104.303 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 22.655 triệu đồng).

- Các nội dung:

+ Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số: đã thực hiện đầu tư 28 công trình trường, lớp học để hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học trên địa bàn 05 huyện miền núi thực hiện Chương trình.

+ Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

• Đối với nội dung Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: đã tổ chức 38 lớp bồi dưỡng cho 1.054 học viên nhóm đối tượng 3, đối tượng 4 thuộc đối tượng thực hiện Chương trình.

• Đối với nội dung đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Chưa thực hiện. Hiện nay, Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo đang thực hiện việc rà soát đối tượng để tổ chức thực hiện theo quy định.

+ Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

• Công tác đào tạo nghề: UBND các huyện đã chỉ đạo và tập trung tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ chủ chốt các cấp (huyện, xã, thôn); các cấp ủy đảng ở cấp huyện, xã đã vào cuộc, trực tiếp chỉ đạo công tác tuyên truyền, đổi mới về cách thức, phương pháp thực hiện các chính sách về đào tạo nghề từ Chương trình; đến nay, số người được hỗ trợ đào tạo nghề là 810 người.

• Công tác hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: UBND các huyện và Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh đã đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động người lao động tích cực trong việc

tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng và buổi đối thoại trực tiếp cán bộ cấp xã, cấp thôn và người lao động; đến nay, số người tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 303 người (tại Hàn Quốc 91 lao động; Nhật Bản 202 lao động, Đài Loan 07 lao động, Malaysia 01 lao động; nước khác 02 lao động)

- Công tác truyền thông, tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cùng với các địa phương tổ chức 16 phiên giao dịch việc làm; 06 Ngày hội định hướng nghề nghiệp - Tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm” tại các địa phương cho đối tượng là các em học sinh lớp 9, lớp 12 và người lao động, với sự tham gia của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức 24 lớp tập huấn về tập huấn về triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho 784 học viên; tổ chức các đợt tham quan học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình tại các tỉnh phía Bắc và Tây Nguyên; UBND các huyện đã tổ chức nâng cao năng lực với 22 lớp cho 1.536 học viên thuộc nhóm đối tượng cộng đồng và 326 học viên thuộc nhóm đối tượng cán bộ cấp huyện, xã; tổ chức 05 đoàn đi tham quan học tập kinh nghiệm cho 132 cán bộ cấp huyện, xã và cộng đồng.

(Tổng hợp số liệu các dự án chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 05b)

f) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Tổng kế hoạch vốn đã giao là 27.542 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 15.754 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 11.788 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 21.548 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 13.769 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 7.779 triệu đồng).

- Nội dung thực hiện: đã thực hiện 29 công trình. Đến nay các công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Riêng đối với 02 dự án đó Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện đến nay chưa hoàn thành.

(Tổng hợp số liệu các dự án chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 05b)

g) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Tổng kế hoạch vốn đã giao là 20.158 triệu đồng (gồm vốn sự nghiệp là 20.158 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 10.513 triệu đồng (gồm vốn sự nghiệp là 10.513 triệu đồng).

- Các nội dung:

+ Nội dung: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số: Tổ chức 18 lớp tập huấn chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày cho cán bộ y tế từ tuyến huyện đến cộng tác viên/YTTB cho 415 người người tham dự.

+ Nội dung: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: tổ chức tập huấn cung cấp kiến thức về nâng cao chất lượng dân số cấp huyện, xã cho 80 viên chức; tổ chức 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cộng tác viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Hà và Trà Bồng cho 268 cộng tác viên; biên soạn và nhân bản cấp phát 75 băng đĩa tuyên truyền bằng tiếng Hre, Cor cho 05 huyện miền núi thực hiện chương trình; mua sắm và cấp phát 316 bộ loa cầm tay, pin phục vụ công tác truyền thông tại các thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức Hội nghị cung cấp thông tin nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho 375 cán bộ lãnh đạo, ngành, đoàn thể cấp huyện, xã tại 05 huyện miền núi; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thực hiện các chương trình, Đề án nâng cao chất lượng dân số, vận hành kho dữ liệu cho 68 viên chức 61 xã và Phòng Dân số thuộc Trung tâm Y tế 07 huyện; nhân bản 19.500 tờ rơi tuyên truyền nâng cao chất lượng dân số cấp cho 7 huyện có xã triển khai thực hiện Chương trình.

+ Nội dung: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: tổ chức thực hiện hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản; hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

(Tổng hợp số liệu các dự án chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 05b)

h) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Tổng kế hoạch vốn đã giao là 43.396 triệu đồng (*gồm vốn sự nghiệp là 43.396 triệu đồng*).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 15.823 triệu đồng (*gồm vốn sự nghiệp là 15.823 triệu đồng*).

- Các nội dung:

+ Nội dung số 01: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em: Tổ chức 189 hội nghị hướng dẫn thành lập, vận hành quản lý Tổ truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook... và thành lập 189/200 Tổ truyền thông cộng đồng với 1.829 thành viên, nhân bản 215 tài liệu hướng dẫn vận hành tổ truyền thông cộng đồng cấp cho cán bộ Hội LHPN các cấp trong vùng dự án; Tổ chức 07 hội nghị giao lưu chia sẻ kinh nghiệm giữa các Tổ truyền thông và hỗ trợ 07 Tổ truyền thông cộng đồng có 839 thành viên Tổ truyền thông tham gia; 05 lớp truyền thông thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em cho

500 cán bộ, hội viên phụ nữ; tổ chức 03 Hội thi “Tìm kiếm các mô hình sáng tạo, hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và phòng, chống mua bán phụ nữ và trẻ em”; 02 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới thông qua hình thức “Phiên toà giả định” có 280 người tham dự; thành lập Đội thi tìm hiểu kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình (gồm 06 thành viên của Tổ truyền thông cộng đồng xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ) tham gia Hội thi do Trung ương Hội LHPN Việt Nam tổ chức tại thành phố Huế (theo Kế hoạch số 275/KH-ĐCT ngày 24/4/2023); tổ chức 04 lớp tập huấn hướng dẫn triển khai 04 gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em cho 221 cán bộ Hội LHPN huyện, xã; cán bộ y tế huyện, xã; 06 lớp tập huấn nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe, khám và theo dõi sức khỏe định kỳ cho trẻ trong vòng 2 năm đầu đời và quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ cho 325 cán bộ chi tổ phụ nữ, cán bộ chuyên trách DS-KHHGD xã, cô đỡ đẻ thôn bản tham dự”; tổ chức 02 Chiến dịch truyền thông vận động phụ nữ dân tộc thiểu số sinh con tại cơ sở y tế có trên 370 đại biểu cấp tỉnh, huyện và cán bộ, hội viên, phụ nữ tham gia tại huyện Trà Bồng, Sơn Tây.

+ Nội dung số 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em: Xây dựng 15 Chương trình truyền thông phát sóng trên Đài phát thanh Truyền hình Quảng Ngãi, Trang Thông tin điện tử Hội LHPN tỉnh, Báo Quảng Ngãi, zalo, facebook, fanpage...; tổ chức 06 hội nghị về tổ chức các hoạt động củng cố, xây dựng và nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động cho cho đội ngũ Ban quản lý, tình nguyện viên, Ban chủ nhiệm và thành viên Địa chỉ tin cậy cộng đồng hỗ trợ bảo vệ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bạo lực gia đình có 416 đại biểu tham dự; Hướng dẫn xây dựng, củng cố 23 địa chỉ tin cậy cộng đồng; Tổ chức 08 Hội nghị tập huấn “Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ 4.0 cho 630 người là cán bộ, hội viên, phụ nữ các mô hình sinh kế của các huyện thuộc Dự án 8; tổ chức 03 Lễ phát động Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình với trên 730 đại biểu cấp tỉnh, huyện và cán bộ, hội viên, phụ nữ tham gia tại huyện Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà.

+ Nội dung số 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị: Tổ chức 11 hội nghị hướng dẫn đối thoại chính sách và giám sát, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn cho 554 người và tổ chức 39 cuộc đối thoại chính sách với hội viên, phụ nữ vùng đồng bào DTTS&MN có 2.418 hội viên, phụ nữ tham dự; thành lập và ra mắt 29 CLB “Thủ lĩnh của sự thay đổi” có 865 thành viên; tổ chức 10 lớp tập huấn, truyền thông hướng dẫn, thành lập và kỹ năng vận hành Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” cho 848 cán bộ UBND xã, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, cán bộ thôn, giáo viên phụ trách các Trường THCS, trường PTTH Dân tộc Nội trú tỉnh,

học sinh...; tổ chức Cuộc thi “Sáng tác sản phẩm truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN” cấp tỉnh, Ban Tổ chức Cuộc thi nhận được 91 tác phẩm dự thi (gồm 69 tranh vẽ, 22 video clip); tổ chức Cuộc thi “Sáng tác sản phẩm truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN” cấp tỉnh, Ban Tổ chức Cuộc thi nhận được 91 tác phẩm dự thi (gồm 69 tranh vẽ, 22 video clip) với các chủ đề phong phú, đa dạng thể hiện ước mơ của trẻ em về gia đình hạnh phúc, không bạo lực, bình đẳng giới. Kết thúc Cuộc thi đã trao 02 giải Nhì, 06 giải Ba, 13 giải Khuyến khích, 02 giải sáng tạo đối với sáng tác tranh và 03 giải Nhì, 03 giải Ba, 04 giải Khuyến khích đối với video clip; đưa đoàn tham dự trao giải Chung kết toàn quốc Cuộc thi sáng tác sản phẩm truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới dành cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi lần thứ nhất năm 2023 do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức tại Hà Nội”.

+ Nội dung số 4: trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng: tổ chức 08 hội nghị cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 về phát triển năng lực lồng ghép giới cho 407 người; 25 hội nghị cho cán bộ thôn, người có uy tín trong thôn theo Chương trình 3 về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cộng đồng cho 1.623 tham dự.

(Tổng hợp số liệu chi tiết theo Phụ lục số 05b)

i) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn:

- Tổng kế hoạch vốn đã giao là 49.495 triệu đồng (*gồm vốn sự nghiệp là 49.495 triệu đồng*).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 6.621 triệu đồng (*gồm vốn sự nghiệp là 6.621 triệu đồng*).

- Các nội dung:

+ Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: Trong năm 2022, UBND huyện Trà Bồng đã thực hiện: Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng và trang thiết bị về thiết chế văn hóa cho 04 nhà văn hóa: Thôn 1 Trà Giang; Thôn Trà Ngon, thôn Trường Giang, thôn Trường Biện, xã Trà Tân; hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; tổ chức 05 lớp học truyền dạy văn hóa truyền thống tiêu biểu của dân tộc Co tại thôn trên địa bàn các xã và xây dựng 13 cụm pano tuyên truyền. Ngày 21/6/2023, Ủy ban Dân tộc có Công văn số 1017/UBNDT-CSĐT tạm dừng thực hiện nội dung này.

+ Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Năm 2022, Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Cục DSKHHGD (thuộc Sở Y tế) tổ chức 5 hội nghị tuyên truyền cho khối lớp 7,8,9 tại các Trường THCS DTTN của 4 huyện MN (Trà Bồng 02 lớp, Sơn Tây 1, Sơn Hà 1, Ba Tơ 01); phối hợp với UBND huyện Sơn Tây tổ chức 01 hội thi tuyên truyền tìm hiểu pháp luật giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; Phối hợp với Trường DTNT THPT tỉnh tổ chức 01 hội thi tuyên truyền tìm hiểu pháp luật giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Năm 2023, Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Trung tâm văn hóa nghệ thuật tỉnh tổ chức 9 buổi tuyên truyền giảm tảo hôn tại các điểm trên địa bàn huyện và 06 điểm Trường DTNT THCS các huyện miền núi; tổ chức cho báo cáo viên, tuyên truyền viên của các huyện miền núi (Hiệu trưởng các trường DTNT THCS) đi học tập kinh nghiệm tại các tỉnh phía bắc; phối hợp với PTQ thực hiện 02 phóng sự tuyên truyền trên sóng PTQ; Ban Dân tộc phối hợp với các Trường DTNT THCS 5 huyện tổ chức 06 Hội thi tuyên truyền tìm hiểu pháp luật về giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tổ chức 02 Đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm tại các tỉnh cho 74 cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, báo cáo viên, tuyên truyền viên thuộc các cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung tiểu dự án 2, dự án 9 để trao đổi kinh nghiệm và học tập những mô hình hoạt động trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện Luật hôn nhân và gia đình, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

- Năm 2024: tổ chức Đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm Tiểu dự án 2, Dự án 9 tại các tỉnh Miền Trung - Tây nguyên, năm 2024; đón tiếp, làm việc với 02 đoàn công tác học tập kinh nghiệm của tỉnh Thừa Thiên Huế và Ninh Thuận; thực hiện lắp đặt 05 Pano tuyên truyền về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại huyện Sơn Tây và huyện Trà Bồng.

(Tổng hợp số liệu các dự án chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 05b)

k) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

- Tổng kế hoạch vốn đã giao giai đoạn 2022-2024 là 27.956 triệu đồng (gồm vốn sự nghiệp là 27.956 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân vốn đến 31/12/2024 là 11.666 triệu đồng (gồm vốn sự nghiệp là 11.666 triệu đồng).

- Các nội dung:

- + Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

- Nội dung: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín: Ban Dân tộc tỉnh và UBND các huyện đã tổ chức 05 đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào DTTS đi tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức thăm hỏi, động viên; tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, năm 2024 (vào ngày 28/12/2024) với 83 đại biểu tham dự; đón tiếp các đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào DTTS đến tham quan, học tập kinh nghiệm; triển khai thực hiện việc cấp phương tiện nghe nhìn cho người có uy tín của tỉnh; UBND các huyện đã ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện; đã đưa 321 lượt người có uy tín và lực lượng cốt cán tham gia các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp; có 78 các hoạt động (tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi, nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, CLB tuyên truyền pháp luật) nhằm phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện.

- Nội dung: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS: Tổ chức 04 lớp tập huấn cho 130 người tham dự là phụ nữ, người có uy tín, đoàn thanh niên, trưởng thôn. Biên soạn tài liệu để cấp phát tài liệu tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đại biểu tham dự các lớp tập huấn; tổ chức truyền thông chương trình mục tiêu, vận động người dân thông qua báo chí, đưa tin truyền hình: thực hiện 05 phóng sự bằng tiếng Kinh, Hre, Co trên sóng Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; thực hiện đưa tin, tuyên truyền về Chương trình trên Báo Quảng Ngãi, Báo Đầu tư và Thương mại; truyền thông chương trình chấp cánh ước mơ; tuyên truyền thông qua hoạt động đưa tin, bài, tại cổng thông tin điện tử của Ban Dân tộc tỉnh; lắp đặt 02 tấm pano tuyên truyền Chương trình mục tiêu tại huyện Sơn Hà và huyện Ba Tơ,....

- Nội dung: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN: Sở Tư pháp đã tổ chức 29 đợt truyền thông; tư vấn hơn 30 vụ việc cho người dân có yêu cầu TGPL; tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản một số Luật liên quan đến lĩnh vực đất đai, lâm nghiệp, hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình...; đặt bảng tin về TGPL tại UBND các xã, thị trấn, nhà văn hóa các thôn; cấp phát sổ tay hỏi đáp pháp luật về hoạt động TGPL cho người dân; biên soạn, in hơn 950 quyển sổ tay hỏi đáp pháp luật về TGPL, 4500 tờ gấp hỏi đáp pháp luật về các lĩnh vực khiếu nại, hôn nhân gia đình và hộ tịch để cấp phát cho người dân; biên soạn in ấn hàng trăm phần tài liệu tập huấn phục vụ tập huấn TGPL điểm, chuyên đề về TGPL cho người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở vùng dân tộc thiểu số, nội dung tài liệu, sổ tay đúng với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo chất lượng, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với khả năng tiếp cận của người dân, đã giúp họ dễ đọc, dễ tìm hiểu nâng cao nhận thức về pháp luật, đưa pháp luật đến gần hơn với cuộc sống của người dân; tổ chức 01 hội nghị cấp tỉnh triển khai các Luật: Luật Căn cước; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ

an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Viễn thông (sửa đổi); Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự với hơn 200 đại biểu tham dự; Tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật với hơn 300 đại biểu tham dự (trong đó, 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn năm 2024 tại huyện Sơn Tây; 01 lớp tập huấn, tuyên truyền pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật tại huyện Trà Bồng); 02 lớp tập huấn “Bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở” cho 90 hòa giải viên cơ sở trên địa bàn tỉnh (hoạt động này Sở Tư pháp phối hợp với Ban Quản lý dự án chuyên trách của Bộ Tư pháp về tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam (EU JULE) và Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP), tổ chức tại tỉnh Quảng Ngãi)...

+ Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 15/9/2023 về thực hiện Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Ban Dân tộc tỉnh đã thực hiện đầu tư phòng họp trực tuyến tại Ban với tổng kinh phí là 415 triệu đồng từ nguồn vốn năm 2022, 2023; UBND các huyện, đã xây dựng kế hoạch tuy nhiên chưa triển khai thực hiện được do hầu hết các nội dung hướng dẫn tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc, Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Công văn số 879/LMHTXVN-VKHCNMT ngày 17/11/2023 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thì hầu hết các nội dung thực hiện đều sử dụng vốn sự nghiệp, rất khó sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện.

- Đối với nội dung hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự: UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách địa điểm thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2023-2025; đến nay đã hoàn thành 56/56 điểm hỗ trợ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 về việc phê duyệt danh sách địa điểm Thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2023-2025; Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức 01 lớp tập huấn cho cán bộ cấp xã được giao quản lý, vận hành và duy trì các điểm ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS&MN.

- Đối với nội dung hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm thực tế ứng dụng công nghệ số, chuyển

đổi số phục vụ sản xuất tại tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Nghệ An, Thanh Hóa; tổ chức hội thảo ứng dụng công nghệ số trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong HTX vùng đồng bào DTTS&MN; tổ chức 02 hội nghị về Hội nghị nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý và thành viên của HTX vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình:

Hàng năm, UBND tỉnh ban hành các kế hoạch và thành lập các Đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực Chương trình; Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành các Kế hoạch thực hiện tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình thuộc dự án 10, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ngoài ra, các sở, ban, ngành, Hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức 04 lớp tập huấn nâng cao năng lực giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình cho 96 cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, đánh giá Chương trình các cấp.

(Tổng hợp số liệu các dự án chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 05b)

l) Kết quả thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ:

- Nhu cầu theo Đề án phê duyệt: Tổng nhu cầu vốn vay tín dụng chính sách giai đoạn 2021 – 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là 623.586 triệu đồng để thực hiện Dự án 1 và Dự án 3 thuộc Chương trình.

- Tổng chỉ tiêu kế hoạch vốn vay giai đoạn đến ngày 31/12/2024 là 66.666 triệu đồng để thực hiện các nội dung: vay xây dựng nhà ở, vay hỗ trợ đất ở, vay hỗ trợ đất sản xuất và vay hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Kết quả thực hiện:

+ Doanh số cho vay: Lũy kế doanh số cho vay từ năm 2022 đến 31/12/2024 là 67.500 triệu đồng/1.645 hộ vay, trong đó: vay xây dựng nhà ở là 61.250 triệu đồng/1.534 hộ; vay hỗ trợ đất ở là 140 triệu đồng/03 hộ; vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề là 6.110 triệu đồng/108 hộ *(bao gồm: vay chuyển đổi nghề là 6.020 triệu đồng/106 hộ và vay hỗ trợ đất sản xuất là 90 triệu đồng/02 hộ)*.

+ Dư nợ vay: Tổng dư nợ đến 31/12/2024 là 66.526 triệu đồng/1.631 hộ, trong đó: dư nợ vay xây dựng nhà ở là 60.795 triệu đồng/1.525 hộ; dư nợ vay hỗ trợ đất ở là 140 triệu đồng/3 hộ; dư nợ vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề là 5.591 triệu đồng/103 hộ *(bao gồm: dư nợ vay chuyển đổi nghề là 5.551 triệu đồng/102 hộ và dư nợ vay hỗ trợ đất sản xuất là 40 triệu đồng/01*

hộ).

(Chi tiết có Phụ lục số 08 kèm theo)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

a) Về công tác quản lý, điều hành: Việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời; các quy định về cơ chế, chính sách, huy động, phân bổ vốn đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành đầy đủ, kịp thời theo thẩm quyền để tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh. Đến nay, hầu hết các văn bản pháp lý để thực hiện Chương trình đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành cơ bản đầy đủ, kịp thời, phù hợp với điều kiện thực hiện Chương trình tại địa phương.

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình

(chi tiết có phụ lục số 09 kèm theo)

2. Hạn chế, vướng mắc

a) Về cơ chế, chính sách: Đến nay, hầu hết các vướng mắc trong thực hiện Chương trình đã được các Bộ, ngành Trung ương tháo gỡ, hướng dẫn thực hiện; tuy nhiên, một số nội dung khó khăn, vướng mắc trong các quy định như: việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; nội dung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù; nội dung sử dụng vốn đầu tư công thực hiện chuyển đổi số của Chương trình... *(các nội dung này đã được Ủy ban Dân tộc ghi nhận và kiến nghị sửa đổi trong Quyết định sửa đổi Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ).*

b) Những khó khăn, vướng mắc khác.

- Các biểu mẫu báo cáo tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc cần thu thập số liệu rất nhiều và chi tiết; hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình theo Điều 7, Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 chưa được đưa vào vận hành nên địa phương gặp nhiều khó khăn trong công tác theo dõi, tổng hợp số liệu báo cáo.

- Tiến độ thực hiện một số dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình còn chậm; tỷ lệ giải ngân vốn giai đoạn 2021-2024 còn thấp, kết quả thực hiện các nội dung về đào tạo đại học, sau đại học, đào tạo nghề; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số thuộc dự án 5 chưa triển khai thực hiện hoặc thực hiện rất thấp.

- UBND tỉnh chưa ban hành quy định thực hiện nội dung hỗ trợ gạo cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng thuộc tiểu dự án 1 của dự án 3 thuộc Chương trình.

- Ngày 23/07/2024, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/2024/NQ-

HĐND về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; ngày 27/11/2024, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 762/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*ban hành kèm theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*) đã điều chỉnh nhiệm vụ, giao kế hoạch vốn thực hiện nội dung bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số, nội dung đào tạo đại học và sau đại học thuộc tiểu dự án 2 của dự án 5 giao nhiệm vụ, kế hoạch vốn cho Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để tổ chức thực hiện. Do thời gian rất gấp nên đến nay việc thực hiện các nội dung này chưa đạt nhiều kết quả.

- Vốn đối ứng từ ngân sách huyện để thực hiện Chương trình chưa đảm bảo theo quy định (hàng năm, đối ứng tối thiểu 5% ngân sách Trung ương) do ngân sách các huyện còn hạn chế, khó khăn trong việc bố trí vốn đối ứng.

3. Nguyên nhân

a) Khách quan

- Chương trình được thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, nơi có điều kiện về kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật còn kém phát triển; hơn nữa là Chương trình mới, mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức thực hiện; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

- Trong thời gian đầu thực hiện Chương trình, các văn bản hướng dẫn thực hiện được ban hành chậm, chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ; có nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện phải sửa đổi nhiều lần nên gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện; đến nay, có nhiều nội dung chưa thể thực hiện và đang sửa đổi, bổ sung trình Thủ tướng Quyết định điều chỉnh Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2022.

- Ngày 27/02/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; ngày 29/5/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số 4049/BKHĐT-TCTT trả lời kiến nghị của địa phương về kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn Chương trình MTQG nên địa phương mới có cơ sở thực hiện và giải ngân vốn năm 2023 (bao gồm năm 2022) kéo dài sang năm 2024.

b) Chủ quan

- Việc khảo sát, rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 của các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện chưa sát nhu

cầu thực tế và khả năng thực hiện; đội ngũ cán bộ tham mưu thực hiện Chương trình nhất là ở cấp xã còn thiếu và hạn chế về năng lực, ảnh hưởng nhiều đến công tác tham mưu, tổ chức thực hiện Chương trình.

- Chương trình có sự tham gia thực hiện của nhiều cơ quan, đơn vị và địa phương, nhưng công tác phối hợp trong xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, tổng hợp báo cáo chưa tốt, chưa phát huy nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và nhiệm vụ phối hợp trong quản lý theo ngành, lĩnh vực và quản lý địa bàn đối với các dự án, tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc Chương trình; một số sở, ngành chưa thực hiện tốt nhiệm vụ chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần; chưa theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện thực hiện mà chỉ thực hiện đối với phần nhiệm vụ được UBND tỉnh giao vốn cho đơn vị.

- Việc phân khai chi tiết vốn cũng như việc chuẩn bị hồ sơ, thủ tục đảm bảo điều kiện để bố trí vốn cho các dự án sử dụng vốn đầu tư công của các đơn vị được giao vốn còn chậm; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn do vướng quy hoạch sử dụng đất dẫn đến công tác triển khai các dự án chậm tiến độ thực hiện và giải ngân.

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện Chương trình cũng còn nhiều hạn chế; công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở địa phương trong thời gian qua mặc dù được thực hiện thường xuyên nhưng chưa đi vào chiều sâu, chưa có những giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình tại địa phương.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị

- Năm 2025 là năm cuối thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021-2025, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm thông báo kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (đợt 2); Ủy ban Dân tộc thông báo vốn sự nghiệp năm 2025 để địa phương chủ động hơn trong việc tổ chức thực hiện; Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương quan tâm bố trí nguồn vốn cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP năm 2025 theo kế hoạch đã xây dựng là 74.160 triệu đồng (gồm: cho vay Dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý là 46.730 triệu đồng; vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề là 27.430 triệu đồng).

- Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp các Bộ, ngành Trung ương tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Tiểu dự án 1 của dự án 3: Tại Văn bản số 4241/BNN-LN ngày

28/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng hợp kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng gửi Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc tổng hợp phần kinh phí năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi (chỉ tổng hợp phần kinh phí của chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh) với kinh phí 22.408 triệu đồng, thiếu phần kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng của các huyện (khoảng 5.885 triệu đồng). Do đó, kính đề nghị Ủy Ban Dân tộc xem xét, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí phần kinh phí còn lại của năm 2021 khoảng 5.885 triệu đồng để địa phương chi trả cho diện tích rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Định mức hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho đối tượng là lao động nông thôn theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 còn thấp, rất nhiều nghề không đủ chi phí đào tạo, nhất là các nghề có thời gian đào tạo từ 6 tháng đến dưới 01 năm (việc huy động người học đóng góp thêm là không khả thi vì bản thân những lao động nông thôn khi tham gia học nghề có đời sống kinh tế khó khăn). Do đó, cần đề nghị trung ương sớm điều chỉnh tăng mức hỗ trợ học nghề cho đối tượng là lao động nông thôn tại quy định này.

Tiểu dự án 1, dự án 5: Hiện nay tỉnh Quảng Ngãi có 01 trường THPT dân tộc nội trú tỉnh đóng tại thành phố Quảng Ngãi (không thuộc vùng đồng bào DTTS và MN) nên không được đầu tư từ Chương trình; do vậy, kính đề nghị xem xét bổ sung đối tượng là Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú (bao gồm các trường nằm ngoài vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn, biên giới; các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp.

2. Đề xuất

- Đề nghị mở rộng đối tượng thụ hưởng của một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần (như: hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, hỗ trợ phát triển sản xuất...) gồm: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vì số lượng đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm hàng năm; đồng thời để đảm bảo cho các hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo một cách bền vững.

- Đối với nội dung hỗ trợ đất ở, đất sản xuất đề nghị quy định thực hiện theo Điều 16 Luật Đất đai năm 2024; nguồn vốn thực hiện các nội dung về hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất từ nguồn kinh phí sự nghiệp; đồng thời, nghiên cứu tích hợp dự án 1 và dự án 2 thành 01 dự án thành phần của Chương trình.

- Đối với nội dung đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học đề nghị

cho phép địa phương tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo nhu cầu của địa phương.

- Đối với tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù thuộc Dự án 9: đề nghị nghiên cứu tích hợp từng nội dung đầu tư vào các dự án thành phần khác và quy định cụ thể nội dung đầu tư, hỗ trợ các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù như: nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng tích hợp vào tiêu dự án 1, dự án 4; nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất tích hợp vào tiêu dự án 2, dự án 3; nội dung hỗ trợ về y tế tích hợp vào dự án 7...

- Đối với tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc dự án 9: nghiên cứu tích hợp vào dự án 8.

- Đối với nội dung phát huy vai trò của người có uy tín: Đề nghị rà soát các nội dung thực hiện để tránh trùng lặp với nội dung, chính sách quy định tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đối với tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc dự án 10, đề nghị rà soát mục tiêu, nội dung để tránh trùng lặp với quy định tại Quyết định số 1087/QĐ-TTg ngày 02/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030”.

Kính báo cáo Thanh tra Ủy ban Dân tộc theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội, Y tế, Văn hóa, Thể thao, Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ;
- Ban Dân tộc - Tôn giáo tỉnh;
- UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin37}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT, CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên

TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh)



TT	Số hiệu văn bản		Ghi chú
I		NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH	
1	Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh	Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
2	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
3	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh	Kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
4	Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 của HĐND tỉnh	Phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh	
5	Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh	Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025	
6	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh	Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đất hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
7	Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh	Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
8	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh	Kế hoạch đầu tư công năm 2023 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
9	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 từ nguồn vốn Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh	
10	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh	Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	

11	Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh	Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
12	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 22/5/2023 của HĐND tỉnh	Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện giao vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
13	Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	
14	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
15	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài sang năm 2023 và giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 2) nguồn ngân sách địa phương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025	
16	Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND tỉnh	Phân cấp thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
17	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	
18	Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	
19	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 05/03/2024 của HĐND tỉnh	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 từ nguồn vốn trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng	
20	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 22/07/2024 của HĐND tỉnh	Về điều chỉnh và giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
21	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/07/2024 của HĐND tỉnh	Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh)	
22	Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/07/2024 của HĐND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	
23	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh	Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 3) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	

24	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 của HĐND tỉnh	Về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của huyện Trà Bồng	
25	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 của HĐND tỉnh	Về việc bổ sung vốn đối ứng sự nghiệp ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024	
26	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh	kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh)	
II			
QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND, CHỦ TỊCH UBND TỈNH			
1	Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	Thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025	
2	Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	
3	Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 20/04/2022	Bổ sung kinh phí đối với Ban Dân tộc tỉnh để tổ chức Đoàn công tác học tập kinh nghiệm về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các tỉnh phía Bắc	
4	Quyết định số 13/QĐ-BDD ngày 13/05/2022	Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng các chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ trong năm 2022	
5	Quyết định số 15/QĐ-BDD ngày 23/06/2022	Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng các chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ trong năm 2022	
6	Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025	
7	Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 03/8/2022	Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
8	Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 03/8/2022	Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022	
9	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình từ nguồn vốn ngân sách Trung ương	
10	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh	
11	Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022	
12	Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
13	Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	Ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các công trình: Trường học mầm non, mẫu giáo; nhà văn hóa thôn, bản; chợ nông thôn; các công trình đường giao thông nông thôn và công trình kiến cổ hóa kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
14	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	

15	Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 04/01/2023	Ban hành Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn NSNN giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc Chương trình MTQG	
16	Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 06/03/2023	Thành lập Hội đồng thẩm định vầu quyền phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
17	Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh	
18	Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	Giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương	
19	Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 14/4/2023	Ban hành quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh	
20	Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	Ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
21	Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	Quyết định Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện giao vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
22	Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
23	Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	Thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2023	
24	Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương	
25	Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài sang năm 2023 và giao kế hoạch vốn năm 2023 (đợt 2) nguồn ngân sách địa phương thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi Nguồn vốn: Ngân sách địa phương	
26	Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	Phê duyệt danh sách địa điểm thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2023-2025	
27	Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	Bãi bỏ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Quy định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ một (01) dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
28	Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	Kiểm toàn Hội đồng thẩm định và ủy quyền thông báo và phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
29	Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	Điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và 2023	
30	Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	

31	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh)	
32	Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 21/02/2024	Thành lập Hội đồng thẩm định Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
33	Công văn số 857/UBND-KGVX ngày 21/02/2024	Triển khai Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình MTQG	
34	Công văn số 859/UBND-KGVX ngày 21/02/2024	Sổ tay hướng dẫn thực hiện một số hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
35	Công văn số 1029/UBND-KGVX ngày 29/02/2024	Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện; kết quả giải ngân vốn và những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia	
36	Công văn số 1108/UBND-KGVX ngày 05/03/2024	Khẩn trương tổ chức triển khai Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình MTQG	
37	Công văn số 1154/UBND-KTTH ngày 06/03/2024	Tăng cường công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, quản lý vốn đầu tư công các Chương trình mục tiêu quốc gia, chi phí quản lý dự án và chế độ báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công	
38	Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng	
39	Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 19/03/2024	Thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
40	Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 20/05/2024	Về việc thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024	
41	Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/06/2024	Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương	
42	Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	Về việc điều chỉnh và giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
43	Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
44	Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	Điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
45	Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 3) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh)	
46	Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	Điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024	
47	Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	Kiểm toán Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	

48	Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	Hoàn trả ngân sách trung ương kinh phí thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia còn thừa, hết nhiệm vụ chi năm 2023	
49	Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	Bổ sung vốn đối ứng sự nghiệp ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024	
50	Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Điều chỉnh vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của huyện Trà Bồng	
51	Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	
52	Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh)	
53	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 13/01/2025	Giao chỉ tiêu cho vay nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác năm 2025	
KẾ HOẠCH CỦA UBND, CHỦ TỊCH UBND TỈNH			
1	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 13/4/2022	Tổ chức Đoàn công tác học tập kinh nghiệm về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các tỉnh phía Bắc từ ngày 24/4/2022 đến ngày 30/4/2022	
2	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 22/8/2022	Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	
3	Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022	Kiểm tra, giám sát, đánh giá giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
4	Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022	Truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025	
5	Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 28/9/2022	Triển khai thực hiện Dự án 8 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025	
6	Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 28/9/2022	Triển khai thực hiện Dự án 8 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	
7	Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022	Theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	
8	Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 25/11/2022	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 năm 2022	
9	Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/11/2022	Thực hiện Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
10	Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 17/02/2023	Thực hiện Dự án 7 “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em” thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
11	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 21/02/2023	Kế hoạch Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2023	
12	Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 08/3/2023	Tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	

13	Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 23/03/2023	Kế hoạch Theo dõi, kiểm tra, đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
14	Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 12/5/2023	Kết hoạch Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị của Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm	
15	Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 25/5/2023	Triển khai Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2023	
16	Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 15/09/2023	Thực hiện Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh	
17	Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 31/10/2023	Bổ sung nội dung triển khai thực hiện Dự án 8 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2023 của Hội LHPN tỉnh	
18	Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 29/11/2023	Thực hiện nội dung 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc thuộc tiểu dự án 2, dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2023	
19	Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 02/02/2024	Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2024	
20	Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 06/03/2024	Giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh	
21	Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 26/03/2024	Về việc triển khai Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2024	
22	Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 26/03/2024	Thực hiện Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025	
23	Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 10/12/2024	Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2025	
CÔNG VĂN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND, CHỦ TỊCH UBND TỈNH			
1	Công văn số 4757/UBND-KT ngày 15/09/2021	Dự kiến nhu cầu vốn và cam kết giải ngân vốn đầu tư công năm 2021, 2022 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2025	
2	Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023	Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023	
3	Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 23/01/2024	Tập trung thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2024	
4	Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 21/01/2025	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2025	
5	Công văn số 4558/UBND-KGVX ngày 12/09/2022	Báo cáo, kiến nghị hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
6	Công văn số 2842/UBND-KGVX ngày 13/6/2022	Giao nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ	
7	Công văn số 5319/UBND-KGVX ngày 19/10/2022	Hướng dẫn quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách của Dự án 1, Dự án 2 thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
8	Công văn số 5611/UBND-KGVX ngày 03/11/2022	Áp dụng hạn mức giao đất ở để xây dựng nhà ở thuộc Dự án 1 - Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	

9	Công văn số 6413/UBND-KGVX ngày 16/12/2022	Thực hiện Tiêu dự án 1-Dự án 3, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
10	Công văn số 6654/UBND-KGVX ngày 30/12/2022	Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
11	Công văn số 6205/UBND-KGVX ngày 06/12/2022	Xây dựng, phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trung hạn thuộc Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2025	
12	Công văn số 424/UBND-KGVX ngày 08/02/2023	Triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh	
13	Công văn số 769/UBND-KGVX ngày 02/3/2023	Ban hành danh mục chuyên đề đặc thù triển khai thực hiện Tiêu dự án 4 thuộc Dự án 5, Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh	
14	Công văn số 806/UBND-KGVX ngày 03/03/2023	Khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
15	Công văn số 1331/UBND-KGVX ngày 31/03/2023	Sổ tay hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệt kê quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030	
16	Công văn số 1339/UBND-KGVX ngày 03/04/2023	Cập nhật nội dung hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG	
17	Công văn số 1416/UBND-KGVX ngày 04/04/2024	Cập nhật nội dung hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG	
18	Công văn số 1466/UBND-KGVX ngày 06/04/2025	Hướng dẫn nội dung thuộc lĩnh vực chi vốn sự nghiệp các Dự án, Tiêu dự án Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	
19	Công văn số 1489/UBND-KGVX ngày 07/04/2024	Cập nhật nội dung hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG	
20	Công văn số 1490/UBND-KGVX ngày 07/04/2025	Thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Tiêu dự án 2, Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN	
21	Công văn số 1513/UBND-KGVX ngày 10/04/2024	Cập nhật nội dung hướng dẫn giải quyết các vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025	
22	Công văn số 1540/UBND-KGVX ngày 11/04/2025	Cập nhật nội dung hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Tiêu Dự án 1 - Dự án 5 thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	
23	Công văn số 1601/UBND-KGVX ngày 13/04/2026	Cập nhật nội dung hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG	
24	Công văn số 2209/UBND-KGVX ngày 17/5/2027	Cập nhật nội dung hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG	
25	Công văn số 2496/UBND-KGVX ngày 02/06/2023	Khẩn trương thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; đầu tư hỗ trợ vùng trồng được liệt kê quý thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
26	Công văn số 2841/UBND-KGVX ngày 21/6/2023	Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh	
27	Công văn số 3068/UBND-KGVX ngày 03/7/2023	Phổ biến cảm nang về kỹ năng thanh tra, kiểm tra Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	
28	Công văn số 3564/UBND-KGVX ngày 28/07/2023	Thực hiện thí điểm việc phân cấp cho cấp huyện trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025	

29	Công văn số 3691/UBND-KGVX ngày 03/8/2023	Giải quyết vướng mắc trong thực hiện nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025	
30	Công văn số 4204/UBND-KTTH ngày 29/8/2023	Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023	
31	Công văn số 4994/UBND-KGVX ngày 09/10/2023	Cập nhật các nội dung hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	
32	Công văn số 5033/UBND-KGVX ngày 10/10/2023	Cập nhật các nội dung hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	
33	Công văn số 5108/UBND-KGVX ngày 12/10/2023	Cập nhật các nội dung hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	
34	Công văn số 5297/UBND-KGVX ngày 23/10/2023	Cập nhật các nội dung hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	
35	Công văn số 5897/UBND-KGVX ngày 22/11/2023	Bổ trí vốn đối ứng và giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và 2023	
36	Công văn số 428/UBND-KGVX ngày 23/01/2024	Thảo gỡ vướng mắc trong việc thực hiện 03 Chương trình MTQG	
37	Công văn số 811/UBND-KGVX ngày 19/02/2024	Khẩn trương triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024 trên địa bàn tỉnh	
38	Công văn số 1525/UBND-KGVX ngày 27/03/2024	Thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình MTQG	
39	Công văn số 1576/UBND-KGVX ngày 28/03/2024	Thông báo dự kiến mức vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025	
40	Công văn số 1713/UBND-KGVX ngày 05/04/2024	Thảo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện 03 Chương trình MTQG và Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội	
41	Công văn số 1748/UBND-KGVX ngày 05/04/2024	Quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình thuộc nội dung số 01, tiểu dự án 1, dự án 4 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm	
42	Công văn số 1885/UBND-KGVX ngày 15/04/2024	Cập nhật các nội dung hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	
43	Công văn số 2376/UBND-KGVX ngày 13/05/2024	Rà soát, cập nhật nội dung và tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc thuộc nội dung số 01, tiểu dự án 2, dự án 5, Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	
44	Công văn số 2384/UBND-KGVX ngày 13/05/2024	Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024	
45	Công văn số 2508/UBND-KGVX ngày 17/05/2024	Khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh	
46	Công văn số 2888/UBND-KGVX ngày 05/06/2024	Cập nhật nội dung hướng dẫn kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia	
47	Công văn số 4005/UBND-KGVX ngày 29/07/2024	Triển khai thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG năm 2024	
48	Công văn số 4528/UBND-KGVX ngày 22/08/2024	Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh	

49	Công văn số 4975/UBND-KGVX ngày 17/09/2025	Khẩn trương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
50	Công văn số 4977/UBND-KGVX ngày 17/09/2024	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín thuộc tiểu dự án 1, dự án 10 của Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh	
51	Công văn số 5069/UBND-KGVX ngày 23/09/2025	Khắc phục các tồn tại trong thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh	
52	Công văn số 5442/UBND-KGVX ngày 10/10/2024	Khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh	
53	Công văn số 6138/UBND-KGVX ngày 13/11/2024	Tăng cường chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn	
54	Công văn số 6693/UBND-KGVX ngày 11/12/2024	Khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh	

BIỂU TÔNG HỢP PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO ĐƠN VỊ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MỀN NÚI GIÀ ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Phụ lục số 02

QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh)



TT	Cơ quan, đơn vị	Nội dung nhiệm vụ được giao	Ghi chú (đơn vị thực hiện)
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		
	Cơ quan cấp tỉnh	Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành hướng dẫn thực hiện Dự án trên địa bàn tỉnh	
	UBND cấp huyện	Tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		
	Cơ quan cấp tỉnh	Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành hướng dẫn thực hiện Dự án trên địa bàn tỉnh	
	UBND cấp huyện	Tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		
III.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho		
	Cơ quan cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện liên quan tổ chức thực hiện Tiểu dự án	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	UBND cấp huyện	Tổ chức thực hiện tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long
III.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		
	Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị		

	Cơ quan cấp tỉnh	 - Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ban, ngành hướng dẫn thực hiện	- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành hướng dẫn thực hiện	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long
	UBND cấp huyện		- Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Quảng Ngãi thực hiện	
	Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý			
	Cơ quan cấp tỉnh		- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành hướng dẫn thực hiện - Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Quảng Ngãi thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định	
	UBND cấp huyện		- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương hướng dẫn và thực hiện các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN - Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN	UBND huyện Trà Bồng
	Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN			
	Cơ quan cấp tỉnh		- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương hướng dẫn và thực hiện các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN - Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN	Sở Công Thương, Ban Dân tộc tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân tỉnh
	UBND cấp huyện		- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương hướng dẫn và thực hiện các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN - Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành
IV	Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc			
IV.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN			

	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đối với các xã, thôn		
	Cơ quan cấp tỉnh	Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện	
	UBND cấp huyện	UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành
	Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN		
	Cơ quan cấp tỉnh	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện	
	UBND cấp huyện	UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây
IV.2	Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc	Tỉnh Quảng Ngãi không thực hiện vì không có đối tượng được quy định tại Tiểu dự án này	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		
V.1	Tiểu Dự án 1: Đối mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS		
	Cơ quan cấp tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện; trực tiếp thực hiện hỗ trợ, đầu tư cho các trường ở bậc Trung học Phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo
	UBND cấp huyện	UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn (trừ các nội dung hỗ trợ, đầu tư cho các trường ở bậc Trung học Phổ thông); kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long
V.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực		
	Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc		
	Cơ quan cấp tỉnh	Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và UBND các huyện tổ chức triển khai thực hiện	Ban Dân tộc tỉnh, Sở Nội vụ
	UBND cấp huyện	Không thực hiện nội dung này	
	Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học		
	Cơ quan cấp tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Nội vụ hướng dẫn UBND các huyện tổ chức triển khai thực hiện	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo

	UBND cấp huyện	Không thực hiện nội dung này	
V.3	Tiểu dự án 3: phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm		
	Cơ quan cấp tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	UBND cấp huyện	UBND các huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn, Nghĩa Hành
V.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		
	Cơ quan cấp tỉnh	Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện	Ban Dân tộc tỉnh
	UBND cấp huyện	UBND các huyện tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch		
	Cơ quan cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành hướng dẫn và tổ chức thực hiện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	UBND cấp huyện	UBND các huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em		
	Cơ quan cấp tỉnh	Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện	Sở Y tế
	UBND cấp huyện	UBND các huyện tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		
	Cơ quan cấp tỉnh	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ban, ngành xây dựng văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
	UBND cấp huyện	UBND các huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		

IX.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù		
	Cơ quan cấp tỉnh	Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành hướng dẫn thực hiện	
	UBND cấp huyện	UBND các huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn đảm bảo không trùng lặp đối tượng, nội dung với các Dự án, Tiểu dự án khác thuộc Chương trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn, Nghĩa Hành
IX.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN		
	Cơ quan cấp tỉnh	- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện - Sở Y tế hướng dẫn về chuyên môn của nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết	Ban Dân tộc tỉnh
	UBND cấp huyện	Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		
X.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng		
	Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín		
	Cơ quan cấp tỉnh	Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện	Ban Dân tộc tỉnh
	UBND cấp huyện	UBND các huyện có liên quan tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành
	Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS		
	Cơ quan cấp tỉnh	Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện	Ban Dân tộc tỉnh
	UBND cấp huyện	UBND các huyện có liên quan tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành

	Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN		
	Cơ quan cấp tỉnh	Sở Tư pháp	
	UBND cấp huyện	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành	
X.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN		
	Nội dung: Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030; tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo tỉnh và Cơ quan thường trực Chương trình cấp tỉnh với cơ quan, tổ chức liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình		
	Cơ quan cấp tỉnh	Ban Dân tộc tỉnh	
	UBND cấp huyện	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành	
	Nội dung: Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh		
	Cơ quan cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	
	UBND cấp huyện	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành	
	Nội dung: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN		
	Cơ quan cấp tỉnh	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	
	UBND cấp huyện	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long	
X.3	Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình		

		Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện; Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được giao	Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh; Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Ban Dân tộc tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân
	UBND cấp huyện	UBND các huyện tổ chức triển khai thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được giao	UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành

TỔNG HỢP CÁC CUỘC THANH TRA, KIỂM TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG THANH TRA

Phụ lục số 03



TT	Cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm toán	Số cuộc thanh tra, kiểm toán	Cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm toán	Thời kỳ thanh tra, kiểm toán	Nội dung thanh tra, kiểm toán	Kết luận thanh tra Báo cáo kiểm toán (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Ghi chú
Năm 2022							
1	Thanh tra Bộ, ngành						
2	Thanh tra tỉnh, huyện						
2.1	Huyện Sơn Hà	1	UBND xã Sơn Ba	2020 đến thời điểm thanh tra	Việc thực hiện pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng; Việc quản lý, sử dụng tài chính ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản; Việc thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021–2025 (Xây dựng nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) tại UBND xã Sơn Ba	Kết luận số 03/KL-UBND ngày 31/7/2023	
3	Thanh tra Ban Dân tộc						
4	Thanh tra các sở, ngành						
5	Kiểm toán nhà nước						
Năm 2023							
1	Thanh tra Bộ, ngành						
2	Thanh tra tỉnh, huyện						
2.1	Thanh tra huyện Trà Bồng	1	UBND xã Trà Xanh	2021 - 2022	Thanh tra việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;	Kết luận số 385/KL-UBND ngày 17/7/202	
		1	UBND xã Trà Phong	2021 - 2022		Kết luận số 01/KL-TTH ngày 30/10/2023	
3	Thanh tra Ban Dân tộc						
4	Thanh tra các sở, ngành						
5	Kiểm toán nhà nước						
	Huyện Sơn Hà	1	UBND huyện Sơn Hà (các phòng, ban; UBND các xã, thị trấn)	2020-2022	Về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi; kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; việc quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng đất nhà nước cho thuê giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2022 và các chuyên đề lồng ghép tại Công văn số 88/KTNN-TH ngày 07/9/2023 của Kiểm toán nhà nước	
Năm 2024							
1	Thanh tra Bộ, ngành						
2	Thanh tra tỉnh, huyện						
2.1	Huyện Sơn Hà	1	UBND xã Sơn Nham	2021-2022	Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật của Chủ tịch UBND xã Sơn Nham	Kết luận số 04/KL-UBND ngày 10/7/2024	
		1	UBND xã Sơn Bao	2021-2022	Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật của Chủ tịch UBND xã Sơn Bao	Kết luận số 05/KL-UBND ngày 14/8/2024	
	Huyện Sơn Tây						
2.2	Huyện Trà Bồng	1	UBND xã Trà Thủy	2022 - 2023	Thanh tra việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Kết luận số 03/KL-TTH ngày 12/9/2024	
		1	UBND xã Sơn Trà	2022 - 2023		Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024	

	Huyện Ba Tơ	1	UBND huyện Ba Tơ, phòng Dân tộc huyện; UBND các xã Ba Vi, Ba Tiêu, Ba Thành, Ba Khâm, Ba Liên và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2021-2023	Thanh tra việc chấp hành pháp luật về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	Đang dự thảo kết luận thanh tra	Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi
	Huyện Minh Long						
	Huyện Tư Nghĩa						
	Huyện Nghĩa Hành						
	Huyện Bình Sơn						
3	Thanh tra Ban Dân tộc						
4	Thanh tra các sở, ngành						
4.1	Huyện Sơn Hà						
	Thanh tra Sở Tài chính	1	UBND huyện Sơn Hà (các phòng, ban; UBND các xã, thị trấn)	Năm 2023	Thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước (kể cả các nguồn thu khác) và quản lý, sử dụng tài sản công tại UBND huyện Sơn Hà	Đang dự thảo kết luận thanh tra	
	Thanh tra kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ngãi	1	UBND xã Sơn Trung và UBND xã Sơn Thượng	từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra	Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về các khoản chi ngân sách nhà nước được thực hiện kiểm soát chi quy kho bạc nhà	669/KL-KBQN ngày 19/7/2024; 945/KL-KBQN ngày 11/10/2024	
5	Kiểm toán nhà nước						

	Tổng số	NS/W	NSDP	NS/N
74.375	67.679	6.696		

[illegible]

5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo năng cao chất lượng nguồn nhân lực	-	-	-	49.929	24.643	4.044	19.054	2.188	19.649	15.179	2.608	1.801	61	-	-	-	30.280	9.464	1.436	17.253	2.127
	Tiêu dự án 1: Đòi hỏi hoạt động, cũng có phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	-	-	-	30.932	24.643	4.044	2.022	223	18.232	15.179	2.608	404	61	-	-	-	12.680	9.464	1.436	1.618	162
	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	-	-	-	2.770	-	-	2.462	308	1.069	-	-	1.069	-	-	-	-	1.701	-	-	1.393	308
	Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và sau đại học	-	-	-	1.416	-	-	1.231	185	1.069	-	-	1.069	-	-	-	-	347	-	-	162	185
	Tiêu dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	-	-	-	1.354	-	-	1.231	123	-	-	-	-	-	-	-	-	1.354	-	-	1.231	123
	Tiêu dự án 4: Đào tạo năng cao năng lực cho công đồng và cán bộ trình khai	-	-	-	12.149	-	-	10.945	1.204	328	-	-	328	-	-	-	-	11.821	-	-	10.617	1.204
	Chương trình ở các cấp	-	-	-	4.078	-	-	3.625	453	-	-	-	-	-	-	-	-	4.078	-	-	3.625	453
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	-	-	-	5.501	3.700	440	1.571	190	2.620	1.805	353	353	109	-	-	-	3.281	1.895	87	1.218	81
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	-	-	-	2.617	-	-	2.368	249	1.599	-	-	1.436	163	-	-	-	1.018	-	-	932	86
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	-	-	-	6.335	-	-	5.708	627	1.503	-	-	1.470	33	-	-	-	4.832	-	-	4.238	594
	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	-	-	-	11.800	-	-	10.718	1.082	2.831	-	-	2.726	105	-	-	-	8.969	-	-	7.992	977
	Tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	-	-	-	10.266	-	-	9.333	933	2.020	-	-	1.948	72	-	-	-	8.246	-	-	7.385	861
	Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	-	-	-	1.334	-	-	1.385	149	811	-	-	778	33	-	-	-	723	-	-	607	116
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN, Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện	-	-	-	3.287	-	-	2.926	361	1.045	-	-	1.001	44	-	-	-	2.242	-	-	1.925	317
	Tiêu dự án 1: Biên dưỡng, tôn vinh di sản văn hóa, phát huy vai trò của NCU, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức trên khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTOG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN	-	-	-	1.771	-	-	1.580	191	713	-	-	699	14	-	-	-	1.058	-	-	881	177
	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	-	-	-	681	-	-	604	77	78	-	-	64	14	-	-	-	603	-	-	540	63
	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	-	-	-	835	-	-	742	93	254	-	-	238	16	-	-	-	581	-	-	504	77
II	Năm 2023	197.050	94.737	11.946	77.282	13.085	710.902	282.724	28.498	359.565	40.115	490.377	326.696	31.336	117.120	15.225	-	417.575	50.765	9.108	319.727	37.975
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	39.306	25.373	3.261	9.692	980	71.846	38.089	3.814	27.220	2.723	61.521	49.808	4.684	6.616	413	-	49.631	13.654	2.391	30.296	3.290
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, an ninh dân cư ở những nơi cần thiết	17.417	16.221	1.196	-	-	31.507	28.551	2.956	-	-	34.231	32.003	2.228	-	-	-	14.693	12.769	1.924	-	-
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	38.367	-	-	30.786	7.581	220.634	-	-	197.676	22.958	75.575	-	-	64.638	#####	-	183.426	-	-	#####	19.652
3	Tiêu dự án 1: Phát triển KT nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và năng cao thu nhập cho người dân	18.527	-	-	12.808	5.719	69.000	9.000	19.255	-	-	13.844	5.411	-	-	-	-	68.272	-	-	58.964	9.308

b	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thực liệu khởi nghiệp doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	19.840	-	-	17.978	1.862	151.634	-	-	137.676	13.958	56.320	-	-	-	5.476	50.844	-	-	115.154	-	-	#####	10.344	
c	Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đôi gắn với dân bản vùng đồng bào DTTS&MN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Tỉnh Quảng Ngãi không thực	
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	51.338	41.784	5.966	3.246	342	199.569	165.758	16.573	15.672	1.566	220.996	184.615	18.445	16.665	1.271	-	-	-	29.911	22.927	4.094	2.253	637	
a	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	51.338	41.784	5.966	3.246	342	199.569	165.758	16.573	15.672	1.566	220.996	184.615	18.445	16.665	1.271	-	-	-	29.911	22.927	4.094	2.253	637	
b	Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Tỉnh Quảng Ngãi không thực	
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	30.280	9.464	1.436	17.253	2.127	107.070	43.762	4.394	53.151	5.763	71.722	52.534	5.527	13.017	644	-	-	-	65.628	692	303	57.387	7.246	
a	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cùng có phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bản trú, trường phổ thông có học sinh ở bản trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	12.680	9.464	1.436	1.618	162	54.197	43.762	4.394	5.443	598	63.763	52.534	5.527	5.198	504	-	-	-	3.114	692	303	1.863	256	
b	Tiểu dự án 2: Bổ sung kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	1.701	-	-	1.393	308	8.120	-	-	7.217	903	2.776	-	-	2.776	-	-	-	-	7.045	-	-	5.834	1.211	
c	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng	347	-	-	162	185	4.149	-	-	3.608	541	2.776	-	-	2.776	-	-	-	-	1.720	-	-	994	726	
d	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho công đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	4.078	-	-	3.625	453	12.235	-	-	11.023	1.212	3.151	-	-	3.140	11	-	-	-	42.307	-	-	38.182	4.125	
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	3.281	1.895	87	1.218	81	12.029	6.564	761	4.196	508	10.189	7.736	452	1.716	285	-	-	-	5.121	723	396	3.698	304	
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	1.018	-	-	932	86	7.233	-	-	6.546	687	3.614	-	-	3.085	529	-	-	-	4.637	-	-	4.393	244	
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	4.832	-	-	4.238	594	17.058	-	-	15.369	1.689	5.823	-	-	5.335	488	-	-	-	16.067	-	-	14.272	1.795	
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	8.969	-	-	7.992	977	32.307	-	-	29.341	2.966	2.085	-	-	1.843	242	-	-	-	39.191	-	-	35.490	3.701	
a	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	8.246	-	-	7.385	861	27.648	-	-	25.134	2.514	124	-	-	-	124	-	-	-	35.770	-	-	32.519	3.251	
b	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	723	-	-	607	116	4.659	-	-	4.207	452	1.961	-	-	1.843	118	-	-	-	3.421	-	-	2.971	450	
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện	2.242	-	-	1.925	317	11.649	-	-	10.394	1.255	4.621	-	-	4.155	466	-	-	-	9.270	-	-	8.164	1.106	

[illegible]

6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	5.121	723	396	3.698	304	9.612	3.901	388	4.750	573	8.739	2.982	441	4.737	579	-					5.994	1.642	343	3.711	298
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	4.637	-	-	4.393	244	10.308			9.329	979	5.300			4.952	348	-					9.645	-	-	8.770	875
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	16.067	-	-	14.272	1.795	20.003			18.021	1.982	8.497			8.098	399	-					27.573	-	-	24.195	3.378
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	39.191	-	-	35.490	3.701	5.388	-	-	4.888	500	1.705			1.415	290	-	-	-	-	-	42.874	-	-	38.963	3.911
a	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	35.770	-	-	32.519	3.251	-					-					-					35.770	-	-	32.519	3.251
b	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng bào DTTS&MN	3.421	-	-	2.971	450	5.388			4.888	500	1.705			1.415	290	-					7.104	-	-	6.444	660
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện	9.270			8.164	1.106	13.020	-	-	11.712	1.308	6.000	-		5.715	285	-	-	-	-	-	16.290	-	-	14.161	2.129
a	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến, giao dịch pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN	5.407	-	-	4.749	658	7.015			6.324	691	3.098			2.983	115	-					9.324	-	-	8.090	1.234
b	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	1.492	-	-	1.338	154	2.677			2.418	259	1.817			1.728	89	-					2.352	-	-	2.028	324
c	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	2.371	-	-	2.077	294	3.328			2.970	358	1.085			1.004	81	-					4.614	-	-	4.043	571

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ
XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOÀN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**
(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh)



DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Thời điểm triển khai/hoàn thành	Thực hiện giải ngân đến 31/12/2024	Hủy dự toán hoặc chuyển nguồn	Công trình đã được thanh tra, kiểm toán (nếu có)
	Tổng cộng			983.857		698.585		
A	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			137.540		113.598		
I	Hỗ trợ đất ở							Chưa thực hiện
II	Hỗ trợ nhà ở			59.763		42.400		
II.1	Huyện Sơn Hà	UBND các xã, thị trấn	Các xã, thị trấn thực hiện Chương trình	19.556	Năm 2023; năm 2024	19.556		
II.2	Huyện Sơn Tây	UBND các xã, thị trấn	Các xã, thị trấn thực hiện Chương trình	6.196	Năm 2023; năm 2024	3.865		
II.3	Huyện Trà Bồng		Các xã, thị trấn thực hiện Chương trình	24.084	Năm 2023; năm 2024	15.512		Thanh tra huyện Trà Bồng đã thanh tra tại xã Trà Thủy
II.4	Huyện Ba Tơ	UBND các xã, thị trấn	Các xã, thị trấn thực hiện Chương trình	7.605	Năm 2023; năm 2024	1.237		
II.5	Huyện Minh Long	UBND các xã, thị trấn	Các xã thực hiện Chương trình	1.794	Năm 2023; năm 2024	1.748		
II.6	Huyện Tư Nghĩa	UBND xã Nghĩa Sơn	Xã Nghĩa Sơn	275	Năm 2023	236		
II.7	Huyện Nghĩa Hành	UBND xã Hành Tín Tây	Thôn Trũng Kè I; thôn Trũng Kè II	253	Năm 2023	246		
III	Hỗ trợ đất sản xuất							Chưa thực hiện
IV	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung			77.777		71.198		
IV.1	Huyện Sơn Hà			20.704		19.622		
1	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xóm thác Thôn Ka La	UBND xã Sơn Linh	Thôn Ka La, Xã Sơn Linh	1.150	Năm 2022	1.083		
2	Nâng cấp HTCSNH Thôn Tà Bi	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Tà Bi, Xã Sơn Thủy	345	Năm 2022	329		

3	Nâng cấp HT cấp nước sinh hoạt Làng Bung, Xã Sơn Ba	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Bung, Xã Sơn Ba	1.150	Năm 2022	1.093	
4	Giếng khoan cho 03 thôn (Làng Rí, Làng Rê, Tả Định)	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Lũng, xã Sơn Giang	4.949	Năm 2022-2023	4.584	
5	Xây dựng mới hệ thống nước sinh hoạt tập trung Thôn Mang Nà (Mang K Rót)	UBND xã Sơn Bao	Thôn Mang Nà, Xã Sơn Bao	1.725	Năm 2022-2023	1.558	
6	Giếng khoan cho 06 thôn trên địa bàn xã	UBND xã Sơn Cao	Xã Sơn Cao	3.450	Năm 2022-2023	3.260	
7	Giếng khoan cho 06 thôn	UBND xã Sơn Nham	Xã Sơn Nham	2.300	Năm 2022-2023	2.185	
8	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt Suối Bồ Nủ	UBND xã Sơn Linh	Thôn Bồ Nùng, Xã Sơn Linh	345	Năm 2022	326	
9	Sửa chữa HTCN Pờ Ráy, thôn Nước Lác	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Nước Lác, Xã Sơn Kỳ	460	Năm 2023	429	
10	Nâng cấp HTCN SH Thôn Làng Vồ, xã Sơn Thượng	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Làng Vồ, Xã Sơn Thượng	690	Năm 2023	654	
11	Nối dài hệ thống nước sinh hoạt Di Lăng vào thôn Gia Ry	UBND xã Sơn Trung	Thôn Gia Ry, Xã Sơn Trung	690	Năm 2023	688	
12	Xây mới hệ thống NSH tập trung Làng Ru, thôn Tà Mát	UBND xã Sơn Hải	thôn Tà Mát, xã Sơn Hải	3.450	Năm 2024-2025	3.433	
IV.2	Huyện Sơn Tây			9.045		8.556	
13	Nước sinh hoạt xóm ông Đồ	UBND xã Sơn Màu		992	9/2022-4/2023	991	
14	Công trình: Nâng cấp hệ thống NSH xóm ông Lợi	UBND xã Sơn Liên	Sơn Liên	2.001	2022-2023	1.868	
15	Công trình: Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt xóm ông A Em	UBND xã Sơn Lập	Thôn Mang Rể- xã Sơn Lập	1.001	2022-2023	953	
16	Công trình Nâng cấp Nước sinh hoạt xóm Ông Đoàn	UBND xã Sơn Long	xã Sơn Long	403	09/2024 - 11/2024	383	
17	Công trình Nâng cấp NSH khu tái định cư A Nhồi 2	UBND xã Sơn Long	xã Sơn Long	499	09/2024 - 11/2024	384	
18	Công trình Nâng cấp NSH khu tái định cư A Nhồi 3	UBND xã Sơn Long	xã Sơn Long	1.150	09/2022 - 03/2023	1.141	
19	Công trình Nâng cấp NSH khu tái định cư A Nhồi 4	UBND xã Sơn Bua	xã Sơn Bua	499	2022-2023	476	
20	Công trình Nước sinh hoạt đội 2 + Đội 3	UBND xã Sơn Tinh	xã Sơn Tinh	2.501	2022-2023	2.361	
IV.3	Huyện Trà Bồng			13.543		12.425	
21	Công trình: Hệ thống nước sinh hoạt tổ 1, 2 thôn Sơn Bàn	UBND xã Trà Sơn	xã Trà Sơn	1.235	Năm 2022-2023	1.175	

22	Công trình: “Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1 – Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và năm 2023 trên địa bàn xã Trà Sơn”	UBND xã Trà Sơn	xã Trà Sơn	1.135	Năm 2022-2023	577	
23	Công trình: Nước sinh hoạt tổ 5, thôn Vuông	UBND xã Trà Thanh	Xã Trà Thanh	1.208	Năm 2022-2023	1.161	
24	Công trình: Nước sinh hoạt tổ 1, thôn Sơn	UBND xã Sơn Trà	Xã Sơn Trà	1.231	Năm 2022-2023	1.148	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
25	Công trình Hệ thống nước sinh hoạt tổ 7,8 thôn Vàng	UBND xã Trà Tây	Xã Trà Tây	1.231	Năm 2022-2023	1.181	
26	Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Thủy	UBND xã Trà Thủy	xã Trà Thủy	1.208	Năm 2022-2023	1.176	Thanh tra huyện: Kết luận số 03/KL-TTH ngày 12/9/2024
27	Hệ thống cấp nước tập trung tổ 1 và 2 thôn Trà Huỳnh	UBND xã Hương Trà	xã Hương Trà	1.231	Năm 2022-2023	1.184	
28	Nước sinh hoạt tổ 5,6,7 thôn Trà Lạc	UBND xã Trà Lâm	xã Trà Lâm	1.208	Năm 2022-2023	1.155	
29	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	263	Năm 2024	248	
30	Hệ thống nước sinh hoạt Đồi Sim	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	1.177	Năm 2022-2023	1.145	
31	Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Bùi	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	1.208	Năm 2022-2023	1.127	
32	Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Giang	UBND xã Trà Giang	xã Trà Giang	1.208	Năm 2022-2023	1.149	
IV.4	Huyện Ba Tư			20.331		18.221	
33	Nâng cấp mở rộng nước sinh hoạt Tổ 8 thôn Gò Păng	Phòng NN&PTNT	xã Ba Dinh	563	Năm 2022-2023	542	
34	Nâng cấp mở rộng nước sinh hoạt Thôn Làng Dút	Phòng NN&PTNT	Xã Ba Nam	2.702	Năm 2022-2023	2.216	
35	Nước sinh hoạt thôn Mang Lùng I xã Ba Tô	Phòng NN&PTNT	Xã Ba Tô	2.495	Năm 2022-2023	2.253	Đã được Thanh tra năm 2024
36	Nước sinh hoạt thôn Hy Long	Phòng NN&PTNT	Xã Ba Diên	3.220	Năm 2022-2023	2.985	
37	Nước sinh hoạt tập trung thôn Gỏi Re	Phòng NN&PTNT	Xã Ba Xa	2.921	Năm 2022-2023	2.550	Đã được Thanh tra năm 2024
38	Nước sinh hoạt tập trung Suối Quây, Mang Biều	Phòng NN&PTNT	Xã Ba Tiêu	3.899	Năm 2022-2023	3.535	
39	Nước sinh hoạt xóm Ông Chợt thôn Làng Tốt	Phòng NN&PTNT	Xã Ba Lễ	1.990	Năm 2022-2023	1.797	
40	Nước sinh hoạt thôn Làng Xi 1 xã Ba Tô	Phòng NN&PTNT	Xã Ba Tô	2.108	Năm 2022-2023	1.941	
41	Sửa chữa nâng cấp Nước sinh hoạt tập trung Nước Lô	Phòng NN&PTNT	Xã Ba Giang	433	Năm 2023-2024	402	

IV.5	Huyện Minh Long					9,944			9,100	
42	Nước sạch sinh hoạt thôn Hà Bói	JBNDhuyện/BQL dự án	Long Hiệp		Năm 2022-2023	2.486			2.134	
43	NSH thôn Làng Ren	JBNDhuyện/BQL dự án	Long Môn		Năm 2022-2023	2.485			2.086	
44	NSH thôn Làng Giữa	JBNDhuyện/BQL dự án	Long Môn		Năm 2022-2023	2.486			2.437	
45	NSH thôn Làng Trê	JBNDhuyện/BQL dự án	Long Môn		Năm 2022-2023	2.487			2.443	
IV.6	Huyện Tư Nghĩa					4,210			3,274	
46	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung xã Nghĩa Sơn	UBND xã Nghĩa Sơn	Xã Nghĩa Sơn		Năm 2022-2024	2.999			2.975	
47	Nâng cấp mở rộng hệ thống nước sinh hoạt thôn 1, thôn 2 xã Nghĩa Sơn	UBND xã Nghĩa Sơn	Xã Nghĩa Sơn		Năm 2024-2025	1.211			299	
B	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				-	149.999			75.007	
I	Huyện Sơn Hà					31.802			18.090	
1	Khu tái định cư Xà Riềng	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	Thôn Xà Riềng, xã Sơn Nham		Năm 2022-2024	14.990			7.500	
2	Dự án xây dựng khu tái định cư Gò Rem, thôn Làng Rê, xã Sơn Giang	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	Thôn Xà Riềng, xã Sơn Nham		Năm 2022-2024	14.990			10.590	
*	Chưa giao chi tiết vốn					1.822				
2.2	Huyện Sơn Tây					40.706			24.902	
3	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư (Tái định canh định cư) Điểm KDC Ta Gán, thôn Đăk Lang, xã Sơn Dung	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	Xã Sơn Dung		Năm 2022-2024	17.250			11.235	
4	Điểm Định canh định cư tập trung thôn Tang Tong, xã Sơn Liên	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	Xã Sơn Liên		Năm 2023-2024	11.500			6.598	
5	Định canh, định cư tập trung Đội 8, thôn Bà He, xã Sơn Tinh	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	Xã Sơn Tinh		Năm 2023-2025	11.956			7.069	
2.3	Huyện Trà Bồng					34.108			19.742	
6	Khu tái định cư tổ 4, thôn 2 (Nóc Ống Đến), xã Trà Thủy	BQLDA	Xã Trà Giang		Năm 2022-2025	12.938			8.896	
7	Khu tái định cư tổ 1, tổ 3 thôn Sơn, xã Sơn Trà	BQLDA	Xã Sơn Trà		Năm 2022-2025	10.638			4.546	
8	Khu tái định cư tổ 3 thôn Tây, xã Trà Tây	BQLDA	Xã Trà Tây		Năm 2022-2025	10.532			6.300	
2.4	Huyện Ba Tơ					31.113			6.275	
9	Khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô, xã Ba Tô	BQL DABTXD&PTQĐ	Xã Ba Tô		Năm 2022-2024	12.431			5.150	
10	Khu tái định cư tập trung tổ 4 thôn Nước Lắng, xã Ba Xa	BQL DABTXD&PTQĐ	Xã Ba Xa		Năm 2023-2025	7.067			1.125	
11	Khu tái định cư tập trung Tổ Đèo Ai, thôn Nước Đang, xã Ba Trang	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	xã Ba Trang		Năm 2022-2024	11.615				Chưa thực hiện

2.5	Huyện Minh Long			12.270		5.997		
12	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng DBKK Thôn Làng Trê	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Long Môn	6.308	Năm 2022-2023	5.997		
13	Dự án khu dân cư Hố Rằm, thôn Kỳ Hát, xã Long Mai	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Long Mai	5.962				Chưa thực hiện
C	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			33.043	-	-		
	Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý	UBND huyện Trà Bồng	Huyện Trà Bồng	33.043				
D	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc			532.214		409.006		
I	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN			532.214		409.006		
2.1	Huyện Sơn Hà			108.291		93.181		
1	Dường BTXM DH 72 - nhà ông Đinh Văn Ka (Thôn Châm Rao)	UBND xã Sơn Nhám	Thôn Châm Rao, Xã Sơn Nhám	575	Năm 2022-2023	575		
2	Dường BTXM DH 72 - nhà bà Đinh Thị Ty (Thôn Bàu Sơn)	UBND xã Sơn Nhám	Thôn Bàu Sơn, Xã Sơn Nhám	345	Năm 2022	345		Thanh tra huyện; Kết luận số 03/KL-UBND ngày 31/7/2023
3	Dường BTXM DH 72 đi Nghĩa địa Gò Lang (Thôn Bàu Sơn)	UBND xã Sơn Nhám	Thôn Bàu Sơn, Xã Sơn Nhám	575	Năm 2022-2023	575		
4	Dường BTXM DH 76 - nhà ông Quỳnh (Thôn Xà Riêng)	UBND xã Sơn Nhám	Thôn Xà Riêng, Xã Sơn Nhám	460	Năm 2022	460		
5	Dường BTXM xóm Xà Riêng - nhà ông Đinh Văn Hoàng	UBND xã Sơn Nhám	Thôn Xà Riêng, Xã Sơn Nhám	288	Năm 2022	288		
6	Dường BTXM từ Nhà văn hóa đi Cha Rân, Thôn Làng Nà	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Nà, Xã Sơn Trung	920	Năm 2022	920		
7	Dường BTXM ông Giới - Gò Gu, Thôn Gia Ry	UBND xã Sơn Trung	Thôn Gia Ry, Xã Sơn Trung	920	Năm 2022	920		
8	Dường BTXM từ nhà ông Lã đến nhà ông Đức (Thôn Làng Già)	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Già, Xã Sơn Ba	1.150	Năm 2022-2023	1.150		Thanh tra huyện; Kết luận số 03/KL-UBND ngày 31/7/2023

9	Đường BTXM từ nhà ông Thim đến nhà ông Lã	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Giã, Xã Sơn Ba	345	Năm 2022	345		Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận
10	Xây mới nhà Văn hóa Thôn Di Hoàng	UBND xã Sơn Ba	Thôn Di Hoàng, Xã Sơn Ba	805	Năm 2022	805		
11	Đường BTXM nối tiếp đường ĐH 73 - cây Da (nhà ông Sinh), Thôn Đồng Giang.	UBND xã Sơn Giang	Thôn Đồng Giang, Xã Sơn Giang	920	Năm 2022	920		
12	Đường BTXM đường xóm Kà Rĩa, thôn Làng Rí (đoạn ĐH 73 tới nhà ông Chỏi)	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	1.035	Năm 2022	1.035		
13	Đường ĐH 72- Gò Đùng	UBND xã Sơn Linh	Thôn Đồng A, Xã Sơn Linh	1.035	Năm 2022	1.035		
14	Đường BTXM Làng Ghè - Đập Bờ Rìn	UBND xã Sơn Linh	Thôn Làng Ghè, Xã Sơn Linh	1.150	Năm 2022	1.150		
15	Nâng cấp đường giao thông thôn Mang Nà	UBND xã Sơn Bao	Thôn Nước Bao, Xã Sơn Bao	1.150	Năm 2022-2023	1.150		Thanh tra huyện; Kết luận số 04/KL-UBND ngày 10/7/2024
16	Nâng cấp đường giao thông thôn Nước Bao	UBND xã Sơn Bao	thôn Nước Bao, xã Sơn Bao	1.150	Năm 2022	1.150		Thanh tra huyện; Kết luận số 04/KL-UBND ngày 10/7/2024
17	Đường BTXM tuyến UBND xã - Làng Trắng (nối tiếp đến sông Xà Lò)	UBND xã Sơn Hải	Thôn Làng Trắng, Xã Sơn Hải	1.150	Năm 2022	1.150		
18	Đường BTXM Làng Lành - Làng Rá (nối tiếp)	UBND xã Sơn Hải	Thôn Làng Lành, Xã Sơn Hải	1.150	Năm 2022	1.150		
19	Nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Hằng đến nhà ông Rơ Xà Ấy	UBND xã Sơn Cao	Thôn Làng Trắng, Xã Sơn Cao	1.150	Năm 2022	1.150		Thanh tra huyện; Kết luận số 04/KL-UBND ngày 10/7/2024
20	Đường BTXM từ Trường Mầm Non - Nhà ông Hoạch , thôn Làng Trá	UBND xã Sơn Cao	Thôn Đồng Sạ, Xã Sơn Cao	1.150	Năm 2022	1.150		Thanh tra huyện; Kết luận số 04/KL-UBND ngày 10/7/2025
21	Đường BTXM đường Làng Vách - Làng Nura	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Bờ Reo, Xã Sơn Thượng	1.150	Năm 2022	1.150		
22	Đường BTXM ngã ba đường tỉnh lộ 623 - Nhà ông Đình Thành Bích	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Làng Vồ, Xã Sơn Thượng	345	Năm 2022	345		
23	Đường từ nhà ông Bít đi đến nhà ông Và Rìn	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Bờ Reo, Xã Sơn Thượng	575	Năm 2022	575		Thanh tra KBNN; Kết luận số 945/KL-
24	Xây dựng Đường BTXM Làng Bám-Nước Lác	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Nước Lác, Xã Sơn Kỳ	1.150	Năm 2022-2023	1.150		

25	BTXM đường nội vùng thôn Tà Bắc	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Tà Bắc, Xã Sơn Kỳ	1.150	Năm 2022	1.150		
26	Đường BTXM từ QL24B đi xóm Ông Mác	UBND xã Sơn Thùỵ	Thôn Làng Rào, Xã Sơn Thùỵ	345	Năm 2022	345		
27	Đường BTXM từ QL 24B - xóm ông Phê	UBND xã Sơn Thùỵ	Thôn Làng Rào, Xã Sơn Thùỵ	1.150	Năm 2022-2023	1.150		
28	Nối tiếp đường BTXM từ Nhà ông Hà Kim-xóm ông Kà Xoa	UBND xã Sơn Thùỵ	Thôn Tà Com, Xã Sơn Thùỵ	805	Năm 2022-2023	805		
29	Nâng cấp đường dây trạm biến áp Nước Nĩa	UBND thị trấn Di Lăng	TDP Nước Nĩa, Thị trấn Di Lăng	1.035	Năm 2022-2023	1.035		
30	Nâng cấp đường điện 04kv xóm Núi KDC Gò Bao, thôn Xã Nay	UBND xã Sơn Nhাম	Thôn Xã Nay, Xã Sơn Nhाम	575	Năm 2023	575		
31	Đường BTXM đường DH 72 - nhà ông Đình Văn Ot, thôn Bàu Sơn	UBND xã Sơn Nhाम	Thôn Bàu Sơn, Xã Sơn Nhाम	288	Năm 2023	288		
32	Nâng cấp và mở rộng đường BTXM từ xóm Mới - bển dò thôn Chàm Rao	UBND xã Sơn Nhाम	Thôn Chàm Rao, Xã Sơn Nhाम	920	Năm 2023	920		
33	Đường BTXM DH 72 - điểm trường Mầm non (Bầu Mì)	UBND xã Sơn Nhाम	Thôn Cạn Sơn, Xã Sơn Nhाम	288	Năm 2023	288		
34	Nâng cấp kênh đập Xã Năng	UBND xã Sơn Trung	Thôn Gò Rộc, Xã Sơn Trung	920	Năm 2023	920		
35	Đường BTXM ông Vĩa - Hà Vĩa	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Đèo, Xã Sơn Trung	920	Năm 2023	920		Thanh tra KBNN; Kết luận số 699/KL-
36	Đường BTXM Làng Đèo - Pa Lát	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Đèo, Xã Sơn Trung	920	Năm 2023	920		
37	Đường BTXM Làng Bung - Xóm Doi - Kà Khu (nối tiếp)	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Bung, Xã Sơn Ba	1.150	Năm 2023	1.150		Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận
38	Đường BTXM từ xóm Doi đến nhà ông Hóm	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Bung, Xã Sơn Ba	1.150	Năm 2023	1.150		Thanh tra huyện; Kết luận số 03/KL-UBND ngày 31/7/2023
39	Đường BTXM từ nhà ông Nhanh đến đập nước Lєм	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Ranh, Xã Sơn Ba	575	Năm 2023	575		Thanh tra huyện; Kết luận số 03/KL-UBND ngày 31/7/2023
40	BTXM nối tiếp đường nhà ông Chỏ tới nhà ông Kà Rí, xóm Kà Rĩa, thôn Làng Rí	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	1.035	Năm 2023	1.035		
41	BTXM nối tiếp từ nhà ông Khéo - nhà ông Nhỏ, thôn Làng Rí	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rí, xã Sơn Giang	345	Năm 2023	345		
42	Nâng cấp, sửa chữa điểm trường Mầm non Làng Rí	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	575	Năm 2023	575		

43	Sửa chữa, xây dựng tường rào, cống rãnh, sân nền, giếng nước điểm trường Mầm non Tà Pá	UBND xã Sơn Giang	Thôn Tà Đình, Xã Sơn Giang	575	Năm 2023	575		
44	Đường BTXM nhà văn hóa- Krân Pa Tu	UBND xã Sơn Linh	Thôn Làng Ghè, Xã Sơn Linh	690	Năm 2023	690		
45	Xây dựng 1 phòng điểm trường mầm non Sơn Ca thôn Đồng A	UBND xã Sơn Linh	Thôn Đồng A, Xã Sơn Linh	920	Năm 2023	920		
46	Đường nhà ông Nguyễn Thành Thu- Suối Tầm Linh	UBND xã Sơn Linh	thôn Gò Da, xã Sơn Linh	460	Năm 2023	460		
47	Nâng cấp Đập Suối Tiên Ka La	UBND xã Sơn Linh	Xóm Thác, thôn Ka La, Xã Sơn Linh	1.150	Năm 2023	1.150		
48	Nâng cấp kênh thủy lợi đập Pa Rang	UBND xã Sơn Bao	Thôn Làng Mùng, Xã Sơn Bao	1.150	Năm 2023	1.150	Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận	
49	Nâng cấp đường giao thông thôn Mang Nà (nối tiếp)	UBND xã Sơn Bao	Thôn Mang Nà, Xã Sơn Bao	1.150	Năm 2023	1.150	Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận	
50	Nâng cấp đường giao thông thôn Nước Bao (Nối tiếp)	UBND xã Sơn Bao	Thôn Nước Bao, Xã Sơn Bao	1.150	Năm 2023	1.150		
51	Nâng cấp sửa chữa Nhà sinh hoạt thôn Gò Sim	UBND xã Sơn Hải	Thôn Gò Sim, Xã Sơn Hải	1.150	Năm 2023	1.150		
52	Nâng cấp sửa chữa Nhà sinh hoạt thôn Làng Lành	UBND xã Sơn Hải	Thôn Làng Lành, Xã Sơn Hải	1.150	Năm 2023	1.150		
53	Xây mới kênh xóm Bà Rà, thôn Làng Trắng	UBND xã Sơn Hải	Thôn Làng Trắng, Xã Sơn Hải	1.150	Năm 2023	1.150		
54	Nối tiếp Đường BTXM nhà ông Thơm - xóm Hà Rùm, thôn Xà Ấy	UBND xã Sơn Cao	Thôn Đồng Sạ, Xã Sơn Cao	1.150	Năm 2023	1.150	Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận	
55	Đường BTXM từ nhà ông Lót - Sân bóng cũ tại thôn Làng Trá, xã Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao	Thôn làng Trá, Xã Sơn Cao	1.150	Năm 2023	1.150	Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận	
56	Đường BTXM từ nhà bà Đình Thị A - xóm Đồng Sạ, xã Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao	Thôn Làng Trắng, Xã Sơn Cao	1.150	Năm 2023	1.150	Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận	
57	Đường BTXM xóm Gò Ri-Gò Hoạch	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Nước Tầm, Xã Sơn Thượng	1.035	Năm 2023	1.035	Thanh tra KBNN; Kết luận số 945/KL-	
58	Nâng cấp đập Suối Dầu	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Tà Pa, Xã Sơn Thượng	1.150	Năm 2023	1.150	Thanh tra KBNN; Kết luận số 945/KL-	
59	Đường BTXM từ ngã ba Bờ Reo đi ngã ba xóm ông Méo	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Bờ Reo, Xã Sơn Thượng	690	Năm 2023	690		

60	Đường BTXM từ tỉnh lộ 623 đi Tà Pa trên (nối tiếp)	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Làng Vồ, Xã Sơn Thượng	920	Năm 2023	920	Thanh tra KBNN; Kết luận số 945/KL-
61	Đường Làng Rê ra khu sản xuất Đồng Dâu	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Làng Rê, Xã Sơn Kỳ	1.150	Năm 2023	1.150	
62	Mở mới đường ra khu sản xuất Tà Măng ra Núi Rìn, thôn Tà Gầm	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Tà Gầm, Xã Sơn Kỳ	1.150	Năm 2023	1.150	
63	Xây dựng tường rào công ngõ, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Tà Bắc	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Tà Bắc, Xã Sơn Kỳ	460	Năm 2023	460	
64	Đường BTXM Làng Băm-Nước Lác (nối tiếp)	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Nước Lác, Xã Sơn Kỳ	1.265	Năm 2023	1.265	Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận
65	Đường BTXM trường tiểu học Giá Gói - bến đò	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Giá Gói, Xã Sơn Thủy	1.150	Năm 2023	1.150	Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận
66	Đường BTXM từ nhà ông Lý - nhà ông Tâm	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Tà Bi, Xã Sơn Thủy	1.150	Năm 2023	1.150	Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận
67	Đường BTXM Tà Bần đi xóm Rả Diều	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Tà Bần, Xã Sơn Thủy	1.150	Năm 2023	1.150	Thanh tra Sở Tài chính; chưa ban hành Kết luận
68	Nâng cấp, sửa chữa Chợ Sơn Giang	UBND xã Sơn Giang	Xã Sơn Giang	920	Năm 2023	920	
69	Trường TH&THCS Sơn Trung (Điểm trường Gò Rộc)	UBND thị trấn Di Lăng	Thị trấn Di Lăng	1.535	Năm 2023	1.535	Thanh tra KBNN; Kết luận số 669/KL-
70	Sửa chữa, nâng cấp cầu treo xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	xã Sơn Thủy	900	Năm 2023	900	
71	Đường BTXM DH 72 -nhà ông Đình Văn Rỏ, thôn Châm Rao	UBND xã Sơn Nhâm	thôn Châm Rao, xã Sơn Nhâm	460	Năm 2024	440	
72	Xây mới điểm trường Mầm non thôn Châm Rao	UBND xã Sơn Nhâm	thôn Châm Rao, xã Sơn Nhâm	920	Năm 2024	880	
73	Xây mới điểm trường Mầm non thôn Xà Nay	UBND xã Sơn Nhâm	thôn Xà Nay, xã Sơn Nhâm	920	Năm 2024	880	
74	BTXM nối tiếp đoạn đường từ nhà ông Rỏ - Nhà ông Ồi, xóm Tà Côm, thôn Tà Đình	UBND xã Sơn Giang	Thôn Tà Đình, Xã Sơn Giang	460	Năm 2024	440	
75	Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng tường rào, cổng ngõ nhà Văn hóa thôn Làng Rí	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	575	Năm 2024	550	
76	Nâng cấp, sửa chữa điểm trường Mầm Non Đèo Bứa, thôn Làng Rê	UBND xã Sơn Giang	Thôn Đổng Giang, Xã Sơn Giang	575	Năm 2024	550	
77	BTXM đường sản bóng thôn Làng Lùng (đoạn từ ông Tân - Sân bóng)	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Lùng, Xã Sơn Giang	345	Năm 2024	330	

78	Mở rộng, xây dựng đường BTXM: Đoạn ĐH 73 đến nhà bà Tổ, thôn Làng Rí	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	1.035	Năm 2024	440	
79	Xây dựng tường rào, sân nền, công trình vệ sinh điểm trường Mầm non Làng Lũng	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Lũng, Xã Sơn Giang	575	Năm 2024	550	
80	Trường TH&THCS Sơn Trung (Điểm trường chính)	lý dự án ĐTXD và PT	thôn Làng Rìn, xã Sơn Trung	3.070	Năm 2024-2025	1.286	
81	Nâng cấp, sửa chữa Trường mẫu giáo xã Sơn Hải	lý dự án ĐTXD và PT	thôn Tà Mát, xã Sơn Hải	1.975	Năm 2024	1.100	
82	Nâng cấp, sửa chữa kênh, đập Rlôn, xã Sơn Trung	UBND xã Sơn Trung	thôn Làng Lòn, xã Sơn Trung	300	Năm 2024	287	
83	Nâng cấp, sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố Nước Nĩa	UBND thị trấn Di Lăng	TDP Nước Nĩa, thị trấn Di Lăng	790	Năm 2024-2025	420	
84	Đường BTXM ông Cảnh - ông Đế, thôn Làng Rìn	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Rìn, xã Sơn Trung	1.092	Năm 2024	990	
85	Trường Mầm non Hoa Mai, hạng mục: điểm trường Tà Mầu	UBND xã Sơn Trung	thôn Tà Mầu, xã Sơn Trung	1.553	Năm 2024	550	
86	Đường BTXM bà Xi - ông Đăm thôn Làng Đèo	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Đèo, xã Sơn Trung	575	Năm 2024	550	
87	Đường Giao thông nông thôn, đoạn Nhà ông Phon - Nhà ông Nê	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Già, xã Sơn Ba	575	Năm 2024	550	
88	Đường Giao thông nông thôn, đoạn QL24B - Xóm Ô Trang	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Rành, xã Sơn Ba	1.150	Năm 2024	547	
89	Đường Giao thông nông thôn, đoạn Nhà ông Nhanh - Đập Nước Lem (nối tiếp từ Nhà ông Vành - Nhà ông Nhanh)	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Rành, xã Sơn Ba	1.150	Năm 2024	550	
90	Đường Giao thông nông thôn, đường đi Xóm Mới	UBND xã Sơn Ba	Thôn Kà Khu, xã Sơn Ba	575	Năm 2024	550	
91	Đường Giao thông nông thôn, đoạn nhà ông Oang - Nhà ông Đố	UBND xã Sơn Ba	Thôn Di Hoàng, xã Sơn Ba	920	Năm 2024	300	
92	Trường Tiểu học Sơn Linh (Điểm trường Ka La)	lý dự án ĐTXD và PT	Thôn Ka La, xã Sơn Linh	5.750	Năm 2024	4.509	
93	Đường giao thông nông thôn Mang Nà - Nước Bao (nối tiếp)	UBND xã Sơn Bao	Thôn Nước Bao, xã Sơn Bao	1.150	Năm 2024	440	
94	Xây mới 01 phòng học điểm trường TH&THCS Pa Rang	UBND xã Sơn Bao	xã Sơn Bao	552	Năm 2024	528	
95	Đường giao thông xóm Mang Ka La thôn Mang Nà	UBND xã Sơn Bao	Thôn Mang Nà, xã Sơn Bao	598	Năm 2024	572	
96	Đường BTXM nhà ông Thường - nhà ông Lênh- ngã 3 Tà Pía - Làng Trắng	UBND xã Sơn Hải	Thôn Gò Sim, Làng Trắng, xã Sơn Hải	850	Năm 2024	813	
97	Đường BTXM QL 24 B (Tà Pía) - nhà ông Sanh (Làng Trắng)	UBND xã Sơn Hải	Thôn Tà Pía, Làng Trắng, xã Sơn Hải	1.200	Năm 2024-2025	550	

98	Dường BTXM đoạn từ QL24B trường MN cũ - Làng Ru (Tà Mát)	UBND xã Sơn Hải	Thôn Tà Mát, Xã Sơn Hải	1.000	Năm 2024	956		
99	Nối tiếp đường BTXM từ Ngã ba Làng Môn - Xã Ấy (Đoạn từ nhà ông Lê Đức Tính đến nhà ông Hà Chết)	UBND xã Sơn Cao	Thôn Xã Ấy, Xã Sơn Cao	1.150	Năm 2024	550		
100	Nối tiếp đường BTXM từ ngã ba Bò Gục - ông Ấp Làng Trảng	UBND xã Sơn Cao	Thôn Làng Trảng, xã Sơn Cao	1.150	Năm 2024	550		
101	Xây dựng mới điểm trường Tiểu học thôn Xã Ấy	UBND Xã Sơn Cao	Thôn Xã Ấy, Xã Sơn Cao	1.150	Năm 2024	550		
102	Đường mới 01 phòng học tại điểm trường Bò Gục	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Bò Reo, xã Sơn Thượng	1.035	Năm 2024	880		
103	Đường BTXM từ Tà Hoảng đi Làng Trùm	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Làng Vồ, xã Sơn Thượng	575	Năm 2024	550		
104	Đường mới 01 phòng học tại điểm trường Làng Vồ	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Làng Vồ, xã Sơn Thượng	575	Năm 2024	550		
105	Đường BTXM Suối Vua – xóm ông Sanh, thôn Làng Rào	UBND xã Sơn Thùy	Thôn Làng Rào, xã Sơn Thùy	1.150	Năm 2024	550		
106	Trường Mẫu giáo Sơn Thùy (Điểm Trường Làng Rào)	UBND xã Sơn Thùy	Thôn Làng Rào, xã Sơn Thùy	1.150	Năm 2024	1.100		
107	Trường TH&THCS Sơn Thùy (Điểm Trường Làng Rào)	UBND xã Sơn Thùy	Thôn Làng Rào, xã Sơn Thùy	1.150	Năm 2024-2025	1.100		
108	Trường Mầm non Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ	xã Sơn Kỳ	2.595	Năm 2024-2025	755		
109	Trường Tiểu học Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ	xã Sơn Kỳ	1.430	Năm 2024-2025	654		
110	Đường BTXM nội đồng từ QL24 đến bãi suối Bò Liền, thôn Làng Riêng	UBND xã Sơn Kỳ	xã Sơn Kỳ	460	Năm 2024-2025	440		
111	Nâng cấp đường nội vùng từ nhà ông Khoanh đến điểm trường Mỏ Níc	UBND xã Sơn Kỳ	xã Sơn Kỳ	472	Năm 2024-2025	285		
2.2	Huyện Sơn Tây			44.824		36.896		
112	Đập thủy lợi Tà Vanh, thôn Đắc Pao	UBND xã Sơn Màu	xã Sơn Màu	1.219	Năm 2023	1.219		
113	Nâng cấp Đai truyền thanh xã Sơn Màu	UBND xã Sơn Màu	xã Sơn Màu	483	Năm 2022-2023	483		
114	Kênh mương cảnh đồng Ra Xách, thôn Đắc Panh	UBND xã Sơn Màu	xã Sơn Màu	980	Năm 2023-2024	980		
115	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Màu, Hạng mục: duy tu bảo dưỡng 6 phòng học 2	UBND xã Sơn Màu	xã Sơn Màu	287	Năm 2023-2024	287		
116	Sửa chữa Nước sinh hoạt xóm ông Một	UBND xã Sơn Màu	xã Sơn Màu	321	Năm 2023	321		
117	Sửa chữa Trường mầm non Bãi Mầu- Điểm trường thôn Đắc Panh. Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân nền	UBND xã Sơn Màu	xã Sơn Màu	99	Năm 2024	99		

118	Sửa chữa Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sơn Mầu - Điểm trường thôn Đăk Panh. Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân nền	UBND xã Sơn Mầu	xã Sơn Mầu	99	Năm 2024	99	
119	Sửa chữa Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sơn Mầu - Điểm trường thôn Tà Vinh. Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân nền.	UBND xã Sơn Mầu	xã Sơn Mầu	100	Năm 2024	100	
120	Sửa chữa Nước sinh hoạt xóm Bà Mai	UBND xã Sơn Mầu	xã Sơn Mầu	93	Năm 2024	93	
121	Công trình: Đường nhà ông Hải - TĐ 13 xóm ông Lợi	UBND xã	Sơn Liên	2.001	Năm 2022-2023	1.987	
122	Công trình: Đường nội vùng KDC Mang Rầy, thôn Tang Tong	UBND xã	Sơn Liên	2.001	Năm 2022-2023	1.940	
123	Công trình: Đường Xóm Ông Nò, thôn Nước Vương	UBND xã	Sơn Liên	1.305	Năm 2022-2023	1.473	
124	Công trình: Đường nội vùng KDC Ngọc Lên thôn Tang Tong	UBND xã	Sơn Liên	1.501	Năm 2023-2024	1.431	
125	Công trình: Đường vào KDC xóm ông Sò, thôn Nước Vương	UBND xã	Sơn Liên	1.601	Năm 2023-2024	1.531	
126	Công trình: Đường vào xóm ông Minh, thôn Nước Vương	UBND xã	Sơn Liên	1.601	Năm 2023-2024	1.333	
127	Công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa thôn Tang Tong	UBND xã	Sơn Liên	1.501	Năm 2023-2024	1.346	
128	Công trình: Đường vào KDC Mang Tăng	UBND xã	Sơn Liên	1.436	Năm 2023-2024	350	
129	Công trình: Nâng cấp Đập Tà Ngànm	UBND xã Sơn Lập	Thôn Tà Ngànm- xã Sơn Lập	1.163	Năm 2022-2023	1.138	
130	Công trình: Đập thủy lợi thôn Mang Rể	UBND xã Sơn Lập	Thôn Mang Rể- xã Sơn Lập	920	Năm 2022-2023	907	
131	Công trình Đường Xóm Ông Nờ - Khu sản xuất Tà Vay, Thôn Mang Rể	UBND xã Sơn Lập	Thôn Mang Rể- xã Sơn Lập	1.202	Năm 2023-2024	605	
132	Công trình Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ra Manh	UBND xã Sơn Long	xã Sơn Long	1.201	Năm 2023	1.148	
133	Công trình BTXM đường Trường Sơn Đông đi khu sản xuất Ha Tin	UBND xã Sơn Long	xã Sơn Long	1.001	Năm 2023	944	
134	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Vay	UBND xã Sơn Long	xã Sơn Long	1.201	Năm 2023	1.138	
135	Công trình Nâng cấp, mở rộng Nhà Văn hóa thôn Mang Hin	UBND xã Sơn Long	xã Sơn Long	600	Năm 2022-2023	599	
136	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đập thủy lợi Nước Chốt.	UBND xã Sơn Bua	xã Sơn Bua	1.001	Năm 2022-2023	925	
137	Nâng cấp đập Nước Ma.	UBND xã Sơn Bua	xã Sơn Bua	1.010	Năm 2023	955	
138	Công trình: Mở rộng nâng cấp đường BTXM trung tâm thôn Ra Tân	UBND xã Sơn Tinh	xã Sơn Tinh	1.201	Năm 2022	1.123	

139	Công trình: Đường thôn BTXM xóm ông Tàng - Bà Phụng, thôn Nước Kia	UBND xã Sơn Tinh	xã Sơn Tinh	1.151	Năm 2022	1.120		
140	Công trình: Xây dựng đường BTXM DH83 - ông Thành, thôn Xã Ruộng	UBND xã Sơn Tinh	xã Sơn Tinh	1.201	Năm 2022	1.095		
141	Công trình: Xây dựng đường thôn BTXM GTNT nhà ông Trung đi ông Ôn, thôn Ra Tân	UBND xã Sơn Tinh	xã Sơn Tinh	1.201	Năm 2022	1.123		
142	Công trình: Xây dựng đường BTXM DH83- ông Hèo thôn Xã Ruộng	UBND xã Sơn Tinh	xã Sơn Tinh	1.201	Năm 2023	1.070		
143	Công trình: Xây dựng đường BTXM xóm ông Lò - ông Liền, thôn Nước Kia	UBND xã Sơn Tinh	xã Sơn Tinh	1.201	Năm 2023	1.122		
144	Công trình: Xây dựng đường BTXM xóm ông K Chết - ông Mừi thôn Ka Năng	UBND xã Sơn Tinh	xã Sơn Tinh	1.201	Năm 2023	1.140		
145	Công trình Đường điện KDC Aliu, Mố Góc	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Nước Mìn	2.001	Năm 2022-2023	1,572,059		
146	Công trình Cổng hộp và đường dẫn hai đầu cổng	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Huy Em	700	Năm 2022-2023	670		
147	Đường vào nghĩa trang nhân dân xã	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Huy Em	920	Năm 2023-2024	859		
148	Đường Ông Hủ đi Mang Đậu	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Huy Em	1.005	Năm 2023-2024	957		
149	Đường xóm ông chọi, tập đoàn 5	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Huy Em	800	Năm 2023	738		
150	Đường ông Nhứt - ông dó	UBND xã Sơn Mùa	Nước Mìn - Huy Em	1.001	Năm 2023	902		
151	Đường điện Huy Ra Lung- A Rang	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Huy Em	1.146	Năm 2024	313		
152	Đường điện Huy Ra Lung- A Kang (giai đoạn 2)	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Huy Em	957	Năm 2024	233		
153	Đường bê tông xi măng Ông Lén - Ra Nang (Nối dài)	UBND xã Sơn Mùa	Huy Ra Long	768	Năm 2024	310		
154	Đường bê tông xi măng Ngọc Răng - Mang Ha Ẽnh (giai đoạn 2)	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Nước Mìn	957	Năm 2024	402		
155	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Huy Em	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Huy Em	99	Năm 2024	99		
156	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Tu La	UBND xã Sơn Mùa	Thôn Tu La	94	Năm 2024	94		
157	Sửa chữa trường Tiểu học Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa	Trường Tiểu học Sơn Mùa	98	Năm 2024	98		
2.3	Huyện Trà Bồng			169.329		136.103		
158	Công trình: Đường thôn Bắc - thôn Tây (n)	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	1.150	Năm 2022-2023	1.100		
159	Công trình:Nối tiếp Đường từ TL 622B đến tổ 3, tổ 4, tổ 5 thôn Sơn Bàn	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	1.380	Năm 2022-2023	1.134		
160	Công trình: Nhà văn hoá thôn Kà Tinh	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	1.495	Năm 2022-2023	1.126		
161	Công trình:BTXM đường thôn Sơn Thành Bà Lình đi đường dân sinh Suối Bồi	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	1.380	Năm 2023-2024	1.164		

162	Công trình:Nối tiếp đường BTXM thôn Bắc - thôn Tây	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	1.840	Năm 2023-2024	1.725	
163	Công trình:BTXM nhà ông Xứ đi Lang Ngang	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	1.725	Năm 2023-2024	1.650	
164	Công trình:BTXM đường son thành - bà linh	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	1.150	Năm 2024-2025	1.033	
165	Công trình:Đường dân sinh thôn Bắc thôn Trung	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	1.265	Năm 2024-2025	1.084	
166	Công trình:Nhà văn hoá xã Trà Sơn	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	5.000	Năm 2024-2025	2.626	
167	Công trình: Sửa chữa đường thôn Bắc đi thôn Tây	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	309	Năm 2022	309	
168	Công trình: Sửa chữa đường thôn Bắc nối tiếp thôn Tây	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	413	Năm 2023	413	
169	Công trình: Sửa chữa đường BTXM tổ 1 đi tổ 3 thôn Bắc	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	717	Năm 2024	716	
170	Công trình: Sửa chữa đường BTXM tổ 1 đi tổ 5 thôn Bắc 2	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	193	Năm 2024	193	
171	Đường BTXM tổ 3 thôn Cát	UBND xã Trà Thanh	Xã Trà Thanh	1.955	Năm 2023-2024	1.687	
172	Đường BTXM tuyến từ nhà Lợi mai đến nhà ông Hồ Văn Nguyên tổ 6, thôn Gổ	UBND xã Trà Thanh	Xã Trà Thanh	1.725	Năm 2023-2025	1.628	
173	Xây dựng tường rào, cổng ngõ Trường Tiểu học; Trường Mẫu giáo thôn Môn	UBND xã Trà Thanh	Xã Trà Thanh	1.725	Năm 2022-2023	1.583	
174	Đường BTXM nhà ông Hồ Minh Thảo đến nhà bà Hồ Thị Bông tổ 1 thôn Vuông	UBND xã Trà Thanh	Xã Trà Thanh	1.955	Năm 2022-2024	1.668	
175	Đường BTXM ngã 3 sông Trường đến tổ 4 thôn Môn	UBND xã Trà Thanh	Xã Trà Thanh	1.955	Năm 2022-2025	1.716	
176	Công trình: Xây dựng tường rào cổng ngõ Trường Mẫu giáo thôn Cát	UBND xã Trà Thanh	Xã Trà Thanh	1.150	Năm 2023-2024	1.100	
177	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - Thôn Đông (GD1)	UBND xã Sơn Trà	Xã Sơn Trà	1.380	20/10/2022 - 05	1.191	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
178	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Bao	UBND xã Sơn Trà	Xã Sơn Trà	1.495	Năm 2022-2023	1.186	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024

179	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - Thôn Đông (GD2)	UBND xã Sơn Trà	Xã Sơn Trà	1.495	Năm 2022-2024	1.459	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
180	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Xuông	UBND xã Sơn Trà	Xã Sơn Trà	1.150	Năm 2023-2024	1.061	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
181	BTXM tuyến tổ 6 đến tổ 5 thôn Trà Xuông	UBND xã Sơn Trà	Xã Sơn Trà	1.150	Năm 2023-2024	1.112	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
182	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - thôn Đông (GD3)	UBND xã Sơn Trà	Xã Sơn Trà	1.150	Năm 2023-2024	1.126	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
183	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - Thôn Đông (GD4)	UBND xã Sơn Trà	Xã Sơn Trà	1.150	Năm 2024	1.095	
184	BTXM tuyến tổ 6 đến tổ 5 thôn Trà Xuông (GD1)	UBND xã Sơn Trà	Xã Sơn Trà	1.150	Năm 2024	1.093	
185	BTXM tuyến đường nhà ông Hồ Văn Xanh đi tổ 3 thôn Xanh(nối tiếp)	UBND xã Trà Tây	Xã Trà Tây	1.380	Năm 2023-2024	1.222	
186	BTXM tuyến ông Thanh - ông Tàu (tổ 3 thôn Bắc Nguyễn), nhà ông Lễ - ông Đông (tổ 2 thôn Bắc Dương) , ông Chung - ông Vân (tổ 4 thôn Bắc Dương)	UBND xã Trà Tây	Xã Trà Tây	1.380	Năm 2022-2023	1223,242	
187	Nối tiếp BTXM tuyến đường nhà ông Hồ Văn Ba tổ 4 thôn Xanh đi hợp tác xã nông nghiệp Lâm điện Trà Tây	UBND xã Trà Tây	Xã Trà Tây	1.725	Năm 2022-2023	1649,524	
188	BTXM tuyến đường nhà ông Hồ Văn Xanh, thôn Vàng (nối tiếp) đi đến khu căn cứ tình ủy Nà Trút	UBND xã Trà Tây	Xã Trà Tây	1.495	Năm 2023-2024	1.262	
189	Xây dựng tường rào, cổng ngõ Nhà Văn hóa thôn Đam	UBND xã Trà Tây	Xã Trà Tây	1.495	Năm 2024	1.395	
190	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tre	UBND xã Trà Tây	Xã Trà Tây	1.495	Năm 2025	1.430	
191	Cải tạo Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 5	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	863	Năm 2022-2023	794	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024

192	Đường BTXM tổ 3, thôn 6	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	1.150	Năm 2022-2023	1.118	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
193	Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Khương đến nhà ông Trầm Quốc Viễn tổ 2, thôn 3	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	1.150	Năm 2022-2023	1.120	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
194	Sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 2, Trà Thủy	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	260	Năm 2022	259	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
195	Cải tạo Nhà Văn hóa xã	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	1.380	Năm 2023-2024	1.253	
196	Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Tám tổ 3, thôn 3 đến ngã 3 đường dân sinh	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	1.323	Năm 2023-2024	1.183	
197	Cải tạo đường BTXM tổ 1, thôn 3 từ Quốc lộ 24C đến nhà ông Hồ Văn Lĩnh	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	1.150	Năm 2023-2024	1.100	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
198	Cải tạo thủy lợi cánh đồng Trà Lý, Tà Núc	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	1.150	Năm 2023-2024	1.100	
199	Sửa chữa Thủy lợi nước Biêu thôn 1, Trà Thủy	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	435	Năm 2023	346	Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
200	Đường BTXM từ NVH thôn 3 đến đường Mố Non tổ 2, thôn 3	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	1.150	2024-2025	412	
201	Cải tạo, mở rộng đường bê tông từ nhà ông Hồ Ngọc Đài đến QL 24C	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	1.150	2024-2025	328	
202	Sửa chữa Nước sinh hoạt tổ 3 thôn 6	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	495	Năm 2024	486	
203	Sửa chữa tuyến đường đi tổ 2, 3 thôn 1	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	402	Năm 2024	397	
204	Tường rào, cổng ngõ, sân bê tông Trường Mẫu giáo thôn Trà Lương	UBND xã Hương Trà	xã Hương Trà	1.150	10/2022-09/2023	1.119	
205	Nối tiếp tuyến đường BTXM tổ 4 - Trà Lương	UBND xã Hương Trà	xã Hương Trà	1.093	10/2022-09/2023	1.023	
206	Tường rào, cổng ngõ, sân bê tông Nhà văn hóa thôn Trà Lương	UBND xã Hương Trà	xã Hương Trà	1.265	04/2023 - 09/2024	1.056	
207	Đường BTXM tuyến Hồ Văn Bảo - Hồ Văn Non (Tổ 4, thôn Trà Văn)	UBND xã Hương Trà	xã Hương Trà	1.610	07/2023 - 10/2024	1.443	
208	BTXM tuyến dốc chè đi tổ 1 - 2 thôn Cà Đàm (nối tiếp)	UBND xã Hương Trà	xã Hương Trà	2.128	03/2023 - 12/2024	2.014	
209	Nâng cấp, BTXM tuyến đường Hồ Hồng Khuyển - Hồ Văn Quyết	UBND xã Hương Trà	xã Hương Trà	1.425	04/2024 - 12/2025	1.356	

210	Đường BTXM tổ 3 đi tổ 1, 2 thôn Trà Hoa	UBND xã Trà Lâm	Xã Trà Lâm	1.725	2022-2023	1.630		
211	Đường BTXM tổ 3, 4 thôn Trà Khương	UBND xã Trà Lâm	Xã Trà Lâm	1.725	2022-2023	1.565		
212	Đường BTXM nội vùng tổ 1,2,3 thôn Trà Xanh	UBND xã Trà Lâm	Xã Trà Lâm	1.725	2022-2023	1.650		
213	Thủy lợi nước con Lang	UBND xã Trà Lâm	Xã Trà Lâm	1.668	2023-2024	1.444		
214	Nối tiếp đường BTXM tổ 3 đi tổ 1, 2 thôn Trà Hoa	UBND xã Trà Lâm	Xã Trà Lâm	1.754	2023-2024	1.641		
215	Nối tiếp đường BTXM từ tổ 3 thôn Trà Lạc đến điểm cuối nước L6	UBND xã Trà Lâm	Xã Trà Lâm	1.668	2024-2025	1.463		
216	Hệ thống điện tổ 1, tổ 6, thôn Niên	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Bùi	1.150	2022-2023	1.093		
217	Đường điện từ nhà ông sang đi Trà Bói	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Giang	1.725	2022-2023	1.230		
218	Kéo đường dây điện tại các khu dân cư	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Xinh	2.300	2022-2023	1.687		
219	Hệ thôn điện tổ 5, thôn Tây	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Bùi	1.800	2023-2024	1.290		
220	Kéo đường dây điện 22kv Trà Nham - tổ 1,2 Nước Lát	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Tân, xã Hương Trà	2.800	2023-2024	2.191		
221	Đường BTXM khu tái định cư tổ 3, thôn Tây	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Tây	1.955	2024-2025	42		
222	Đường BTXM khu tái định cư tổ 1, tổ 3 thôn Sơn	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Trà	1.265	2024-2025	36		
223	Đường dây và trạm biến áp 40KV tại tổ 4, thôn 6, xã Trà Thủy	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Thủy	1.150	2024-2025	338		
224	Đường điện tổ 3,4,5 thôn Trung	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Sơn	1.495	2024-2025	626		
225	Điện sinh hoạt đội 6, thôn Gò Rô	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Phong	725	2024-2025	565		
226	Đường điện tổ 3,4 thôn Đam	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Tây	1.438	2024-2025	758		
227	Hệ thống điện khu tái định cư tổ 3, thôn Tây	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Tây	1.955	2024-2025	408		
228	Hệ thống điện khu tái định cư tổ 1, tổ 3, thôn Sơn	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Trà	1.610	2024-2025	363		
229	Đường điện tổ 7, thôn Trà Kem	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Trà Xinh	1.150	2024-2025	685		
230	Nước sinh hoạt tổ 3,4,5 thôn Trà Ót	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	1.231	2022-2023	1.199		
231	Đường dân sinh khu chăn nuôi	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	1.725	2022-2023	1.612		
232	Đường dân sinh Trà Ngọn	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	1.725	2022-2023	1.536		

233	Đường nhà ông Rếp đi Nghĩa Trang xã	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	2.875	2022-2023	2.799	
234	BTXM các tuyến đường TTCX	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	1.725	2023-2024	1.610	
235	Đường dân sinh Chà ngàn	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	2.070	2023-2024	1.897	
236	Đường dân sinh Tầm Rén đi Xà Bích	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	1.725	2024-2025	533	
237	Nối tiếp tuyến đường tổ 10 đi Ruộng Liền	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	1.150	2024-2025	1.009	
238	BTXM tuyến đường nhà Ông Hoàng đi tổ 12	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	1.150	2024-2025	949	
239	Sửa chữa Thủy Lợi Đồng Giang	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	359	Năm 2024	59	
240	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Trà Ót	UBND xã Trà Tân	xã Trà Tân	400	Năm 2024	388	
241	Sửa chữa BTXM đường Trà Reo - Trà Na	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	425	Năm 2023	419	
242	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt Katec, thôn Trà Niu	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	256	Năm 2023	256	
243	Sửa chữa thủy lợi đội 6, thôn Gò Rô, xã Trà Phong	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	296	Năm 2023	296	
244	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt Làng Ré	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	252	Năm 2024	245	
245	Sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Reo	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	477	Năm 2025	462	
246	Kè suối nước So	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	1.843	2022-2023	1.767	
247	Cải tạo, BTXM đường từ nhà văn hóa thôn Trà Na (cũ) đi xóm ông Út (thôn trưởng)	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	1.430	2022-2023	1.343	
248	BTXM tuyến nhà Hòa Thắng đến khu 9, thôn Hà Riềng (đoạn 5)	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	1.430	2022-2023	1.417	
249	Nhà Văn hóa thôn Hà Riềng	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	1.495	2023-2024	1.308	
250	BTXM tuyến nhà Hòa Thắng đến khu 9, thôn Hà Riềng (đoạn 6)	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	1.495	2023-2024	1.347	
251	BTXM tuyến nhà Hòa Thắng đến khu 9, thôn Hà Riềng (đoạn 5)	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	1.495	2022-2023	1.417	
252	BTXM tuyến nhà Hòa Thắng đến khu 9, thôn Hà Riềng (đoạn 7)	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	1.430	2024-2025	1.330	
253	Nối tiếp đường BTXM nhà Hòa Thắng đến khu 9, thôn Hà Riềng	UBND xã Trà Phong	xã Trà Phong	1.430	2024-2025	1.350	
254	Cải tạo, tuyến đường dân sinh tổ 5 thôn Tây đi Suối Nghệ 2	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	1.495	2022-2024	1.249	
255	Đường BTXM từ trường mầm non đến trụ sở UBND xã mới	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	1.725	2023-2024	1.653	
256	Mở rộng đường dân sinh từ tổ 6 thôn Tây đi thôn Tang	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	2.070	2023-2024	1.890	
257	Nối tiếp đường BTXM từ tổ 6 thôn Gò (cũ) đi Đông Hòa xã Tịnh Giang	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	1.495	2023-2024	1.100	

258	Sửa chữa chính trang khu TĐC thôn Nước Nĩa, hạng mục: Cấp nước sinh hoạt	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	360	Năm 2023	342		
259	Nối tiếp đường BTXM từ UBND xã đi tổ 2 thôn Gò	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	1.150	2024-2025	1.079		
260	Sửa chữa Đập Suối Thìn thôn Niên	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	512	Năm 2024	69		
261	Sửa chữa đập Nà Thân thôn Quế	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	115	Năm 2024	110		
262	Đường BTXM tổ 1 đến tổ 2 Thôn Bàng	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	2.300	2022-2023	2.197		
263	Hệ thống cấp Nước sinh hoạt tổ 1, Thôn Nguyễn	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	1.150	2022-2023	1.152		
264	Đường BTXM từ nhà ông Thế đến nhà ông Thức tổ 4	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	2.300	2022-2023	2.119		
265	Cải tạo thủy lợi Nataruk thôn Bàng	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	1.609	2023-2024	1.603		
266	Nối tiếp đường BTXM tổ 1 đi tổ 2 thôn Bàng	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	2.134	2024-2025	513		
267	Sửa chữa đường ngả ba huyện xóm ông thang-cầu suối kem	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	260	Năm 2022	257		
268	Đường UBND xã đi đội 6 thôn Trà Kem	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	1.380	2022-2023	1.266		
269	Hệ thống nước sinh hoạt đội 7 thôn Trà Kem	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	1.231	2022-2023	1.168		
270	Cải tạo nhà văn hóa thôn Trà Ôi	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	1.495	2022-2023	1.395		
271	Cầu suối kem và đường dẫn	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	2.875	2023-2024	2.538		
272	Sửa chữa công trình: BTXM Tuyến đường UBND xã đi thôn Trà Ôi	UBND xã Trà Hiệp	xã Trà Hiệp	624	Năm 2024	595		
273	Nối tiếp đường Cây Ké di Sông Ong	UBND xã Trà Giang	xã Trà Giang	1.495	2022-2023	1.457		
274	Đường BTXM từ Sinh Lãnh đi Hố Chơai	UBND xã Trà Giang	xã Trà Giang	1.725	2022-2023	1.691		
275	Nước sạch khu tái định cư La Nong	UBND xã Trà Giang	xã Trà Giang	2.070	2023-2024	1.910		
276	Nâng cấp đường BTXM từ UBND xã đi Cây Ké	UBND xã Trà Giang	xã Trà Giang	2.530	2023-2024	1.905		
277	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa Thôn 2	UBND xã Trà Giang	xã Trà Giang	1.035	2024-2025	988		
278	Xây dựng tường rào, cổng ngõ sân TĐTT xã	UBND xã Trà Giang	xã Trà Giang	2.070	2024-2025	1.314		
279	Đường từ thôn 1 đi thôn 2	UBND xã Trà Giang	xã Trà Giang	1.150	2024-2025	1.096		
2.4	Huyện Ba Tơ			177.942		112.107		
280	Trường TH&THCS Ba Vinh; hạng mục khối phòng học tập	UBND xã Ba Vinh	xã Ba Vinh	3.912	2022-2023	3.754		
281	Trường Mầm non Ba Thành, hạng mục: 02 phòng học	UBND xã Ba Thành	xã Ba Thành	1.552	2022-2023	1.536		
282	Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi Gò Lút	UBND xã Ba Giang	xã Ba Giang	10.350	2022-2024	9.243		
283	Nâng cấp nhà văn hóa TDP Kon Dung	TDP Kon Dung, TT Ba Tơ		1.070	2022-2023	1.025		

284	Nâng cấp tuyến kênh từ suối Nước Ren về cánh đồng I On, TDP Uy Năng	L DAĐTXD&PTQĐ hu	TDP Uy Năng, TT Ba Tơ	961	2022-2023	953	
285	Đường BTXM thôn Bùi Hui (thảo nguyên Bùi Hui)	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Trang	11.186	2022-2023	9.162	
286	Nâng cấp tuyến đường UBND xã đi Nước Giáp	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Khâm	10.166	2022-2023	9.306	
287	Trường TH&THCS Ba Liên; hạng mục: 04 phòng học	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Liên	2.444	2022-2023	2.397	
288	Trường Mầm non Ba Điền, hạng mục: 01 phòng học, tường rào, cổng ngõ, sân vườn, nhà vệ sinh	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Điền	2.371	2022-2023	2.340	
289	Nhà văn hóa thôn Làng Tương	UBND xã Ba Điền	xã Ba Điền	1.380	2022-2023	1.148	
290	Trường TH&THCS Ba Nam; hạng mục: 08 phòng học	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Nam	4.807	2022-2023	4.459	
291	Tường rào, cổng ngõ, sân vườn Nhà văn hóa thôn Vã Lế, Đồng Lâu	UBND xã Ba Lế	xã Ba Lế	1.116	2022-2023	1.001	
292	Trường TH&THCS Ba Bích; hạng mục: 08 phòng học	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Bích	5.510	2022-2023	4.919	
293	Cầu BTCT Làng Chai	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Tô	6.968	2022-2023	6.486	
294	Trường Tiểu học Ba Dinh, hạng mục: 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Dinh	4.979	2022-2023	4.383	
295	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Krên - Pa Nu - Ba Lãng	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Ngạc	8.784	2022-2024	5.690	
296	Trường Tiểu học Ba Xa, hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Xa	5.017	2022-2023	4.806	
297	Đường QL 24 đi Gò Pa Nu	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Tiêu	11.251	2022-2024	10.517	
298	Nối tiếp kênh Vã Rò, thôn Nước Xuyên	L DAĐTXD&PTQĐ hu	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vi	1.093	2022-2023	990	
299	Nhà văn hóa thôn Hy Long	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Điền	1.380	2023-2024	1.003	
300	Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi thôn Làng Rêu	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Điền	5.865	2023-2024	3.009	
301	Trường TH&THCS Ba Điền	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Điền	3.701	2023-2024	2.982	
302	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường QL 24 đi Hồ Núi Ngang	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Liên	6.900	2023-2024	5.012	
303	Đường BTXM từ Trường TH&THCS xã đến Nhà văn hóa thôn Hương Chiên	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Liên	1.089	2023-2024	828	
304	Nối tiếp BTXM Gò Xuyên đi Nước Xuyên	L DAĐTXD&PTQĐ hu	Ba Vi	454	2023-2024	358	
305	Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi ngã 3 Nước Gia	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Vinh	8.142	2023-2024	5.958	
306	Trường Mầm non Ba Lế	L DAĐTXD&PTQĐ hu	xã Ba Lế	3.680	2023-2024	2.451	

307	BTXM đường từ nhà ông Thôn đến nhà ông Láng	UBND TT Ba Tơ	TT Ba Tơ	587	2023-2025	-		
308	KCH kênh dòng Mang Tinh	UBND TT Ba Tơ	TT Ba Tơ	488	2023-2025	-		
309	Nâng cấp, cải tạo BTXM từ đường Ba Tơ - Ba Bích đi KDC số 3, TDP Kon Dung, thị trấn Ba Tơ	UBND thị trấn Ba Tơ	Thị trấn Ba Tơ	1.089	2024 - 2025	-		
310	Nâng cấp, cải tạo BTXM từ đường thị trấn Ba Tơ - di Nước Dang, Ba Bích đến nhà ông Phạm Văn Đếch thuộc TDP Đá Bàn, thị trấn Ba Tơ	UBND thị trấn Ba Tơ	Thị trấn Ba Tơ	448	2024 - 2025	-		
311	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thị trấn Ba Tơ - Ba Dinh	BQL DADTXD&PTQH	TT Ba Tơ	7.728	2024-2025	1.655		
312	Nâng cấp tuyến đường Mang Krá - Gỏi Re	BQL DADTXD&PTQH	xã Ba Xa	6.876	2024-2025	1.763		
313	Trường TH&THCS Ba Lế; hạng mục: Nhà hiệu bộ, công trình phụ trợ, thiết bị	BQL DADTXD&PTQH	xã Ba Lế	4.600	2024-2025	-		
314	BTXM nối tiếp UBND Xã đi Làng Vờ	UBND xã Ba Nam	xã Ba Nam	1.341	2024-2025	-		
315	BTXM nối tiếp UBND Xã đi Mang Tương	UBND xã Ba Nam	xã Ba Nam	2.639	2024-2025	-		
316	Nhà văn hóa thôn Ba Nhà	UBND xã Ba Giang	xã Ba Giang	1.495	2024-2025	-		
317	Nối tiếp BTXM Nước Lô - Gò Khôn	UBND xã Ba Giang	xã Ba Giang	1.103	2024-2025	361		
318	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ nghĩa địa đi cánh đồng Đồng Nghệ	UBND xã Ba Liên	xã Ba Liên	456	2024-2025	152		
319	BTXM ngã ba nhà Ông Gây đi nhà Ông Kéo	UBND xã Ba Lế	xã Ba Lế	810	2024-2025	-		
320	Đập và kênh Nước Cóp	UBND xã Ba Lế	xã Ba Lế	1.231	2024-2025	-		
321	Nâng cấp và BTXM đường GTNT tuyến từ Tổ 1 Nước Láng(Đồng Xa) - Tổ 3 Kách Láng	UBND xã Ba Dinh	xã Ba Dinh	2.657	2024-2025	198		
322	Nối tiếp BTXM đường GTNT tuyến từ Tổ 3 - Tổ 4 Kách Láng	UBND xã Ba Dinh	xã Ba Dinh	2.558	2024-2025	184		
323	Kiên cố hóa kênh Ma Mang 1, 2 thôn Làng Măng	UBND xã Ba Dinh	xã Ba Dinh	587	2023-2024	200		
324	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Ba Lãng - Tà Noát	UBND xã Ba Ngạc	xã Ba Ngạc	2.139	2024-2025	-		
325	Đường BTXM từ cầu treo - Làng Chai 2(Làng Xi 2)	UBND xã Ba Tô	xã Ba Tô	816	2024-2025	251		
326	Đường BTXM vào xóm Mang KàKế, thôn Trà Nô	UBND xã Ba Tô	xã Ba Tô	651	2024-2025	210		
327	Đường BTXM đi Làng Danh (Làng Mạ)	UBND xã Ba Tô	xã Ba Tô	1.173	2024-2025	376		
328	Đường BTXM đi xóm Nước Đi (Làng Mạ)	UBND xã Ba Tô	xã Ba Tô	1.466	2024-2025	380		
329	BTXM tuyến đường từ ngã ba Hành Tín Tây đến nhà bà Nguyệt	UBND xã Ba Thành	xã Ba Thành	920	2024-2025	227		

330	BTXM tuyến đường trường Tiểu học đến nhà bà tám Thu	UBND xã Ba Thành	xã Ba Thành	1.272	2024-2025	435	
331	BTXM tuyến đường nhà ông Bôn đến đoc Quýt	UBND xã Ba Thành	xã Ba Thành	1.491	2024-2025	-	
332	Nối tiếp KCH kênh ruộng Y Nâu	UBND xã Ba Thành	xã Ba Thành	618	2024-2025	-	
333	Nối tiếp BTXM trường Mầm non Hồ Sầu - Gò Rốc	UBND xã Ba Khâm	xã Ba Khâm	1.137	2024-2025	-	
334	Nhà văn hóa thôn Đồng Vào	UBND xã Ba Bích	xã Ba Bích	1.564	2024-2025	-	
335	Tường rào, cổng ngõ Nhà văn hóa thôn Nước Đang, Con Rã	UBND xã Ba Bích	xã Ba Bích	775	2024-2025	-	
336	Đập và kênh Nước Bum thôn Nước Đang	UBND xã Ba Bích	xã Ba Bích	1.100	2024-2025	-	
2.5	Huyện Minh Long			28.463		27.354	
337	Nghĩa trang nhân dân thôn Trung Thượng	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Mai	690	Năm 2022 - 2023	673	
338	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mai Lãnh Hữu	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Mai	1.035	Năm 2022 - 2023	995	
339	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Cà Xen	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Môn	1.207	Năm 2022 - 2023	1.200	
340	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Làng Ren	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Môn	1.207	Năm 2022 - 2023	1.205	
341	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hà Liệt	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Hiệp	1.206	Năm 2022 - 2023	1.177	
342	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hà Xuyên	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Hiệp	1.208	Năm 2022 - 2023	1.180	
343	Đường từ Nước La đi Nghĩa trang nhân dân Loan Di	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Hiệp	1.150	Năm 2022 - 2023	1.117	
344	Nâng cấp kênh mương Hồ cái - cầu trắng thôn Dư Hữu	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Mai	1.093	Năm 2022 - 2023	914	
345	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Làng Trê	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Môn	1.150	Năm 2022 - 2023	1.145	
346	Bê tông xi măng đường Làng Vang - Ru trác 9	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Môn	1.196	Năm 2024	1.142	
347	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Làng Giữa	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Môn	1.150	Năm 2024	1.129	
348	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Dư Hữu	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Mai	1.178	Năm 2024	1.139	
349	Kênh mương Đồng nước Co từ ruộng ông Điếu - ruộng ông Ý	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Mai	667	Năm 2024	509	
350	Đường từ Hồ Nước Da lên Hồ Nước Rét (2 đoạn)	UBNDhuyện/BQL dự án	Long Hiệp	575	Năm 2024	562	

351	Công trình: Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Kỳ Hát	UBND xã Long Mai	Thôn Kỳ Hát	1.156	Năm 2023	1.156	Đã được thanh tra năm 2023 Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi (Tại KL số 05/KL-TT ngày 14/11/2023)
352	Công trình: Đường bê tông GTNT tỉnh lộ 624 - Đập Hồ Lỉnh thôn Minh Xuân	UBND xã Long Mai	Thôn Minh Xuân	973	Năm 2023	973	
353	Công trình: Nghĩa trang nhân dân thôn Long Thượng	UBND xã Long Mai	Thôn Long Thượng	845	Năm 2023	845	
354	Công trình: Đường GTNT TL624 – Xóm ông Bèo thôn Mai Lành Hữu	UBND xã Long Mai	Thôn Mai Lành Hữu	665	Năm 2023	665	
355	Công trình: Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Mai Lành Hạ - Đòng Xối Sông Phước Giang	UBND xã Long Mai	Thôn Mai Lành Hạ	900	Năm 2024	900	
356	Công trình: Kênh mương từ ruộng ông Niêm - đến cuối tuyến Đòng Xối	UBND xã Long Mai	Thôn Mai Lành Hạ	900	Năm 2024	900	
357	Công trình: Bê tông xi măng đường Làng Tré Hồ Bả Bào	UBND xã Long Môn	Thôn Làng Tré	1.380	Năm 2022	1.097	
358	Công trình: Bê tông xi măng đường nhà ông Gò đến nhà ông Ngút	UBND xã Long Môn	Thôn Cà Xen	1.208	Năm 2023	1.136	
359	Công trình: Bê tông xi măng đường suối Cà Eo đến tập đoàn 13 (giai đoạn 2)	UBND xã Long Môn	Thôn Làng Tré	1.173	Năm 2024	1.162	
360	Dự án: Đường từ tập đoàn 10 đến tập đoàn 9 Hà Bôi	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	495	Năm 2022	486	
361	Dự án: Bê tông tuyến đường vào khu sản xuất Gò cà nóc	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	379	Năm 2022	372	
362	Dự án: Đường từ nhà ông Biều đến nhà ông Húy	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	284	Năm 2022	279	
363	Dự án: Đường vào Hồ Nước Da (cấp phối)	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	575	Năm 2023	571	
364	Dự án: Đường từ nhà ông Đình Thủy vào nghĩa địa thôn Hai	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	460	Năm 2023	444	
365	Dự án: Đường vào khu sản xuất Gò Chanh	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	460	Năm 2023	452	
366	Dự án: Đường Hồ Niên Cá	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	575	Năm 2024	572	
367	Dự án: Kênh từ đập Ông Nĩ từ ruộng ông Viên TD 12 tới cầu Hà Bôi	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	575	Năm 2024	570	
368	Dự án: Bê tông đường nhà ông Huỳnh đến nhà bà Biều	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	345	Năm 2024	342	
369	Dự án: Bê tông đường từ nhà ông Trọng đến nhà ông Chíp	UBND xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	403	Năm 2024	345	

2.6	Huyện Nghĩa Hành				3.365		3.365		
370	Nâng cấp đường ngã ba nhà Ông Trưởng - nhà Phạm Be	UBND xã Hành Tín Tây	Thôn Trũng Kè I		575	Năm 2023	575		
371	Nâng cấp tuyến đường Hóc Miếu		Thôn Trũng Kè I		281	Năm 2023	281		
372	Xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao thôn Trũng Kè I		Thôn Trũng Kè I		680	Năm 2023	680		
373	Nâng cấp Bê tông nhà ông Phạm Hiền- Xã Len Trũng kè 2		Thôn Trũng Kè II		556	Năm 2022	556		
374	Xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao Gò thống Trũng kè II		Thôn Trũng Kè II		680	Năm 2023	680		
375	Bê tông đường từ nhà ông Phạm Văn Nhân- ruộng suối		Thôn Trũng Kè II		321	Năm 2023	321		
376	Bê tông tuyến đường từ nhà ông Phạm Be - Phạm Trường (nói tiếp)		Thôn Trũng Kè II		273	Năm 2024	273		
II	Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc								Tỉnh Quảng Ngãi không thực hiện
E	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				131.062		100.974		
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cùng có phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS				131.062		100.974		
I	Dự án do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện				11.760		9.882		
1	Dự án: Trường THPT Tây Trà, HM: Cải tạo, đổ bê tông, lát gạch sân nền, tạo khuôn viên Nhà thi đấu đa năng	Sở GD&ĐT	Xã Trà Phong, huyện Tây Trà		920	2022-2023	884		
2	Dự án: Trường THCS- THPT Phạm Kiệt, HM: Cải tạo, nâng cấp tường rào, cổng ngõ	Sở GD&ĐT	Xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà		1.208	2022-2023	1.049		
3	Dự án: Trường THPT Minh Long, HM: Nâng cấp, sửa chữa nhà bán trú. Công trình vệ sinh, nước sạch khu nhà bán trú học sinh	Sở GD&ĐT	Xã Long Mai, huyện Minh Long		1.150	2022-2023	1.127		
4	Dự án trường THPT Ba Tơ, HM: Sửa chữa, cải tạo đầy phòng học 6 phòng 2 tầng thành nhà thư viện, phòng tổ bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Sở GD&ĐT	Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ		2.300	2022-2023	1.883		

5	Dự án: Trường THPT Trà Bồng, HM: Cải tạo, nâng cấp sân chào cờ	Số GD&ĐT	Xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng	1.265	2023-2024	1.028		
6	Dự án: Trường THPT Đinh Tiên Hoàng, HM: Cải tạo xây dựng 04 phòng học 02 tầng có nhà vệ sinh	Số GD&ĐT	Xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây	3.652	2023-2024	3.063		
7	Dự án: Trường THPT Sơn Hà, HM: Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Số GD&ĐT	Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	1.265	2024-2025	849		
II	Dự án do UBND các huyện thực hiện			119.302	-	91.091		
II.1	UBND huyện Sơn Tây			39.736	-	32.022		
8	Dự án: Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Long, hạng mục: Xây dựng phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên; phòng quản	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Long	4.290	2022-2024	3.647		
9	Dự án: Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Tân, hạng mục: Xây dựng phòng bộ môn; phòng ở cho HSBT	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Tân	4.704	2022-2024	3.998		
10	Dự án: Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Màu, hạng mục: Mở rộng diện tích, xây dựng phòng ở cho HSBT; phòng công vụ giáo viên; phòng quản lý HSBT	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Màu	4.853	2022-2024	4.125		
11	Dự án: Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Dung, hạng mục: Xây dựng phòng ở cho HSBT; phòng công vụ giáo viên; phòng quản lý HSBT	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Dung	5.131	2022-2024	4.361		
12	Dự án: Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Bua, hạng mục: Xây dựng phòng ở cho HSBT; phòng công vụ giáo viên, phòng quản	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Bua	5.428	2022-2024	4.614		
13	Dự án: Trường PTDTNT THCS Sơn Tây, hạng mục: Xây dựng phòng học; phòng quản lý HSNT; nhà ăn, nhà bếp	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Dung	4.577	2022-2024	3.891		
14	Dự án: Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Liên	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Liên	5.192	2023-2025	3.894		
15	Dự án: Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Lập	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Xã Sơn Lập	5.561	2023-2025	3.493		
II.2	UBND huyện Ba Tơ			13.097	-	12.693		
16	Trường PTDT nội trú THCS Ba Tơ; hạng mục: Phòng học tập và các công trình phụ trợ	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	Thị trấn Ba Tơ	6.000	2022-2023	5.664		
17	Trường PTDT bán trú TH&THCS Ba Trang; hạng mục: Phòng học tập và các công trình phụ trợ	BQL dự án DTXD&PTQD huyện	xã Ba Trang	7.097	2022-2023	7.029		
II.3	UBND huyện Sơn Hà			13.198	-	10.078		

18	Trường phổ thông dân tộc Bán trú Tiểu học Sơn Ba	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	Xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà	6.198	2022-2023	4.805	
19	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Sơn Hà	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	TT Di Lăng, huyện Sơn Hà	7.000	2022-2023	5.273	
II.4	UBND huyện Trà Bồng			35.607	-	25.879	
20	Trường Tiểu học số 1 Trà Sơn	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	xã Trà Sơn	5.558	2022-2023	4.752	
21	Trường PTDTBT THCS Trương Ngọc Khang	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	xã Trà Phong	2.854	2022-2023	2.440	
22	Trường PTDTBT THCS Trà Thanh	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	xã Trà Thanh	5.667	2022-2023	4.845	
23	Trường PTDTBT THCS Sơn Trà	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	xã Sơn Trà	4.411	2023-2024	3.771	
24	Trường TH&THCS Trà Tân	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	xã Trà Tân	5.847	2023-2024	4.999	
25	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Tây	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	xã Trà Tây	8.050	2024-2025	3.623	
26	Trường PTDTBT Tiểu học Sơn Trà	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	xã Sơn Trà	3.220	2024-2025	1.449	
II.5	UBND huyện Minh Long			17.664	-	10.419	
27	Trường PTDTBT TH&THCS Long Môn, hạng mục: Nhà hiệu bộ 05 phòng 2 tầng; Nhà ở bán trú 04 phòng; tường rào; sân bê tông và	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	Xã Long môn, huyện Minh Long	8.857	2022-2023	7.902	
28	Trường THCS Dân tộc Nội trú huyện Minh Long	BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	Xã Long Hiệp, huyện Minh Long	8.807	2024-2025	2.517	
F	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch						
I	Dự án do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện			4.600		3.889	
1	Đầu tư bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc kor tại huyện Trà Bồng	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Huyện Trà Bồng	4.600	2022 - 2024	3.889	
II	Dự án do UBND các huyện thực hiện			13.025		10.947	
II.1	Huyện Sơn Hà			3.083		2.526	
2	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Làng Xinh, xã Sơn Linh	UBND xã Sơn Linh	Xã Sơn Linh	230	Năm 2022	207	
3	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Bồ Nung, xã Sơn Linh	UBND xã Sơn Linh	Xã Sơn Linh	230	Năm 2022	205	
4	Sửa chữa nhà Văn hóa Gò Ngoài, thôn Làng Ré, xã Sơn Giang	UBND xã Sơn Linh	Xã Sơn Giang	185	Năm 2022-2023	179	

5	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Làng Mon, xã Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao	Xã Sơn Cao	184	Năm 2023	162		
6	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Gia Ry, xã Sơn Trung	UBND xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	184	Năm 2023	172		
7	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Tà Pa, xã Sơn Thượng	UBND xã Sơn Thượng	Xã Sơn Thượng	184	Năm 2023	178		
8	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn La Mac, xã Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải	Xã Sơn Hải	184	Năm 2023	170		
9	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Tà Com, xã Sơn Thùỵ	UBND xã Sơn Thùỵ	Xã Sơn Thùỵ	184	Năm 2023-2024	176		
10	Dự án Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tại Khu trung tâm bảo tồn văn hóa dân tộc Hre tỉnh Quảng Ngãi tại huyện Sơn Hà	Ủy ban DT&XD và PT	Thị trấn Di Lăng	1.150	Năm 2024-2025	721		
11	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Bò Nung, xã Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ	xã Sơn Kỳ	184	Năm 2024	173		
12	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Làng Ranh, xã Sơn Ba	UBND xã Sơn Ba	xã Sơn Ba	184	Năm 2024	184		
II.2	Huyện Sơn Tây			1.435		1.105		
13	Nâng cấp nhà văn hoá thôn Đăk Panh			285	Năm 2024	275		
14	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Gò lã	UBND xã Sơn Dung	xã sơn dung	287	Năm 2023	275		
15	Công trình: Sửa chữa nhà văn hóa thôn Mang Rế	UBND xã Sơn Lập	Thôn Mang Rế- xã Sơn Lập	288	Năm 2022-2023	274		
16	Công trình: Nâng cấp nhà văn hóa thôn Tà Ngâm	UBND xã Sơn Lập	Thôn Tà Ngâm - xã Sơn Lập	288	Năm 2023-2024	281		
17	Công trình Nâng cấp nhà văn hóa thôn Ka Nang	UBND xã Sơn Tinh	Xã Sơn Tinh	288	Năm 2024			
II.3	Huyện Trà Bồng			3.200		2.825		
18	Mua sắm trang thiết bị Nhà văn hóa thôn		Các xã Trà Phong, Hương Trà	1.126	Năm 2022-2023	1.100		
19	Cải tạo và mua sắm trang thiết bị Nhà văn hóa thôn Vàng, thôn Xanh, xã Trà Tây		Xã Trà Tây	995	Năm 2022-2023	933		
20	Cải tạo và mua sắm trang thiết bị Nhà văn hóa thôn		Các xã Trà Phong, Hương Trà	880	Năm 2022-2023	602		
21	Mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa thôn	UBND xã Trà Xinh	xã Trà Xinh	98	Năm 2023-2024	89		
22	Mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa thôn	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	101	Năm 2024	101		
II.4	Huyện Ba Tơ			3.770		3.262		
23	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao tại các thôn thuộc vùng DBD&TS huyện Ba Tơ	Phòng VH-TT	13 thôn thuộc vùng DBD&TS trên địa bàn huyện	2.970	2022-2024	1.631		
24	Hỗ trợ đầu tư điểm đến du lịch tiêu biểu làng Bùi Hui (Thảo nguyên Bùi Hui)	Phòng KT&HT	Xã Ba Trang	800	2024-2025	1.631		

II.5	Huyện Minh Long				1.044			736	
25	Công trình: Cải tạo nhà văn hóa thôn Long Thượng. Hạng mục: Nhà vệ sinh	UBND xã Long Mai	Thôn Long Thượng		107	2023/2023		107	
26	Công trình: Cải tạo nhà văn hóa thôn Trung Thượng. Hạng mục: nhà vệ sinh, giếng nước	UBND xã Long Mai	Thôn Trung Thượng		172	2023/2023		172	
27	Công trình: Cải tạo Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn Minh Xuân	UBND xã Long Mai	Thôn Minh Xuân		765	2024/2025		457	
II.6	Huyện Nghĩa Hành				494			492	
28	Mua sắm các thiết chế cho 2 nhà văn hóa thôn Trùng kê 1 và thôn Trùng kê 2	UBND xã Hành Tín Tây	Thôn Trùng Kê I, Trùng Kê II		144	Năm 2022		144	
29	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng ĐB DTTS và miền núi	UBND xã Hành Tín Tây			349	Năm 2022-2023		347	

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOÀN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**
(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Thời điểm triển khai/ hoàn thành	Thực hiện giải ngân đến 31/12/2024	Hủy dự toán hoặc chuyển nguồn	Đã được thanh tra, kiểm toán theo Số kết luận thanh tra, báo cáo kiểm toán (nếu có)
	Tổng cộng			458.383		171.842		
I	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			458.383		171.842		
I	Phát triển KT nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và năng cao thu nhập cho người dân			266.882	Năm 2022 - 2024	71.594	-	
	Dự án: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các xã khu vực II, khu vực III thuộc UBND các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh	Trên địa bàn các xã Khu vực II, khu vực III (các huyện Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long)	266.882	Năm 2022 - 2024	71.594		
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; vùng trồng được liệu quý; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào			191.501		100.248	-	
2.1	Huyện Sơn Hà			85.783		31.784		
1	Dự án Hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn thị trấn Di Lăng (nhóm 2)	UBND TT Di Lăng	TDP Nước Nia	895	Tháng 6/2023 - tháng 12/2025	411		

2	Dự án Hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, năm 2023 trên địa bàn thị trấn Di Lăng (nhóm 1)	UBND TT Di Lăng	 TDP Nước Nía	895	Tháng 6/2023 - tháng 12/2025	411		
3	Dự án Hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản của Tổ cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thực hiện Tiểu dự án 2-Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Ba	UBND xã Sơn Ba	thôn Kà Khu, thôn Làng Bung	924	Tháng 7/2023 - tháng 6/2025	594		
4	Dự án Hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản (nhóm 1) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, trên địa bàn xã Sơn Ba	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Rành (nhóm 1)	857	Tháng 7/2023 - tháng 6/2025	590		
5	Dự án Hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản (nhóm 2) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, trên địa bàn xã Sơn Ba	UBND xã Sơn Ba	Thôn Di Hoảng (nhóm 2)	956	Tháng 7/2023 - tháng 6/2025	590		
6	Dự án Hỗ trợ nhóm cộng đồng nuôi bò cái lai sinh sản thôn Làng Già thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Ba.	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Già	1.026	Tháng 10/2023 - tháng 10/2025	571		
7	Dự án Hỗ trợ nhóm cộng đồng nuôi trâu cái sinh sản thôn Làng Già thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Già	926	Tháng 10/2023 - tháng 10/2025	553		
8	Dự án hỗ trợ nhóm cộng đồng nuôi trâu cái sinh sản thôn Kà Khu thực hiện tiểu dự án 2 - dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Sơn Ba	UBND xã Sơn Ba	Thôn Kà Khu	595	Tháng 6/2024 - tháng 12/2025			

9	Dự án hỗ trợ nhóm cộng đồng nuôi trâu cái sinh sản thôn Làng Già thực hiện tiêu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Sơn Ba.	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Già	428	Tháng 6/2024 - tháng 12/2025		
10	Dự án hỗ trợ chăn nuôi heo bản địa sinh sản thực hiện tiêu dự án 2 – Dự án 3, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Sơn	UBND xã Sơn Bao	Thôn Làng Mùng	938	Tháng 3/2023 - tháng 12/2024	600	
11	Dự án hỗ trợ Nuôi trâu cái sinh sản của nhóm cộng đồng nuôi trâu cái sinh sản thôn Mang Nà thực hiện tiêu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn Bao	UBND xã Sơn Bao	Thôn Mang Nà, xã Sơn Bao	852	Tháng 5/2023 - tháng 6/2025	582	
12	Dự án hỗ trợ Nuôi bò cái vàng địa phương của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thực hiện tiêu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Sơn Bao	UBND xã Sơn Bao	Thôn Làng Mùng, xã Sơn Bao	907	Tháng 8/2023 - tháng 7/2025	528	
13	Dự án nuôi bò cái vàng địa phương thực hiện tiêu dự án 2 - Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	UBND xã Sơn Bao	Thôn Nước Tang	799	Tháng 11/2023 - tháng 10/2025	522	
14	Dự án nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Nước Rinh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Bao.	UBND xã Sơn Bao	Thôn Nước Rinh	451	Tháng 11/2023 - tháng 10/2025	363	
15	Dự án hỗ trợ cộng đồng nuôi bò cái vàng sinh sản của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng sinh sản thôn Mang Nà, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Sơn Bao	UBND xã Sơn Bao	Thôn Mang Nà	379	Tháng 7/2024 - tháng 12/2025		

16	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Nước Bao, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Sơn Bao	UBND xã Sơn Bao	Thôn Nước Bao	430	Tháng 8/2024 - tháng 12/2025			
17	Dự án hỗ trợ nuôi gà kiến thả vườn của Tổ hợp tác nuôi gà kiến thả vườn thôn Làng Trảng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn xã Sơn Cao.	UBND xã Sơn Cao	Thôn Làng Trảng	727	Tháng 3/2023 - tháng 6/2024	600		
18	Dự án Hỗ trợ sản xuất cộng đồng “dự án chăn nuôi heo ky sinh sản” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao	Thôn Làng Trá, xã Sơn Cao	802	Tháng 6/2023 - tháng 6/2025	549		
19	Dự án hỗ trợ chăn nuôi gà kiến thả vườn của Tổ hợp tác chăn nuôi gà kiến thả vườn thôn Xà Ấy thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao	Thôn xã Ấy, xã Sơn Cao	826	Tháng 8/2023 - tháng 9/2024	600		
20	Dự án hỗ trợ chăn nuôi gà kiến thả vườn của Tổ hợp tác chăn nuôi gà kiến thả vườn thôn Làng Gung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao	Thôn Làng Gung, xã Sơn Cao	740	Tháng 7/2023 - tháng 6/2024	600		
21	dự án nuôi Gà kiến của Nhóm hộ cộng đồng chăn nuôi Gà kiến thôn Làng Trá, xã Sơn Cao thực hiện tiêu dự án 2 – Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Cao.	UBND xã Sơn Cao	Thôn Làng Trá	926	Tháng 10/2023 - tháng 12/2024	615		
22	Dự án hỗ trợ chăn nuôi heo ky của nhóm cộng đồng chăn nuôi heo ky thôn Làng Rê thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Giang	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rê	944	Tháng 4/2023 - tháng 12/2024			

23	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Làng Lũng (nhóm 2) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, xã Sơn	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Lũng (nhóm 2)	768	Tháng 8/2023 - tháng 6/2025			
24	Dự án Hỗ trợ chăn nuôi gà kiến thả vườn của Nhóm cộng đồng chăn nuôi gà kiến thôn Làng Rí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Giang.	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rí	318	Tháng 10/2023 - tháng 6/2025			
25	Dự án Hỗ trợ nuôi heo ky của Nhóm cộng đồng chăn nuôi heo ky thôn Làng Rí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn Xã Sơn Giang.	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rí	920	Tháng 4/2023 - tháng 12/2024			
26	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Tà Đình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn Giang	UBND xã Sơn Giang	Thôn Tà Đình	717	Tháng 11/2023 - tháng 6/2025			
27	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản (nhóm 1) thôn Tà Đình, xã Sơn Giang thực hiện tiểu dự án 2 - dự án 3, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024.	UBND xã Sơn Giang	Thôn Tà Đình	825	Tháng 6/2024 - tháng 12/2025			
28	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản (nhóm 2) thôn Tà Đình, xã Sơn Giang thực hiện tiểu dự án 2 - dự án 3, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024	UBND xã Sơn Giang	Thôn Tà Đình	825	Tháng 6/2024 - tháng 12/2025			
29	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Làng Lũng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Sơn Giang	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Lũng	172	Tháng 11/2024 - tháng 11/2025			

30	Dự án hỗ trợ chăn nuôi gà kiến thả vườn của tổ cộng đồng chăn nuôi gà kiến thả vườn thôn Làng Lành thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn xã Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải	Thôn Làng Lành	727	Tháng 3/2023 - tháng 6/2024			
31	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Làng Lành thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải	Thôn Làng Lành	1.043	Tháng 7/2023 - tháng 6/2025			
32	Dự án hỗ trợ nuôi heo kiềng sắt thương phẩm thực hiện tiểu dự án 2 – Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của nhóm cộng đồng nuôi heo kiềng sắt thôn Tà Mát, xã Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải	Thôn Tà Mát	1.070	Tháng 8/2023 - tháng 12/2024			
33	Dự án hỗ trợ nuôi cá nước ngọt thực hiện tiểu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải	Thôn Tà Pía, Gò Sim, Làng Trắng	1.106	Tháng 8/2023 - tháng 7/2025			
34	Dự án Hỗ trợ sản xuất cộng đồng “Dự án nuôi bò cái lai sinh sản” của Nhóm cộng đồng chăn bò cái lai thôn Tà Mát thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn Hải.	UBND xã Sơn Hải	Thôn Tà Mát	740	Tháng 11/2023 - tháng 12/2025			
35	Dự án Hỗ trợ sản xuất cộng đồng “Dự án nuôi bò cái lai sinh sản” của Nhóm cộng đồng chăn bò cái lai thôn Làng Lành thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải	Thôn Làng Lành	807	Tháng 11/2023 - tháng 12/2025			
36	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Nước Lác thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn xã Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Nước Lác	815	Tháng 3/2023 - tháng 6/2025	424		Thanh tra Sở Tài chính Kết luận số / ngày ..././202....

37	Dự án hỗ trợ nuôi trâu cái sinh sản thực hiện tiểu dự án 2 – dự án 3 thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn	UBND xã Sơn Kỳ	thôn Tà Bắc	960	Tháng 6/2023 - tháng 12/2025	595	Thanh tra Sở Tài chính Kết luận số / ngày ..././202....
38	Dự án hỗ trợ Chăn nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản thực hiện tiểu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Nhóm cộng đồng Chăn nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản thôn Bồ Nung,	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Bồ Nung	407	Tháng 10/2023 - tháng 8/2025	302	
39	Dự án hỗ trợ Chăn nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản thực hiện tiểu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Nhóm cộng đồng Chăn nuôi bò cái vàng địa phương thôn Tà Gầm, xã Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Tà Gầm	407	Tháng 10/2023 - tháng 8/2025	303	
40	Dự án hỗ trợ Chăn nuôi bò cái nội sinh sản thực hiện tiểu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái nội sinh sản thôn Mô Níc, xã Sơn Kỳ.	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Mô Níc	529	Tháng 5/2023 - tháng 4/2025	391	
41	Dự án nuôi heo ky sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi heo ky thôn Nước Lắc thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Nước Lắc	782	Tháng 6/2023 - tháng 12/2025	400	
42	Dự án nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản thôn Làng Trăng, xã Sơn Kỳ thực hiện tiểu dự án 2 - dự án 3, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024.	UBND xã Sơn Kỳ	Thôn Làng Trăng	925	Tháng 6/2024 - tháng 12/2025	548	

43	Dự án Hỗ trợ nuôi lợn móng cái sinh sản của Nhóm cộng đồng thôn Ka La và Đồng A thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn Xã Sơn Linh	UBND xã Sơn Linh	Thôn Ka La và thôn Đồng A	764	Tháng 3/2023 - tháng 6/2024	290		
44	Dự án Hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn Xã Sơn Linh	UBND xã Sơn Linh	Thôn Gò Da và thôn Bồ Nùng, xã Sơn Linh	761	Tháng 4/2023 - tháng 6/2025	580		
45	Dự án Hỗ trợ nuôi heo móng cái sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi heo móng cái sinh sản thôn Gò Da thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn Xã Sơn	UBND xã Sơn Linh	Thôn Gò Da	232	Tháng 10/2023 - tháng 10/2025	167		
46	Dự án hỗ trợ cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Làng Ghè, Làng Xinh, Đồng A thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn Xã Sơn	UBND xã Sơn Linh	Thôn Làng Ghè, Làng Xinh, Đồng A	608	Tháng 8/2023 - tháng 10/2025	482		
47	Dự án Hỗ trợ nuôi heo móng cái sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi heo móng cái sinh sản thôn Làng Xinh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn Xã Sơn	UBND xã Sơn Linh	Thôn Làng Xinh	658	Tháng 7/2023 - tháng 12/2024	578		
48	Dự án hỗ trợ cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Đồng A thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Sơn Linh	UBND xã Sơn Linh	Thôn Đồng A	355	Tháng 8/2024 - tháng 12/2025			

49	Dự án hỗ trợ cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Làng Ghè thực hiện tiểu dự án 2 – Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Sơn Linh	UBND xã Sơn Linh	Thôn Làng Ghè	382	Tháng 9/2024 - tháng 12/2025	288		
50	Dự án hỗ trợ cộng đồng nuôi bò cái lai sinh sản của nhóm cộng đồng nuôi bò cái lai sinh sản thôn Bò Nung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Sơn Linh	UBND xã Sơn Linh	Thôn Bò Nung	539	Tháng 5/2024 - tháng 12/2025			
51	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương của Tổ hợp tác nuôi bò cái vàng thôn Chàm Rao thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn xã Sơn Nham	UBND xã Sơn Nham	Thôn Chàm Rao	798	Tháng 3/2023 - tháng 6/2025	551		
52	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái lai sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái lai sinh sản thôn Xà Nay thuộc CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn	UBND xã Sơn Nham	Thôn xã Nay, xã Sơn Nham	838	Tháng 5/2023 - tháng 6/2025	560		
53	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái lai sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái lai thôn Cận Sơn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Nham	UBND xã Sơn Nham	thôn Cận Sơn	975	Tháng 8/2023 - tháng 7/2025	554		
54	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái lai sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái lai sinh sản thôn Xà Riêng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn Nham	UBND xã Sơn Nham	thôn Xà Riêng	818	Tháng 8/2023 - tháng 6/2025	560		
55	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái lai sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái lai sinh sản thôn Bàu Sơn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn Nham	UBND xã Sơn Nham	thôn Bàu Sơn	823	Tháng 9/2023 - tháng 6/2025	305		

56	Dự án Hỗ trợ nuôi heo móng cái sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi heo móng cái sinh sản thôn Cận Sơn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn Xã Sơn	UBND xã Sơn Nham	Thôn Cận Sơn	782	Tháng 10/2023 - tháng 6/2025	363		
57	Dự án Hỗ trợ nuôi heo móng cái sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi heo móng cái sinh sản thôn Bầu Sơn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn Xã Sơn	UBND xã Sơn Nham	Thôn Bầu Sơn	806	Tháng 10/2023 - tháng 6/2025	359		
58	Dự án hỗ trợ chăn nuôi gà đen thương phẩm của nhóm cộng đồng chăn nuôi gà đen thương phẩm thực hiện tiểu dự án 2 - dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn xã Sơn Thượng	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Làng Vó	1.242	Tháng 3/2023 - tháng 6/2024	553		
59	Dự án Hỗ trợ cộng đồng thực hiện dự án nuôi bò cái vàng địa phương thực hiện tiểu dự án 2 - dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương (nhóm 2) thôn Nước Tầm, xã Sơn Thượng	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Nước Tầm, xã Sơn Thượng	1.214	Tháng 4/2023 - tháng 10/2025	285		Số 945/KL-KBQN
60	Dự án Hỗ trợ cộng đồng thực hiện dự án nuôi bò cái vàng địa phương thực hiện tiểu dự án 2 - dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Tà Pa, xã Sơn	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Tà Pa, xã Sơn Thượng	1.277	Tháng 4/2023 - tháng 10/2025	308		Số 945/KL-KBQN
61	Dự án Hỗ trợ cộng đồng thực hiện dự án nuôi bò cái vàng địa phương thực hiện tiểu dự án 2 - dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương (nhóm 1) thôn Nước Tầm, xã Sơn Thượng	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Nước Tầm, xã Sơn Thượng	1.206	Tháng 4/2023 - tháng 10/2025	283		

62	Dự án hỗ trợ nuôi trâu cái sinh sản thực hiện tiêu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Sơn Thượng	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Gò Răng	914	Tháng 11/2023 - tháng 11/2025	600		
63	Dự án hỗ trợ nuôi heo bản địa sinh sản thực hiện tiêu dự án 2 – Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của nhóm cộng đồng nuôi heo bản địa thôn Làng Vố, xã Sơn Thượng.	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Làng Vố	529	Tháng 10/2023 - tháng 12/2024	169		
64	Dự án hỗ trợ chăn nuôi heo bản địa sinh sản thực hiện tiêu dự án 2 – Dự án 3, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Sơn	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Tà Com	938	Tháng 3/2023 - tháng 12/2024			
65	Dự án hỗ trợ Nuôi bò cái vàng địa phương của nhóm cộng đồng nuôi bò cái vàng địa phương thôn Tà Bàn (nhóm 1) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Tà Bàn, xã Sơn Thủy	778	Tháng 5/2023 - tháng 6/2024			
66	Dự án hỗ trợ chăn Nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản (nhóm 1) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Giã Gỏi	463	Tháng 10/2023 - tháng 10/2025			
67	Dự án chăn Nuôi bò cái vàng địa phương sinh sản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Sơn	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Giã Gỏi	447	Tháng 11/2023 - tháng 7/2025			
68	Dự án Hỗ trợ sản xuất cộng đồng “dự án chăn nuôi heo ky” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Rìn	1.003	Tháng 4/2023 - tháng 10/2025	286		

69	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái lai sinh sản của Nhóm cộng đồng nuôi bò cái lai thôn Làng Rìn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, xã Sơn Trung.	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Rìn	1.028	Tháng 10/2023 - tháng 6/2025	588		
70	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái vàng địa phương thực hiện tiểu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Nhóm cộng đồng thôn Làng Nà, xã Sơn Trung.	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Nà	1.085	Tháng 5/2023 - tháng 10/2025	488		
71	Dự án Hỗ trợ cộng đồng thực hiện dự án nuôi bò cái vàng địa phương thực hiện tiểu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Nhóm cộng đồng thôn Gò Rộc, xã Sơn Trung.	UBND xã Sơn Trung	Thôn Gò Rộc	1.085	Tháng 5/2023 - tháng 10/2025	488		
72	Dự án Hỗ trợ cộng đồng thực hiện dự án nuôi bò cái vàng địa phương thực hiện tiểu dự án 2 – dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Nhóm cộng đồng thôn Gia Ry, xã Sơn Trung.	UBND xã Sơn Trung	Thôn Gia Ry	1.085	Tháng 5/2023 - tháng 10/2025	488		
73	Dự án Hỗ trợ chăn nuôi gà kiến của Nhóm cộng đồng chăn nuôi gà kiến thôn Làng Rìn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Trung.	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Rìn	778	Tháng 10/2023 - tháng 10/2025	197		
74	Dự án Hỗ trợ sản xuất cộng đồng nuôi heo bản địa (heo đen) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Sơn Trung	UBND xã Sơn Trung	Thôn Tà Màu	1.469	Tháng 5/2023 - tháng 10/2025	233		
75	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi heo ky thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện	Xã Sơn Trung, xã Sơn Giang	6.271	Tháng 5/2023 - tháng 6/2025	3.259	-	

76	Dự án Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả (Bưởi quả thương phẩm và Ôi quả thương phẩm) theo chuỗi giá trị thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện	Xã Sơn Cao, xã Sơn Hải	7.949	Tháng 7/2023 - tháng 7/2025	3.495	280	
77	Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm Dừa xiêm quả thương phẩm và Ôi quả thương phẩm theo chuỗi giá trị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024	Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện	Xã Sơn Cao, xã Sơn Giang	12.797	Tháng 7/2024 - tháng 7/2025	2.185	70	
2.2	Huyện Sơn Tây			16.434		14.907		
78	Dự án chăn nuôi Bò sinh sản thôn Đăk Panh.	UBND xã Sơn Màu		464	Năm 2022	464		
79	Dự án chăn nuôi Bò sinh sản thôn Tà Vinh	UBND xã Sơn		484	Năm 2023	484		
80	Dự án chăn nuôi Dê thôn Hà Lên	UBND xã Sơn		533	Năm 2023	533		
81	Dự án chăn nuôi Dê thôn Tà Vinh	UBND xã Sơn		533	Năm 2023	533		
82	Dự án chăn nuôi Dê thôn Đăk Pao	UBND xã Sơn		533	Năm 2023	533		
83	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	Các HTX trên huyện Sơn Tây	660		0		
84	Dự án chăn nuôi Bò cái vàng sinh sản thôn Mang Rế, xã Sơn Lập	UBND xã Sơn Lập	Thôn Mang Rế - xã Sơn Lập	655	Năm 2023-2025	550		
85	Dự án chăn nuôi Bò cái vàng sinh sản thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập	UBND xã Sơn Lập	Thôn Mang Trầy - xã Sơn Lập	655	Năm 2023-2025	550		
86	Dự án chăn nuôi dê lai Boer trên địa bàn thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập	UBND xã Sơn Lập	Thôn Mang Trầy - xã Sơn Lập	375	Năm 2023-2025	308		
87	Dự án chăn nuôi heo ky sinh sản trên địa bàn thôn Tà Ngâm, xã Sơn Lập	UBND xã Sơn Lập	Thôn Tà Ngâm - xã Sơn Lập	620	Năm 2023-2025	545		
88	Nuôi heo ky sinh sản	UBND xã Sơn	UBND xã Sơn	334	Năm 2024	305		
89	Nuôi bò sinh sản	UBND xã Sơn	UBND xã Sơn	1.760	Năm 2024	1.622		
90	Dự án hỗ trợ nuôi dê lai boer thôn Bà He	UBND xã	xã Sơn Tinh	463	Năm 2023-2025	432		
91	Dự án hỗ trợ nuôi dê lai boer thôn Ka Năng	UBND xã	xã Sơn Tinh	687	Năm 2023-2025	646		
92	Dự án hỗ trợ nuôi dê lai boer thôn Nước	UBND xã	xã Sơn Tinh	686	Năm 2023-2025	646		
93	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái thôn Bà He	UBND xã	xã Sơn Tinh	826	Năm 2023-2025	784		
94	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái thôn Ka Năng - Ra Tân	UBND xã	xã Sơn Tinh	825	Năm 2023-2025	784		
95	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái thôn Nước Kia	UBND xã	xã Sơn Tinh	826	Năm 2023-2025	784		
96	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái thôn Nước Kia	UBND xã	xã Sơn Tinh	744	Năm 2024-2025	744		

97	Dự án hỗ trợ nuôi bò cái thôn Bà He	UBND xã	xã Sơn Tinh	744	Năm 2024-2025	744		
98	Dự án trồng Dứa MD2 (Nhóm cộng đồng dân cư thôn Nước Vượng)	UBND xã Sơn Liên	Thôn Nước Vượng	333	Năm 2022	333		
99	Dự án trồng Mít ruột đỏ (Nhóm cộng đồng dân cư thôn Nước Vượng)	UBND xã Sơn Liên	Thôn Nước Vượng	500	Năm 2022	495		
100	Dự án chăn nuôi Bò cái vàng địa phương (Nhóm cộng đồng dân cư thôn Nước Vượng)	UBND xã Sơn Liên	Thôn Nước Vượng	598	Năm 2022	598		
101	Dự án chăn nuôi heo ky địa phương (Nhóm cộng đồng dân cư thôn Tang Tong)	UBND xã Sơn Liên	Thôn Tang Tong	422	Năm 2022	422		
102	Dự án chăn nuôi Bò cái vàng sinh sản (Nhóm cộng đồng dân cư thôn Nước Vượng)	UBND xã Sơn Liên	Thôn Nước Vượng	576	Năm 2022	527		
103	Dự án chăn nuôi Bò cái vàng sinh sản (Nhóm cộng đồng dân cư thôn Đắc Doa)	UBND xã Sơn Liên	Thôn Đắc Doa	597	Năm 2022	540		
2.3	Huyện Trà Bồng			81.521		48.273		
104	Dự án: Chăn nuôi bò cái lai sinh sản	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	3.658	Năm 2022, Năm 2023	3.149		Thanh tra huyện: Kết luận số 03/KL-TTH ngày 12/9/2024
105	Dự án: Chăn nuôi bò cái lai sinh sản	UBND xã Trà Thủy	Xã Trà Thủy	1.353	Năm 2024	464		
106	Dự án: Trồng cây Quế	UBND xã Hương Trà	Xã Hương Trà	234	Năm 2023	230		
107	Dự án: Chăn nuôi bò cái nội sinh sản	UBND xã Hương Trà	Xã Hương Trà	3.312	Năm 2023	2.988		
108	Dự án: Chăn nuôi bò cái nội sinh sản	UBND xã Hương Trà	Xã Hương Trà	920	Năm 2024	750		
109	Dự án: Chăn nuôi bò cái lai sinh sản	UBND xã Trà Lâm	Xã Trà Lâm	368	T7/2023-T7/2025	301		
110	Dự án: Chăn nuôi bò cái vàng địa phương (Bò nội sinh sản)	UBND xã Trà Lâm	Xã Trà Lâm	2.208	T7/2023-T7/2025	1.802		
111	Dự án: Chăn nuôi bò cái nội sinh sản	UBND xã Trà Phong	Xã Trà Lâm	805	T8/2024-T8/2026	707		
112	Dự án hỗ trợ heo đen cho cộng đồng thôn Trà Niu	UBND xã Trà Phong	Xã Trà Phong	368	T8/2023-T8/2025	365		
113	Dự án hỗ trợ bò cái vàng địa phương cho cộng đồng thôn Hà Riêng	UBND xã Trà Phong	Xã Trà Phong	2.750	T8/2023-T8/2025	2.701		
114	Hỗ trợ giống bò cái nội sinh sản cho cộng đồng thôn Gò Rô và Trà Bung	UBND xã Trà Phong	Xã Trà Phong	915	T9/2024-T9/2026	692		
115	Dự án Chăn nuôi Bò cái nội (Bò vàng địa phương sinh sản)	UBND xã Trà Tân	Xã Trà Tân	1.757	T8/2024-T8/2026	1.435		
116	Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản nhóm cộng đồng số 4, thôn Trà Ôt xã Trà Tân	UBND xã Trà Tân	Xã Trà Tân	2.002	T12/2024-T12/2026	1.688		
117	Dự án 1: hỗ trợ dự án bò cái nội sinh sản	UBND xã Trà	Xã Trà Tây	4.502	Năm 2023, 2024	3.293		

118	Dự án: Chăn nuôi bò cái lai sinh sản	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	343	T4/2024-T4/2026	268		
119	Hồ trợ bò cái lai Zebu	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	1.060	T12/2023-	740		
120	Hồ trợ bò cái vàng địa phương	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	741		537		
121	Hồ trợ cây quế (uom trong túi bầu)	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	959		771		
122	Hồ trợ lợn nội sinh sản (heo Ky)	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	120		97		
123	Hồ trợ Bò cái nội (Bò cái vàng địa phương) sinh sản	UBND xã Trà Bùi	xã Trà Bùi	800		564		
124	Dự án chăn nuôi bò cái nội (bò vàng địa phương)	UBND xã Sơn Trà	xã Sơn Trà	3.533	Năm 2023	3.001		Thanh tra huyện: Kết luận số 04/KL-TTH ngày 18/11/2024
125	Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản	UBND xã Sơn Trà	xã Sơn Trà	1.573	Năm 2024	978		
126	Dự án: Chăn nuôi bò cái nội sinh sản	UBND xã Trà	xã Trà Hiệp	2.434	T9/2023-T9/2025	2.248		
127	Dự án: Chăn nuôi bò cái nội sinh sản	UBND xã Trà	xã Trà Hiệp	1.230	T9/2024-T9/2026	611		
128	Dự án Chăn nuôi bò cái nội sinh sản, xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng	UBND xã Trà Sơn	Xã Trà Sơn	4.629	2022-2024	3.433		
129	Dự án 1: Dự án chăn nuôi heo nội sinh sản (giống heo đen)	BCH Hội Nông dân huyện Trà Bồng	Xã Trà Lâm	92	Tháng 10-2023/Tháng 12-2023	92		
130	Dự án 2: Dự án chăn nuôi lợn nội sinh sản (lợn móng cái)	BCH Hội Nông dân huyện Trà Bồng	Xã Trà Tân	145	Tháng 11-2024/Tháng 12-2024	145		
131	Dự án 3: Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản	BCH Hội Nông dân huyện Trà Bồng	Xã Trà Sơn	125	Tháng 11-2024/Tháng 12-2024	125		
132	Dự án 4: Dự án trồng quế uom trong túi bầu	BCH Hội Nông dân huyện Trà Bồng	Xã Hương Trà	75	Tháng 11-2024/Tháng 12-2024	75		
133	Dự án: Chăn nuôi bò cái nội bò vàng địa phương sinh sản	UBND xã Trà Xinh	Xã Trà Xinh	188	T8/2024-T8/2026	171		
134	Dự án: Chăn nuôi bò cái nội bò vàng địa phương sinh sản	UBND xã Trà Xinh	Xã Trà Xinh	2.006	T9/2023-T9/2025	1.600		
135	Dự án: Chăn nuôi bò cái lai sinh sản	UBND xã Trà Giang	Xã Trà Giang	297	T12/2022-T12/2023	297		
136	Dự án: Chăn nuôi bò cái lai sinh sản	UBND xã Trà Giang	Xã Trà Giang	1.584	T12/2023-T12/2025	1.263		
137	Dự án: Trồng cây Quế	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Trà Bồng	Các xã: Lâm, Hiệp, Thủy, Sơn	4.596	7/2023	3.157		
138	Dự án: Trồng cây Quế	Phòng NN&PTNT	7 xã	4.683	31/12/2024	3.350		
139	Đầu tư, Hồ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý...	Phòng NN&PTNT		18.384				

140	Dự án: Chăn nuôi bò cái vàng địa phương (Bò nôi sinh sản)	UBND xã Trà Thanh	xã Trà Thanh,	3.233	Năm 2024	2.062	
141	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	huyện Trà Bồng	560	Năm 2023, 2024	533	
142	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	Phòng văn hoá và Thông tin huyện	huyện Trà Bồng	1.128	2023-2024	811	
143	Đào tạo nghề thường xuyên (dưới 03 tháng)	Phòng Lao động-TB&XH	huyện Trà Bồng	1.287	Từ 10-12/2024	751	
144	Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS và MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Phòng Lao động-TB&XH	huyện Trà Bồng	563	Năm 2024	30	
2.4	Huyện Ba Tơ			2.225	-	106	
145	Nuôi trâu cái sinh sản	UBND xã Ba	Thôn Gò Nghênh		Năm 2022		
146	Nuôi gà ta thả vườn	UBND xã Ba Điện	Thôn Làng Tương, Làng Rêu, Gò Nghênh	499	Năm 2023		
147	Giống bò zebu cái lai sinh sản	UBND xã Ba Điện	Thôn Làng Tương, Hy Long, Làng Rêu, Gò Nghênh	531	Năm 2023		
148	Heo kỵ sinh sản	UBND xã Ba Điện	Thôn Làng Tương, Hy Long, Làng Rêu	490	Năm 2023		
149	Nuôi vịt xiêm thả vườn	UBND xã Ba Điện	Thôn Làng Tương, Hy Long, Làng Rêu, Gò Nghênh		Năm 2023		
150	Dự án chăn nuôi gà ta thả vườn TDP Kon Dung	UBND thị trấn Ba Tơ	TDP Kon Dung	100	2023-2024	95	
151	Dự án chăn nuôi gà ta thả vườn TDP Ủy Năng	UBND thị trấn Ba Tơ	TDP Ủy Năng	304	2023-2024	5	
152	Dự án chăn nuôi vịt xiêm trên địa bàn TDP Kon Dung	UBND thị trấn Ba Tơ	TDP Kon Dung	302	2023-2024	6	
2.5	Huyện Minh Long			5.538		5.178	
153	Dự án Nhóm cộng đồng thực hiện mô hình chăn nuôi Lợn nội sinh sản, thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 thực hiện sang năm 2023	UBND xã Long Mai	Thôn Long Thượng, Mai Lãnh Hữu, Kỳ Hát	273	2022/2023	273	

154	Dự án Nhóm cộng đồng thực hiện mô hình cây Cau thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	UBND xã Long Mai	Thôn Trung Thượng, Mai Lành Hạ, Mai Lành Hữu, Long Thượng,	456	2023/2023	456		
155	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng Mô hình trồng cây Cau, thuộc Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền	UBND xã Long Mai	Thôn Dư Hữu,	359	2023/2023	359		
156	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng Mô hình trồng cây Keo (Cây keo nuôi cấy mô), thuộc Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	UBND xã Long Mai	Thôn Dư Hữu	451	2023/2023	451		
157	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng Mô hình trồng cây Keo (Cây keo nuôi cấy mô), thuộc Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 tại thôn Trung Thượng, xã Long Mai, huyện Minh Long. Mã số 00513 thuộc Chương trình MTQG dân tộc thiểu số. Khởi đầu năm 2023. Kết thúc: 2023.	UBND xã Long Mai	Thôn Trung Thượng	273	2023/2023	273		
158	Dự án chăn nuôi Bò cái lai sinh sản (bò lai zebu) tại thôn Ba, thôn Hà Liệt	UBND xã Long Hiệp	Thôn Ba, thôn Hà Liệt	377	2022/2022	377		
159	Dự án chăn nuôi Bò cái lai sinh sản (bò lai zebu) tại thôn Hai	UBND xã Long Hiệp	Thôn Hai	271	2023/2023	271		
160	Dự án chăn nuôi trâu cái sinh sản tại thôn Hà Liệt	UBND xã Long Hiệp	Thôn Hà Liệt	498	2023/2023	498		
161	Dự án chăn nuôi trâu cái sinh sản tại thôn Hà Bôi	UBND xã Long Hiệp	Thôn Hà Bôi	474	2023/2023	474		
162	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng chăn nuôi trâu cái sinh sản tại thôn Làng Ren, xã Long Môn	UBND xã Long Môn	Thôn Làng Ren	254	Tháng 12 năm 2023 và năm 2024	253	1	
163	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng chăn nuôi Bò cái lai sinh sản tại thôn Làng Ren, xã Long Môn	UBND xã Long Môn	Thôn Làng Ren	455	Tháng 12 năm 2023	455	0	
164	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng chăn nuôi Bò cái lai sinh sản tại thôn Làng Tré, xã Long Môn	UBND xã Long Môn	Thôn Làng Tré	470	Tháng 12 năm 2023	469	1	

165	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng chăn nuôi Bò cái lai sinh sản tại thôn Làng Giữa, xã Long Môn	UBND xã Long Môn	Thôn Làng Giữa,	570	Tháng 12 năm 2023	569	1	
166	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng chăn nuôi trâu cái sinh sản tại thôn Làng Ren, xã Long Môn	UBND xã Long Môn	Làng Ren	357	năm 2025	-	357	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN 1 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOÀN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14/04/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung hỗ trợ																			
Đất ở		Nhà ở		Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề										Nước sinh hoạt phân tán					
TT	Đơn vị	Bổ trí	Tự chuyển	Tự tổ chức	UBND cấp	Không	Khai	Mua sắm	Làm dịch	Học nghề	Chuyển	Mua sắm	Xây dựng bể						
		hỗ trợ cho	nhượng	xây dựng hoặc	xã tổ chức	được hỗ	hoang,	máy móc	vụ sản xuất		đổi nghề	trang bị téc,	chứa nước						
		người dân	quyền sử	sửa chữa	xây dựng	trợ kinh	phục hóa,	nông cụ	nông			lu....	phục vụ sinh						
		chỗ ở theo	dụng đất			phí từ	cải tạo đất		nghiep		đổi nghề		hoạt						
		hình thức				ngân sách													
		xen ghép				nhà nước													
		Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện						
		hiện	hiện	hiện	hiện	hiện	hiện	hiện	hiện	hiện	hiện	hiện	hiện						
							</												

Ghi chú: Đề nghị Báo cáo Nội dung Triển khai san gạt, tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để giao đất ở và Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung tại Phụ lục số 05a

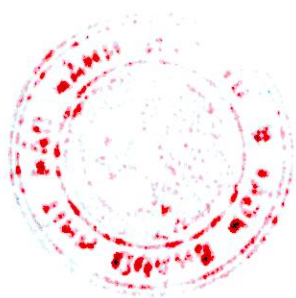
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN 2 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC
THIẾT SỔ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh)

Phụ lục số 07
 DVT: Triệu đồng

Đơn vị		Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng										Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình										Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép									
		Bồi thường, GPMB		Khai hoang đất sản xuất		Hỗ trợ nhà ở		Hỗ trợ đất sản xuất		Hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ		Hỗ trợ các chính sách hiện hành		Khai hoang đất ở		Khai hoang đất sản xuất		Bồi thường đất ở		Bồi thường đất sản xuất											
		Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện	Số hộ	Kinh phí thực hiện										
T	T	Tổng cộng																													
		361	34.472	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-									
2.1 Huyện Sơn Hà		60	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
1 Khu tái định cư Xã Riêng		30	4.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
2 Dự án xây dựng khu tái định cư Gò Rem, thôn Làng Rê, xã Sơn Giang		30	4.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
2.2 Huyện Sơn Tây		113	11.428	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
1 Bố trí sắp xếp ổn định dân cư (Tái định canh định cư) Điểm KDC Ta Gân, thôn Đăk Lang, xã Sơn Dung		45	5.465	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
2 Điểm Định canh định cư tập trung thôn Tang Tong, xã Sơn Liên		30	4.254	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
3 Định canh, định cư tập trung Đội 8, thôn Bà Hê, xã Sơn Tinh		38	1.709	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
2.3 Huyện Trà Bồng		112	6.888	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
1 Khu tái định cư tổ 4, thôn 2 (Nóc Ông Đền), xã Trà Thủy		32	2.015	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
2 Khu tái định cư tổ 1, tổ 3 thôn Sơn, xã Sơn Trà		40	2.387	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
3 Khu tái định cư tổ 3 thôn Tây, xã Trà Tây		40	2.486	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
2.4 Huyện Ba Tơ		51	5.564	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
1 Khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô, xã Ba Tơ		26	2.264	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
2 Khu tái định cư tổ 4 thôn Nước Lãng, xã Ba Xã		25	3.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
3 Khu tái định cư tập trung Tổ Đèo Ai, thôn Nước Dạng, xã Ba Trang		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
2.5 Huyện Minh Long		25	2.593	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
1 Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBK Thôn Làng Trê		25	2.593	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
2 Dự án khu dân cư Hồ Râm, thôn Kỳ Hắt, xã Long Mai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-										
Chưa bố trí vốn thực hiện do vướng mắc về quy hoạch sử dụng đất																															

</

Ghi chú: Điền thời điểm báo cáo, các khu dân cư chưa thực hiện bố trí, sắp xếp dân cư vào dự án, chưa thực hiện các dự án xen ghép



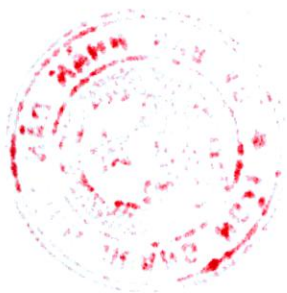
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI VÀ CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOÀN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh)



Doanh số cho vay giai đoạn 2022 - 2024													Dự nợ cho vay đến 31/12/2024													
TT	Đơn vị	Chỉ tiêu kế hoạch vốn vay	Hỗ trợ đất ở		Hỗ trợ nhà ở		Hỗ trợ đất sản xuất, chăn nuôi, chuyển đổi nghề		Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng được liên quý		Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị				Hỗ trợ đất ở		Hỗ trợ nhà ở		Hỗ trợ đất sản xuất, chăn nuôi, chuyển đổi nghề		Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng được liên quý		Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị			
			Số hộ	Doanh h số cho vay	Số hộ	Doanh số cho vay	Số hộ	Doanh số cho vay	Số cơ sở sản xuất kinh doanh	Doanh h số cho vay	Số hộ	Doanh h số cho vay	Doanh nghiệp HTX	Doanh h số cho vay	Số hộ	Doanh h số cho vay	Số hộ	Doanh số cho vay	Số hộ	Doanh số cho vay	Số cơ sở sản xuất kinh doanh	Doanh h số cho vay	Số hộ	Doanh h số cho vay	Doanh nghiệp HTX	Doanh h số cho vay
	Tổng cộng	66.666	3	140	1.534	61.250	108	6.110	-	-	-	-	-	3	140	1.525	60.795	103	5.591	-	-	-	-	-	-	-
1	Huyện Sơn Hà	19.040			418	16.720	39	2.520								417	16.653	38	2.387							
2	Huyện Sơn Tây	4.370	3	140	81	3.215	31	1.430						3	140	75	2.960	28	1.270							
3	Huyện Trà Bồng	35.019			879	35.110										878	35.019									
4	Huyện Ba Tơ	4.914			91	3.640	29	1.500								91	3.638	28	1.276							
5	Huyện Minh Long	2.445			62	2.445	1	40								61	2.405	1	40							
6	Huyện Nghĩa Hành	878			3	120	8	620								3	120	8	618							

DVT: triệu đồng



KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, CHỈ SỐ CHỦ YẾU THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh)

TT	Mục tiêu/chỉ tiêu	ĐVT	Cấp thẩm quyền giao	Kết quả thực hiện				Đánh giá	Ghi chú
				Đến thời điểm báo cáo (31/12/2024)		Dự kiến kết thúc giai đoạn (31/12/2025)			
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)		
1	Mục tiêu về tỷ lệ giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số bình quân hàng năm (%)	%	4-5%/năm		16,54		29,81	Đạt	Năm 2022 giảm 5,37%, năm 2023 giảm 6,01%, năm 2024 giảm 7,72%, dự kiến năm 2025 giảm 11,07%
2	Nhóm mục tiêu số xã, thôn ra khỏi địa bàn ĐBKK	%	50						
2.1	Số xã ra khỏi địa bàn ĐBKK	Xã	26	8	30,8	26	100	Được đánh giá vào cuối năm 2025	
2.2	Số thôn ra khỏi địa bàn ĐBKK	Thôn	121					Được đánh giá vào cuối năm 2025	
3	Thu nhập bình quân đầu người của người DTTS	Tr. Đồng/người/năm	28,8			28,8	100	Được đánh giá vào cuối năm 2025	Theo Báo cáo số 1222-BC/BCS ngày 11/8/2023 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh dự kiến đến năm 2025 thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số đạt 2,4 triệu đồng/người/tháng, đạt
4	Nhóm mục tiêu về cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở								
4.1	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm được rải nhựa hoặc bê tông	%	100		100		100	Đạt	
4.2	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	%	70		94,8		>=94,8	Đạt	
4.3	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố	%	100		100		100	Đạt	
4.4	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	%	100		100		100	Đạt	
4.5	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	%	99		98		99	Gần đạt	
4.6	Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	90		91		>=91	Đạt	
4.7	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình	%	100		99		100	Gần đạt	
4.8	Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh	%	100		99		100	Gần đạt	
5	Nhóm mục tiêu về lĩnh vực giáo dục								
5.1	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường	%	> 98		99,4		> 99,4	Đạt	
5.2	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường	%	> 97		97		> 98	Đạt	
5.3	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường	%	> 95		94,5		> 95	Gần đạt	
5.4	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường	%	> 60		57,8		> 60	Gần đạt	
5.5	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%	> 90		90		> 90	Đạt	
6	Nhóm mục tiêu về lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe người dân								
6.1	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế	%	98				>=98	Gần đạt	
6.2	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ)	%	> 80		91		>=91	Đạt	
6.3	Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế	%	> 80		89		>=89	Đạt	
6.4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	< 15		21,4		< 15	Chưa đạt	
7	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	50		62,95		>=62,95	Đạt	

8	Nhóm mục tiêu về bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc							
8.1	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	80		95,5		$\geq 95,5$	Đạt
8.2	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	%	50		35		≥ 50	Chưa đạt
9	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị các cấp							
9.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị các cấp	% Đạt/ Không	(10-30)%	1687	6,78	1687	6,78	Chưa đạt
9.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý	% Đạt/ Không	15%	133	7,88	133	7,88	Chưa đạt
								Được tính đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện